Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

NĂM THỨ BA, SỐ 36 — 15 Janvier 1928

Hữu-Thanh

DEPOT LEGAL INDOCHINE N° 837

CƠ-QUAN CỦA HỘI BẮC-KỲ CÔNG-THƯƠNG ĐỒNG-NGHIỆP

Tùng-thư của hội Ích-Hữu Thư-Xã

Sáng-lập : NGUYỄN-HUY-HỢI

Chủ-nhiệm : NGHIÊM-VỊNH

YẾU-MỤC

MẤY LỜI KHAI-BÚT	72	GÁI PHỤC THÙ CHA	101
QUAN TOÀN-QUYỀN MỚI	77	CÂU CHUYỆN ĐÊM XUÂN	109
QUỐC-TẾ-THỊ	78	THIẾU-NIÊN ANH-HÙNG	114
SỰ XUẤN	84	XUÂN-THU ĐÀM-ÂN	118
HÌNH-ẢNH CỔ-NHÂN	86	THỜI-ĐÀM	120
VĂN-THƠ	92	CÔNG VIỆC HỘI CÔNG-THƯƠNG ĐỒNG-NGHIỆP	138
PHÁP-VĂN DIỄN-NÔM	98		

Mỗi tháng xuất bản hai kỳ : mồng một và rằm

DIRECTION — RÉDACTION
ADMINISTRATION

63, Rue du Coton, HANOI

IMPRIMERIE PAPETERIE
Téléphone nº 346

1923

Mỗi số 0p.25

HỮU-THANH TẠP-CHÍ

Luân-Lý. — Học-Thuật. — Thực-Nghiệp. — Kinh-Tế. — Văn-Nghệ

Organe de l'Association Amicale des Employés Indigènes de Commerce et d'Industrie du Tonkin

Edition de la Société «Ích-hữu-thư-xã»

ÂN-NHÂN CỦA « HỮU-THANH »

MM. Phạm-Văn-Thụ . . . . . *Tổng-đốc Nam-định*
Vũ-Ngọc-Hoánh . . . . . *Tuần-phủ Lạng-sơn*
Trần-Mỹ . . . . . *Tuần-phủ Thái-bình*
Nguyễn-Tất-Tế . . . . . *Thương-tá Hà-đông*

Chủ-nghĩa và mục-đích « Hữu-Thanh »

Hữu-Thanh tạp-chí *này, lấy « Hữu-ái » làm chủ-nghĩa, mục-đích để cổ-động cái tinh-thần tương-ái trong đồng-bào mong người trong nước cùng yêu mến nhau như ruột thịt, để nương tựa nước Pháp lên đường văn-minh.*

Biên-tập đủ các môn luân-lý, học-thuật, văn-nghệ, thực-nghiệp, kinh-tế để giúp quốc-dân về mọi đường phổ-thông tri-thức. Phàm biên-tập cốt lấy thông-thường làm trọng.

Giá tạp-chí « Hữu-Thanh »

Sáu tháng... 2 p. 50 Một năm... 5 p. 00 Ngoại-quốc mỗi năm... 6 p. 00

Mua tập-chí « Hữu-Thanh » xin giả tiền trước

Tòa tạp-chí « Hữu-thanh » ở số 58 Phố Hàng Bông (**58 Rue du Coton** *Hanoi*)

MEUBLES ET CARPETTES EN JONC RETORS

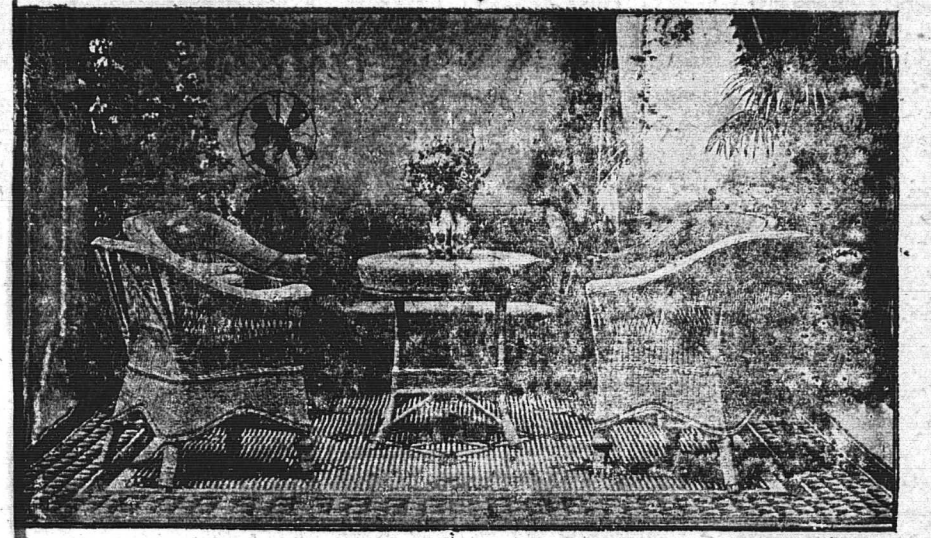

CHÂN-THỤY, 6, Quai Clémenceau, Hanoi

COMPAGNIE DE COMMERCE ET DE NAVIGATION D'EXTRÊME-ORIENT

ALLATINI & Cie

36, rue Harmand, HAIPHONG

1° Bán gia đóng giầy của các nhà thuộc-gia đã có gianh-tiếng bên nước Pháp tại tỉnh STRASBOURG.

Gia boxcalf, gia chevreau, gia vachette vernie, gia dế, gia cổ giầy (giầy mỏng đủ các hạng và các mùi).

Sắp sang gĩa đế cả cuộn, kiểu giầy, đinh đồng, và chỉ khâu giầy. Lại bán cả các thứ gia cần dùng, như gia làm cương ngựa, yên ngựa, làm đồ gỗ và các giầy chạy máy.

2° Bán rầu máy, hiệu TEXAS OII ở CITY.

Thứ Summer Black : bán lẻ p. **0.30**, *bán cả thùng p.* **0.275** *một cân.*

3° Đồ dùng về ngày tết Annam.

Rượu mùi, rượu mạnh và các thứ khác.
Kẹo và mứt mới ở bên tây sang đủ các thứ.

AI CẦN DÙNG MUA XIN HỎI TẠI :
Haiphong : số nhà 36 phố Harmand, và Hanoi số 33 phố Đồng-Khánh.

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

AU BONHEUR DES TONKINOIS



HAI-CHINH

53 et 76 Rue du Pont-en-Bois

HANOI



Nhà chế-tạo ra các kiểu mũ và các thức khăn sếp sẵn, xuất-hiện đã 10 năm nay được nhiều cái quang-cảnh hân-hạnh như sau này :

Hoàng-Thượng ban kim-tiền.

Nhà-nước thưởng médaille chương-mỹ bội tinh.

Hội Ái-Mỹ tặng những bằng khen ngoại hạng (Hors concours).

Nghề làm mũ và khăn của hãn hiệu cũng suy xét được nhiều, dùng toàn thợ khéo làm rất kỹ lưỡng mà hợp-thời-trang ; giá bán phải chăng, qui-khách mua buôn hay mua lẻ xin cứ gửi thơ cho bản-hiệu và gửi cho một phần tiền đặt trước ; tiếp được thơ xin gửi ngay theo cách lĩnh-hóa giao-ngân đi tỉnh nào cũng được.

Nay kính : HAI-CHINH

TA NÊN DÙNG ĐỒ NỘI-HÓA

Hiệu CHÂN-THỤY *ở số 4 Phố Mới Hanoi (4 Rue Jean Dupuis Hanoi) có bán đủ các thứ màn chẳng, màn gọng, màn cưới, đủ các mùi. Cũng ở phố ấy số 13 và đường Bờ sông số 6 (6 Quai Clémenceau Hanoi) hiệu ấy lại chuyên cả nghề làm chiếu bằng các thứ cói se nữa. Đồ nội-hóa chế ra theo lối kim-thời đã rất khéo, rất đẹp, lại rất tốt, rất bền, ta nên dùng.*

Các ngài ở xa có lòng chiếu-cố đến xin viết thư cho bản-hiệu hay là cho ông ĐÀO-THAO-CẢNH *Tổng-thư-ký tòa tạp-chí* HỮU-THANH *ở số 58 phố hàng Bông Hanoi (58 Rue du Coton Hanoi) cũng được.*

CHÂN-THỤY cẩn-bạch,

HOTEL DE LA MARINE

(NAM-LỢI KHÁCH-SẠN)

76, Avenue Paul Doumer, Haiphong

Hàng cơm tây to nhất của người Việt-Nam ta chủ-trương.

Ăn tháng, ăn bữa, đặt tiệc đến 500 người. Bản-hiệu lúc nào cũng sẵn sàng thừa-tiếp không phải chờ đợi.

Có phòng cho thuê tháng, thuê ngày, đủ cả quạt và đèn điện.

Lại có xe ô-tô đón khách.

HÃNG TÀU CHẠY SÔNG Ở BẮC-KỲ

F. SAUVAGE, Armateur

SERVICE SUBVENTIONNÉ

Nhà giấy — Số 138, Phố Bờ Sông — Hanoi

Giờ tàu chạy trong mùa nước xuống

ĐƯỜNG HANOI — TUYÊN-QUANG		ĐƯỜNG HANOI — CHỢ-BỜ		ĐƯỜNG TUYÊN-QUANG — HANOI	
Lúc đi đỗ ở : Sơn-tây, Viétri, Thum, Phan-Lemy, Kim-xuyên, Phủ-đoan, Đĩa,		Lúc đi lúc về đỗ ở : Sơn-tây, Viétri, Trung-hà Laphù, Đabong, Tu-vũ, Hòa-bình.		Lúc về đỗ ở : Đĩa, Phủ-đoan, Kim-xuyên, Lemy, Phan-lương, Tham, Viétri, Sơn-tây	
ĐI	VỀ	ĐI	VỀ	ĐI	VỀ
Ở Hanoi Lúc đi Thứ hai Thứ tư Thứ sáu hồi 10 giờ sáng	Đến Viétri Lúc đi Cùng trong một ngày hồi 6 giờ chiều	Ở Tuyên-quang Lúc về Thứ hai Thứ tư Thứ sáu Hồi 7 giờ sáng	Đến Viétri Lúc về Cùng trong một ngày	Ở Hanoi Lúc đi Thứ ba Thứ bảy Hồi 10 giờ sáng	Đến Chợ-bờ Lúc đi Thứ tư Chủ-nhật Hồi 6 chiều
Ở Viétri Lúc đi Thứ ba Thứ năm Thứ bảy hồi 5 giờ sáng	Đến Tuyên-quang Lúc đi Cùng trong một ngày Hồi 6 giờ chiều	Ở Viétri Lúc về Thứ ba Thứ năm Thứ bảy Hồi 10 giờ sáng	Đến Hanoi Lúc về Cùng trong một ngày Hồi 3 giờ chiều	Ở Chợ-bờ Lúc về Thứ năm Thứ hai Hồi 7 giờ sáng	Đến Hà-nội Lúc về Cùng trong một ngày Hồi 9 giờ chiều

Những tàu ở Hanoi và Tuyên-quang về thì đều mắc-xế ở Viétri cả (đường Hanoi — Tuyên-quang)

Đường tàu Thương-Mại

Đường Haiphong — Hanoi

Haiphong : Những lúc đi cứ cách 2 ngày hồi 5 chiều thì đi

Đường Haiphong, Nam-định và Hanoi — Nam-định, Haiphong và Hanoi thì khi nào cần đến mới phải chạy mà thôi

Hàng hóa thì phải xếp xuống tàu ít là trước khi một giờ tàu chạy.

Nhận hàng chở thẳng tới tận bến hay là đỗ hàng cả các chỗ mắc-xế

Nộp hộ thuế thương-chính, trừ hàng — Cho thuê tàu cả chuyến hay chở các phà các thuyền hàng

Tổng-cục : Haiphong

Đường Haiphong — Hanoi

Hanoi : Những lúc đi, Cứ cách 2 ngày hồi 5 giờ chiều thì đi

Đường Haiphong — Haiphong

Các chi-quản : Sơn-tây, Việtri, Tuyên-quang và Chợ-bờ

ĐƯỜNG TUYÊN-QUANG GHIÊM-HÓA

Nhân vì mùa nước xuống nên đường Tuyên-quang Chiêm-hoá thuỷ-lnh-thoảng không chạy được,

ĐÔNG-PHÁP YÊN-THẢO CÔNG-TY

SOCIÉTÉ DES TABACS DE L'INDOCHINE

SOCIÉTÉ ANONYME AU CAPITAL DE 6.000.000 FRANCS

Administration et Manufacture à Hanoi

Sản xuất những thứ THUỐC-LÁ như sau này :

(PRODUITS RECOMMANDÉS)

Thuốc thái (Tabacs) Coq et Scaferlatl

Thuốc cuốn (Cigarettes) Coq, Alliés. Métropole, Favorites. Dragon d'or, Midinettes

Thuốc Si-gà (Cigares) : Mandarin, Bouquet.

DEMANDEZ LE PRIX-COURANT

Annam : nên hút thuốc lá « hiệu con gà tì giồng giọt tại xứ ta, vừa ngon vừa rẻ. Ai ôi nên hút thuốc lá hiệu con gà ».

NGUYỄN-HUY-HỢI Công-ty

HA-NOI — số 78, Phố-Mới, số 78 — HANOI

HỮU-HẠN TẬP-CỔ CÔNG-TY

Vốn 42.500 p. 00

Đóng, chữa, sơn lại, các thứ xe tay, xe ngựa.

Xe nhà cao-su kiểu mới, thực đẹp, thực nhã ; các quí-khách muốn đặt kiểu nào cũng được.

Có nhiều kiểu xe đã bầy tại Hội-chợ mới rồi và có nhiều xe chạy trong thành-phố Hà-nội,

Giá tính phải chăng, Làm cẩn-thận và thật mau.

Các ngài ở nơi xa muốn đóng xe, bản hiệu xin đóng cẩn-thận mà gửi đi.

Đã có nhiều ngài trong Nam-kỳ nhận được xe của bản-hiệu đóng gửi thơ ra ban khen bản-hiệu.

Xin các quí-khách chiếu cố, bản-hiệu hết lòng hoan-nghênh.

NGUYỄN-HUY-HỢI Công-ty

Năm thứ ba — N° 36 15 Janvier 1923

HỮU-THANH

Kính mừng năm mới

MẤY LỜI KHAI-BÚT

Bước sang năm mới này là Việt-Nam tổ-quốc hơn bốn nghìn năm sinh-tồn trên thế-giới lại thêm được một năm nữa đây. Điều đó hẳn là điều thứ nhất mà năm mới làm cho khắp quốc-dân ai cũng lấy làm vui mừng vậy. Tuy vậy, ta cũng phải nên biết thêm một năm thì chỉ làm cho tổ-quốc ta sống được nhiều năm ra, hay là cái sự tiến-hóa của tổ-quốc ta cũng có theo cái nhiều năm ấy mà tăng-gia không ? Ngày xưa đức Khổng-tử có dạy rằng : « *Phụ-mẫu chi niên, bất khả bất tri giả, nhất tắc dĩ hỉ, nhất tắc dĩ cụ* » ; nghĩa là : tuổi cha mẹ, cần phải biết, vì rằng một là biết để mà mừng rằng cha mẹ thọ thêm một năm, một là biết để mà lo sợ rằng cha

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

mẹ sắp đến cõi chết. Đối với tổ-quốc ta cũng như đối với cha mẹ ta, ta cũng đều nên có hai cái cảm-niệm khác nhau về sự tri-niên như thế.

Việt-Nam tổ-quốc ta xưa kia so với những nước Xiêm-thành, Chân-lạp, to nhỏ cũng chẳng khác nhau là mấy ; Xiêm-thành, Chân-lạp, còn đâu đến nay đề mừng năm mới, mà tổ-quốc ta vẫn đường-đường là một nước ở phương Á-đông, dâu bể bao phen mặc dầu, đất-đai lại thêm rộng, dân-số lại thêm nhiều, xem trong lịch-sử bao đoạn vẻ-vang, nhờ có Bảo-hộ ngày một tiến-hoá, cứ được cái hân-hạnh mừng hết năm mới này sang năm mới khác mãi ; như vậy thì tổ-quốc ta thêm tuổi nào ta chỉ nên mừng mà thôi, chớ lại còn nói chi đến sự lo sợ nữa, chẳng hóa tự nhiên mà vẩn-vơ lo trời đồ ư ?

Đành vậy, cứ trông nhờ ở nhà nước Bảo-hộ khai-hóa cho ta, ta chẳng cần phải lo sợ chi hết, nhất là lấy con mắt « lạc-quan » ngắm cuộc đời thì lại càng chẳng thấy chi là đáng lo sợ, mà chỉ nên nhân dịp năm mới này pháo đốt cho thực kêu ran, giấy dán cho thực đỏ chói, kiếm những câu rất hay rất tốt đề chúc mừng năm mới cho tổ-quốc, mà yên-trí rằng năm mới sẽ nghe lời chúc mừng của ta, đem lại cho ta bao cái hạnh-phúc hình như không thể trông mong ở năm cũ được. Song nếu cứ năm mới là mừng, là chúc mừng huyên-thiên lên, mà mang nhiên chẳng biết rằng sự chúc mừng ấy có thực đáng chúc mừng không, hay là cũng còn có điều phải lo sợ nữa, thì chúc mừng như vậy chẳng cũng là mừng hão mà vô-vị ru ? Nói thế, không phải là nói không nên vui mừng, chỉ nên lo sợ ; mà là nói trong cái khi vui mừng ta cũng chớ nên nhắm mắt mừng liều, cái gì cũng cho là hay là tốt là đáng mừng cả, mà bao giờ cũng phải nhớ có những sự đáng lo sợ đi theo liền với sự mừng, như vậy thì sự mừng mới có ngày được hoàn-toàn là sự mừng vậy.

Thế-giới ngày nay là cái thế-giới cạnh-tranh kịch-liệt, hay được hèn thua, nếu không tiến tất phải lùi, mà đã lùi thì không sao đứng vững lại được nữa. Tổ-quốc ta ở trên cái thế-giới này đã là một nước thực văn-minh thực thịnh-vượng đâu, đã thực là toàn đáng mừng đâu, đã phải là không có sự đáng lo nữa đâu ;

nếu ta đã lấy làm tự-thánh tự-thần mà cứ việc mừng tràn, không cần lo sợ chút nào nữa, thì như vậy chẳng biết sự mừng ấy có lý-thú gì không ? hay là cũng như đứa trẻ con năm mới được mặc quần áo đẹp, được ăn cỗ, được đốt pháo, được dong chơi suốt ngày mà hý-hửng vui mừng, không biết rằng cái năm mới ấy nó tăng cho cha mẹ một tuổi mà sẽ làm cho cha mẹ già yếu đi, là điều người con biết nghĩ phải lấy làm lo sợ vậy.

Nay ta thử xét lại trong một năm trời vừa qua đây, xem tổ-quốc ta trong cái năm thêm ra ấy đã toàn là sự gì cũng thịnh-vượng đáng mừng chưa, hay là cũng còn có điều phải lo ?

. . . . . .
. . . . . .
. . . . . .
. . . . . .
. . . . . .

Về việc giáo-dục, thì tuy rằng số trường sơ-học đã tăng thêm được nhiều và ở Trung-kỳ cũng mới đặt thêm một trường Cao-đẳng sĩ-hoạn ; . . . . . .
. . . . . .
. . . . . .
. . . . . .

Về việc canh-nông, tuy rằng số hội-viên ta tại Hội-đồng canh-nông đã tăng lên là bốn viên ; đã có chỉ-dụ cho phép chộn gạo với bột mì để làm bánh thì gạo ta sẽ thêm đường tiêu-thụ ; việc dẫn-thủy nhập-điền bắt đầu ở Vĩnh-yên đã sắp hoàn-thành và cái nạn dịch-tễ trâu bò cũng giữ-gìn được không đến nỗi hại lắm ; như vậy thì nông-nghiệp cũng có nhiều hy-vọng. Song trong năm vừa qua, giá thóc gạo của ta hơi hạ, bán xuất-cảng chẳng được là bao ; số ruộng rừng ruộng bề chẳng khai khẩn hơn các năm trước ra được chút nào, mà mùa-màng quanh năm vì sự mưa nắng bất-hòa cũng đều xấu kém.

Về việc thương-mại, tuy rằng số hội-viên ta tại phòng Thương-mại đã tăng lên là bốn viên và đàn-bà buôn bán cũng được dự quyền bảo-cử ; trường Cao-đẳng Thương-mại ở Hanoi đã chỉnh-đốn lại, trường Thương-mại thực-hành ở Saigon đã thành-lập rồi ;

việc buôn bán trong nước nhờ có những cuộc Đấu-xảo Marseille, Hội-chợ Vân-Nam, Hội-chợ Hanoi mà cũng có nhiều cái ảnh-hưởng hay. Song ta phải nhận rằng số hiệu buôn to có thể ganh đua được với người ngoài thì ta chẳng thêm được cái nào, mà chỉ thấy hiệu buôn to này thì vỡ nợ hàng vài mươi vạn, hiệu buôn to kia thì đệ sổ trình toà án Thương-mại, cũng là hội buôn chưa thành-lập được đã lục-đục muốn tan, việc buôn chưa trù-tính xong đã lòi-thòi bất-lợi, các chú Chiệc chú Chà thì vẫn nghiễm-nhiên chiếm những cái địa-vị trọng-yếu trong thương-trường mà vợ vét quyền-lợi !

Về đường kỹ-nghệ, tuy rằng hóa-vật của ta đem bày tại cuộc Đấu-xảo Marseille, cuộc Hội-chợ Vân-Nam và cuộc Hội-chợ Hanoi trông đã có vẻ tiến-bộ lắm, mà nhờ những cuộc ấy làm mối cổ-động cho thì đồ kỹ-nghệ ta cũng có cái cơ tiêu-thụ được rộng. Song ta phải nhận rằng kỹ-nghệ của ta tiến-bộ phần nhiều về những vật xa-xỉ hơn là những vật cần dùng ; cho nên cái số nội-hóa tiêu-thụ ra ngoài vẫn không kéo lại được với cái món tiền quanh năm tiêu về việc mua những đồ ngoại-hóa. Vả lại các nhà kỹ-nghệ trong nước phần nhiều lại là nhà ít tư-bản, không đủ vốn để làm nhiều hàng-hóa, không có máy móc để chế-tạo cho nhanh, người ngoại-quốc có thửa hàng gì, thì hoặc là không đủ sức làm, hoặc là làm không kịp hạn, thành ra vẫn có bao cái trở-lực nó làm cho kỹ-nghệ phải chậm tiến-bộ.

Đây là mới kể qua mấy việc to có quan-hệ đến cuộc tiến-hóa của tổ-quốc ta hơn hết, mà trong năm cũ vừa qua đây, ta thấy có nhiều điều hãy còn đáng lo ; vậy ta có thể cứ nói chùm một câu rằng nước ta đã bước được một bước dài trên con đường tiến-bộ, mà mừng tràn đi không ? Vẫn hay rằng dù các nước văn-minh gấp mấy nước ta cũng còn có nhiều điều kém thiếu, huống chi là nước ta ; như nước ta bốn năm mươi năm về trước thế nào, mà nay nhờ ơn Bảo-hộ đã có được những sự tiến-bộ như đã kể trên kia, thì tiến-bộ được bước nào, ta hãy nên mừng bước ấy, can chi phải sợ hão lo hoài, cho rộng cả năm mới ! Nhưng ta không nên tự dối ta, dối cả quốc-dân ta mà bảo rằng tổ-quốc ta đã tiến-bộ lắm rồi ; ta cần phải nhớ rằng còn những điều đáng lo như thế này, đáng sợ như thế kia ; càng mừng thấy những sự tiến-bộ bao nhiêu, lại càng lo

những sự chưa được tiến-bộ bấy nhiêu. Cũng biết rằng dù ta mừng hay là ta lo, cái mừng cái lo của ta cũng chửa chắc có ăn thua đâu vào đâu, song nếu ta biết lo, có lẽ cũng còn hơn là chỉ biết mừng thôi.

Ấy cũng vì sự lo đó, ta mong rằng sang năm mới này Thượng-quốc chóng cử sang xứ ta một quan Toàn-quyền thực-thụ thay cho quan cố Toàn-quyền *Maurice Long*, cũng cùng một cái phương-châm chính-trị với quan *Albert Sarraut* và quan *Maurice Long* mà thi-hành những chánh-sách thuộc-địa từ-bi quảng-đại, làm trọn-vẹn những công-cuộc to-tát của quan *Maurice Long* trước đã trù-tính cho xứ Đông-Pháp và lại mở mang thêm những công-cuộc ích-lợi nữa, để dắt cho dân ta trong năm nay sẽ bước được một bước rất dài lên cõi văn-minh ; vì chóng có quan Toàn-quyền thực-thụ như thế thì việc hành-chính mới được quả-quyết vững-vàng mà nền chính-trị Đông-Pháp mới chóng có cái kết-quả tốt-tươi vậy. (1)

. . . . . .
. . . . . .
. . . . . .

Ta lại mong rằng sang năm mới này con đường xe-lửa Vinh — Đông-hà sẽ chóng hoàn-thành, làm cho đường giao-thông của Trung, Nam, Bắc ba kỳ được tiện-lợi, như vậy thì các việc canh-nông, kỹ-nghệ, thương-mại trong nước mới chóng khuếch-trương, ngõ-hầu lợi-dụng được bao nhiêu cái nguồn tài-sản phong-phú mà ganh đua với người trên con đường thực-nghiệp kinh-tế, không phải chịu cái phần kém thua.

Ba điều mong trên đó thực đã là ba điều to lớn có quan-hệ đến dân-sinh quốc-kế của ta ! Nếu trong năm mới này mà ba điều ấy chóng được như nguyện ngay, thực là cái hạnh-phúc đặc-biệt của năm mới đem lại cho tổ-quốc ta, đáng mừng cho tổ-quốc ta là nhường nào ! và đỡ lo cho tổ-quốc ta là nhường nào !

Vậy xin lấy ba điều mong đó mà chúc năm mới cho tổ-quốc ta ; ngoài ra tưởng cũng không cần phải chúc-tụng lắm lời làm chi cho thêm rườm nữa.

HỮU-THANH

(1) Khi viết bài này thì chưa được tin quan MERLIN sang Toàn-quyền thực-thụ Đông-Pháp.

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

QUAN TOÀN-QUYỀN MỚI

Giữa lúc Bản-chí đương ước mong cho xứ ta bước sang năm mới này chóng có quan Toàn-quyền thực-thụ qua giữ cái trọng-trách khai-hóa, cho cái vận-mạnh bản-xứ được cùng với năm mới này mà ngày một thêm mới mãi ra, thì cái tin xuân thứ nhất sớm đã báo cho ta tin quan **Merlin**, Toàn-quyền Tây-Phi-châu (Afrique Occidentale française), được cử sang chức Toàn-quyền thực-thụ Đông-Pháp thay quan cố Toàn-quyền *Maurice Long*, mà ngày 20 Février vừa rồi Hội-đồng các quan Thượng-thư bên Qui-quốc đã quyết-định. Vừa dịp năm mới, nhận được tin mới này, thì cái mừng năm mới của ta có lẽ lại thêm bội phần, mà cái hi-vọng về trong năm mới này của ta có lẽ cũng lại thêm bội phần vậy.

Từ khi quan Toàn-quyền *Long* xa vắng cõi Đông-Pháp, từ khi quan Toàn-quyền *Long* trường-từ cõi Đông-Pháp, chức Toàn-quyền Đông-Pháp tuy vẫn đã có quan *Baudoin* quyền-nhiếp, các công-việc vẫn tuần-tự tiến-hành như thường, không vì quan Toàn-quyền thực-thụ xa-khuất mà phải đình-trệ ; song Đông-Pháp ta vào lúc này, trăm công nghìn việc đương bắt đầu thực-hành, biết bao những vấn-đề trọng-yếu, những vấn-đề to-lớn, cần phải đợi có quan Toàn-quyền thực-thụ mới có thể giải-quyết. Chức Toàn-quyền thực-thụ mà chậm lại một ngày chưa có, ấy là công-cuộc khai-hóa sẽ phải chậm lại một ngày tiến-bộ. Vậy thì chức Toàn-quyền thực-thụ của bản-xứ, chúng ta cần phải mong-mỏi biết bao! Được cái tin xứ ta đã có quan Toàn-quyền thực-thụ mới, chúng ta lại đáng mừng-rỡ biết bao !

Quan Toàn-quyền **Merlin** tuy chưa qua xứ Đông-Pháp ta lần nào, song ta cứ xem cái lịch-sử của Ngài, thì cũng đủ biết được Ngài là người thế nào. Ngài do chức cai-trị thuộc-địa lên đến chức Toàn-quyền thuộc-địa bây giờ, trước sau ngót 40 năm trời chuyên làm quan cai-trị các thuộc-địa, thì tất cái tài cai-trị thuộc-địa của Ngài đã lão-luyện đến thế nào, nên nay mới được quan Thượng-thư thuộc-địa *A. Sarraut* tin-nhiệm mà đề-cử cải-bổ Ngài sang giữ trọng-trách Toàn-quyền bản-xứ, mới được Chính-phủ Thượng-quốc tin-nhiệm mà ủy-thác giao-phó cái vận-mạnh bản-xứ cho Ngài. Vậy đối với quan Toàn-quyền thực-thụ mới, đối với quan chúa-tể mới của ta là quan **Merlin** là một vị lão-thành luyện-đạt ở các thuộc-địa, thì cái công-việc khai-hóa thuộc-địa của bản-xứ, chúng ta cũng có phần hi-vọng rất lớn vậy. Mong rằng « bánh-xe cao-vũ » sẽ kịp buổi « dương-xuân » này mà mau tới cõi ta, chúng ta xin hình-hương đính-chúc, một lòng trông-đợi.

Sau đây xin lược-thuật cái lịch-sử của quan Toàn-quyền **Merlin** để quốc-dân đều biết :

Quan Toàn-quyền **Merlin** (Martial Henri) đệ-tam-đẳng Bắc-đẩu bội-tinh và Học-chính bội-tinh, **sinh** tại Paris (Seine) ngày 20 Janvier 1860. Ở trong quân-ngũ được năm năm, từ 3 Novembre 1880 đến 14 Novembre 1885 ; Ngài được bổ làm Công-sứ đảo Gambier (Tahiti) ngày 18 Août 1887; bổ làm quan cai-trị hạng ba ngạch thuộc-địa ngày 8 Septembre 1887 ; đến ngày 3 Mai 1893 thì thăng quan cai-trị thượng-hạng hạng nhì; ngày 18 Octobre 1896, thăng quan cai-trị hạng nhất ngạch mới ; ngày 7 Octobre 1897 sang quyền Phó Toàn-quyền Congo ; ngày 15 Mai 1898 thăng Chánh cai-trị hạng nhì ; ngày 15 Juillet 1899 thăng Phó Toàn-quyền hạng nhất ; ngày 15 Juillet 1901 thăng Thống-đốc hạng ba tại Euadeloupe ; ngày 15 Octobre 1903 thăng Phó Toàn-quyền Afrique Occidentale ; ngày 6 Août 1892 thưởng-thụ Hàn-lâm bội-tinh ; ngày 7 Août 1900 thưởng-thụ đệ-ngũ-đẳng Bắc-đẩu bội-tinh ; ngày 21 Janvier 1904 thăng Thống-đốc hạng nhì và ngày 7 Février 1906 thăng Thống-đốc hạng nhất. Ngày 14 Janvier 1907 thăng đệ-tứ-đẳng Bắc-đẩu bội-tinh ; ngày 16 Février 1908 bổ Tổng-đại-lý Congo ; ngày 28 Juin 1908 bổ Toàn-quyền Afrique Equatoriale française ; ngày 20 Mars thưởng-thụ Học-chính bội-tinh ; Ngày 25 Janvier 1912 thưởng-thụ đệ-tam-đẳng Bắc-đẩu bội-tinh ; ngày 15 Mars 1917 bổ Toàn-quyền Madagascar và ngày 22 Janvier 1918 thì bổ Toàn-quyền Afrique Occidentale française.

QUỐC-TẾ-THỊ

(*Cité Internationnal*)

(Ý-tưởng của ông Andersen)

Quốc-tế-thị, nghĩa là cái đô-thị chung của cả các nước thế-giới. (Le cité central International du monde). *Quốc-tế-thị* ở đâu? Luân-đôn chăng? Ba-lê hay Nữu-ước chăng?— Đều không phải cả. *Quốc-tế-thị* nói đây, bây giờ hiện chưa đâu có ; *Quốc-tế-thị* nói đây, hiện nay còn là cái đô-thị mới dự-định, cái đô-thị về mộng-tưởng mà thôi. Người dự-nghĩ trù-tính dựng lên *Quốc-tế-thị* đây tức là ông *Hendrik Christian Andersen*. Ông người Ý-đại-lợi, là nhà điêu-khắc ở kinh-đô La-mã ; trong nước Ý nhiều người biết tiếng ông, kính-phục ông là một người thân-sĩ chân-thật. Khi ông trù-tính dự-nghĩ lập *Quốc-tế-thị* thì được có các nhà Kiến-trúc kỹ-sư Pháp là bọn ông Hébrard tất cả hơn 40 nhà chuyên-môn giúp sức, bắt đầu khởi nghĩ từ năm 1903, nghiên-cứu trong 9 năm trời, đến năm 1912 mới lập thành bản dự-án, phát-hành một cuốn sách gọi là « Thiết-lập nơi giao-thông chung của toàn thế-giới » (Création d'un cité international central de communication du monde). Năm 1913 ông đem cuốn sách ấy gửi đi khắp các quan Tổng-thống, các Đế-vương và các Đại-học thư-viện các nước; ngoài ra lại gửi phụ thêm một bức thư yêu-cầu tán-thành và tuyên-truyền giới-thiệu sự trù-định lập *Quốc-tế-thị* đó cho ông v. v. . .

Cái công-cuộc dự-nghĩ trù-tính lập ra *Quốc-tế-thị* của ông Andersen đây, ta chưa thể quyết là sau này có thành-lập hay không thành-lập được, song cũng là một cái ý-tưởng hay, vậy lược thuật ra đây, để hiến đồng-bào ta được rõ.

Cái nguyên-nhân sở-dĩ trù-nghĩ lập *Quốc-tế-thị* của ông Andersen, một

là vì ông là nhà nghệ-thuật, nhà điêu-khắc, về việc kiến-trúc ông vốn có một cái hứng-thú riêng, nên mới phát ra một mối cảm-tưởng. Mối cảm-tưởng ấy là gì? — Từ thượng-cổ, vô-luận là cái văn-minh về thời-đại nào, đến nay đều có những cái nghệ-thuật của đương-thời lưu-truyền lại đủ làm di-tích của văn-minh thời ấy cả, cái di-tích về nghệ-thuật đó, thì cái qui-mô rất lớn mà rất có thú-vị, ấy là những cái đô-thị do nghệ-thuật và khoa-học đương-thời đã tập-hợp lại mà kiến-thiết nên vậy. Vậy thì cái văn-minh về thế-kỷ thứ XIX và thế-kỷ thứ XX ta này, đối với đời sau, ta cũng cần phải có cái gì để làm di-tích về sau, mà cái di-tích ấy, ngoài ra tập-hợp nghệ-thuật và khoa-học của thế-giới hiện-thời lại mà dựng lên một nơi đô-thị lớn công-cộng cả thế-giới, không còn cái gì có thể xứng-đáng di-truyền hơn được nữa. Như vậy thì trù-tính lập ra *Quốc-tế-thị* làm một cái đô-thị chung của thế-giới, chẳng là một sự rất hay lắm sao! Cái cảm-tưởng đó tuy ông Andersen chưa có nói rõ hẳn ra như thế, song cuốn sách của ông gửi đi, thì trong cuốn thứ nhất, toàn là lịch-thuật những lịch-sử kiến-trúc đô-thị của các thời-đại, xem đó có thể biết được cái cảm-tưởng về sự trù-tính các công việc lập *Quốc-tế-thị*, cuốn này tức là cái căn-bản bộ sách của ông. Như những đồ-bản toàn-thể *Quốc-tế-thị*, những đồ-bản dự-định các cách kiến-trúc, những đồ-bản dự-định dùng những vật điêu-khắc để trang-sức, v. v... ông đều vẽ ra thành những bản đồ rất tỉ-mỉ tinh-hảo. Những bản dự-án vẽ các kiểu kiến-trúc, điêu-khắc trong đô-thị đó, chắc là lấy con mắt của các nhà nghệ-thuật, các nhà khoa-học mà coi, thì sẽ thấy thú-vị vô-cùng. Nhưng, con mắt của bọn ta coi, thì cái hứng-thú không ở điều đó, cái ý-tứ của ông không phải chỉ cốt ở dựng lên những cái trang-sức để làm cái bia kỷ-niệm ấy đâu. Cái kiểu-mẫu lập ra đô-thị này của ông đó, chẳng qua chỉ là một cái thủ-đoạn của ông mà thôi. Ông định dựng lên cái đô-thị này để làm gì? đó mới thật là cái mục-đích chính-đáng của ông vậy. Ta cứ xem ngay cái tên: « Nơi giao-thông chung của toàn thế-giới » (Le centre de communication du monde) là tên sách của ông, thì cái mục-đích lập *Quốc-tế-thị* của ông đã hiển-nhiên gồm cả ở trong mấy chữ đó rồi. Chữ « giao-thông » đây của ông, không phải chỉ là giao-thông về kinh-tế thôi đâu; cần nhất là giao-thông về tinh-thần, đó mới là cái điều cốt-yếu sở-dĩ lập ra *Quốc-tế-thị* của ông. Ông sở-dĩ đề-xướng lên cái ý-tưởng: « Tinh-thần quốc-dân các nước thế-giới cần phải giao-thông », điều đó không phải là không có duyên-cớ. Ông mục-kích cái thảm-trạng cuộc đại-chiến Âu-châu, nên mới có cái cảm-tưởng đó. Song bởi đâu mà biết đích được như vậy? Trước cuộc Âu-chiến, ông thảo ra cuốn sách đầu, ông đã tầng nói rõ cái căn-nguyên sở-dĩ lập ra *Quốc-tế-thị* là bởi điều đó rồi; đến khi cuộc Âu-chiến đương kịch-liệt — tức vào khoảng tháng 10 năm 1916 — ông lại phát-hành một cuốn cách nói cái ý-kiến của ông, ông lại cực-lực nói về điều đó, ông có nói rằng: « Cuộc chiến-tranh này đủ tỏ ra rằng hết mọi nước, vô-luận là nước nào, đều không thể có đủ sức mà tự-túc được cả. Ôi! Hiệp-lực, hiệp-lực thì không cứ là trong cuộc tranh-chiến hay trong cuộc hòa-bình, thật là một điều cần-thiết tất phải có, không thể bỏ được. » Cứ mấy lời nói đó, đủ rõ cái ý-tưởng của ông ra làm sao vậy.

Cái thuyết: « Các nước thế-giới cần phải vì cái chủ-nghĩa nhân-loại, mà đồng-tâm hiệp-lực mưu tăng-tiến hạnh-phúc cho toàn-thể nhân-loại. » đó tức là một cái trào-lưu mới nhóm lên về mấy năm gần đây, chắc rằng trong những cuộc quốc-tế hội-nghị là những nơi đã đạt tới mục-đích ấy thời-thường vẫn được tai nghe luôn những lời nói đó; tự nay về sau, cái hội-nghị ấy, chắc hẳn rằng còn nhiều; nếu quả không như thế, thì ta thật không dám quyết rằng thế-giới sẽ có cái cuộc hòa-bình vĩnh-viễn. Cái trí-thức tư-tưởng của các nước phải thời-thường tiếp-xúc giao-thông luôn với nhau, đó là một điều rất cần-thiết. Nếu lập ra được những nơi đô-thị công-cộng của toàn thế-giới, (Lieu de réunion permanente des représentants des Nations) để đại-biểu các nước thời-thường tiện nơi tập-hội, thì cái đó sẽ có thể giúp cho sự quốc-tế hiệp-lực một phần quan-trọng, mà cuộc hòa-bình vĩnh-viễn của thế-giới cũng có thể trông cậy vào đó một phần lớn nữa. Đó cũng là một cái nguyên-nhân rất lớn sở-dĩ nghĩ-lập ra *Quốc-tế-thị* vậy.

Cái qui-mô dự-định lập ra *Quốc-tế-thị*, cứ theo như trong chương-trình đồ-bản của ông Andersen dự-nghĩ, thì chu-vi của *Quốc-tế-thị* cũng không lớn hơn đô-thị Bruxelles mấy; các khu-phận phố-xá, các đường-lối thủy-bộ, các hình-trạng vị-trí về mọi vật kiến-trúc khẩn-yếu, v. v.... cái đó không cần phải nói chi nữa; cho đến như các cách-thức thể-chế dự-định đặt các đường sắt ở dưới hầm dưới đất, cũng các phòng-sở trong toàn-thị, đều trù-tính tường-tế hết thảy. Sau đây lược thuật qua các cách kiến-trúc cốt-yếu trong *Quốc-tế-thị*, cũng có thể coi đó mà biết được đại-khái cái tinh-chất và cái mục-đích của *Quốc-tế-thị* vậy.

Quốc-tế-thị đại-khái hình quả trám, theo cái hình bề dài quả trám chia ra làm ba khu đều nhau: một khu « Học-vấn trung-tâm » (Le centre Scientifique); một khu « Nghệ-thuật trung-tâm » (Le centre Artistique); một khu « Thể-dục trung-tâm » (Le centre Olympique). Cái công việc trong *Quốc-tế-thị* thì lấy sự quốc-tế nghiên-cứu tưởng-lệ về Học-vấn, Nghệ-thuật và Thể-dục làm chủ-đích. Trong cái dự-án *Quốc-tế-thị* của ông Andersen không ngoài ba điều đó; đây trước hết hãy lược-thuật đại-khái về cơ-quan Học-vấn.

1 — *Nơi Quốc-tế hội-nghị-quán* (Congrès International). Trong Hội-nghị-quán phân làm bốn khu:

A — Sở Nông-nghiệp và Vận-tống (Agriculture et Transport);

B — Sở Điện-khí và Phát minh (Electricité et Invention);

C — Sở Y-học và Vệ-sinh (Médecine, Chirugie et Hygiène);

D — Hình-sự và Pháp-luật học-quán (Loi et Criminel).

Nơi quốc-tế hội-nghị tạm lấy làm nơi quốc-tế đại-biểu thời-thường tập-hợp, là nơi trọng-yếu nhất, vì cái mục-đích có đạt tới được cũng là trước hết ở đây mà ra. Song vì lẽ gì lại cần phải tổ-chức ra bốn sở kia nữa? thì điều đó ông Andersen chưa nói rõ ra sao; cứ ý-kiến của ta, thì đại-khái sự quốc-tế cần-thiệp với nhau, các vấn-đề đem ra quốc-tế hội-nghị rất nhiều, không phải chỉ riêng thuộc về một vài phương-diện nào mà thôi, nên đây chia ra làm Nông, Công, Y, Pháp bốn bộ-phận, ví-dụ như can-thiệp về việc thương-mại thì thuộc về bộ-phận Pháp-luật, v. v... Do đó mà suy, việc nào thuộc về bộ-phận nào cứ việc do bộ-phận ấy mà nghiên-cứu. Nông-nghiệp và Vận-tống sở-dĩ hợp vào một sở, là vì vấn-đề phân-phối lương-thực cho các nước là cái

vấn-đề rất trọng-yếu của quốc-tế sau này, cho nên cần phải họp các nước lại mà cùng nghiên-cứu cho thật công-bình.

2 — *Thế-giới thư-viện* (Bibliothèque du monde). Thư-viện chung của thế-giới là một cơ-quan rất cần phải có, trên đây về mục quốc-tế hội-nghị-quán, tuy cũng đã phải có đủ cả thư-viện rồi, song chỉ là lược đủ số ít những sách-vở cần dùng để khảo-cứu mà thôi. Ngoài ra lại cần phải lập một Thư-viện độc-lập, xưu-cầu hết thảy những sách-vở cho đủ tài-liệu khảo-cứu về sự giải-quyết vấn-đề quốc-tế, để cho hết thảy đều được lợi-dụng cả, đó chính là cái mục-đích của nhà Thư-viện này.

3 — *Sở Quốc-tế tài-phán.* (Cour de Justice International). Sở Tài-phán này chia hai bộ-phận : quốc-gia và cá-nhân. Bộ-phận quốc-gia là nơi pháp-đình để tài-phán các công-việc tranh-tụng thuộc về các quốc-gia ; bộ-phận cá-nhân là nơi để tài-phán các công việc tố-tụng của từng người nước này với người nước khác. Sở Tài-phán này không những chỉ là một sở tài-phán về quốc-tế công-pháp mà thôi, lại là cả sở tài-phán về quốc-tế tư-pháp nữa.

4 — *Sở Quốc-tế ngân-hàng hoặc sở Quốc-tế giao-dịch hối-phiếu* (Banque ou Salle de réunion Internationale). Ý ông Andersen không phải là định rằng lấy *Quốc-tế-thị* làm ngay một nơi trung-tâm-điểm về kim-dung của thế-giới đâu ; cái chủ-ý của ông là muốn khiến cho kim-dung của các nước thế-giới cùng liên-lạc điều-hòa với nhau mà cùng tiến-hành một cách được viên-mãn, thí-dụ như về việc « tệ-chế thống-nhất ». Đó là một điều rất cần và có thể nghiên-cứu thực-hành làm cho tới được. Mà về sự nghiên-cứu thực-hành đó thì phải lấy nơi Quốc-tế ngân-hàng hoặc nơi Quốc-tế giao-dịch hối-phiếu này làm cơ-quan, ấy chính là cái chủ-ý của ông Andersen vậy.

5 — *Tôn-giáo-viện.* (Temple de Religions). Cứ xem cái luận-đề và cái văn-chương của ông Andersen, thì ông vốn chính là một người rất sốt-sắng về giáo Cơ-đốc; song đối với toàn-thể các tôn-giáo, ông vẫn có cái độ-lượng rất khoan-đại, rất hợp-lý. Cho nên trong *Quốc-tế-thị* ông dự-định lập ra Tôn-giáo-viện, để làm một nơi trung-tâm-điểm của tôn-giáo thế-giới. Song ta chớ nên hiểu lầm rằng ông định lập ra thế là có ý can-thiệp gì đến các tôn-giáo đâu ; quyết-nhiên là không có can-thiệp gì đến những tôn-giáo hiện-tại của các nước, mà quyết-nhiên cũng không phải là định xướng-khởi lên một cái thế-giới tôn-giáo mới nào đâu. Ông nói vô-luận tôn-giáo nào, tóm lại cũng đều là lấy sự hòa-bình viên-mãn của nhân-sinh làm mục-đích hết thảy. Nhưng, xưa nay vì sự tôn-giáo khác nhau mà thường làm trở-ngại đến sự hòa-bình của các dân-tộc nọ đối với dân-tộc kia, quá ra lại thường vì đó mà gây nên những tai-vạ tranh-chiến nữa, về những việc đó ta vẫn đã thấy chán ra ở trong lịch-sự rồi đó. Bởi vậy, ông thường vẫn lấy điều đó làm đi-hám. Vô-luận là thế nào, tương-lại tất phải tìm cách mà giải-quyết, mà tiệt-trừ cái ác-căn ấy đi, không nên để cho cái tai-vạ đó còn cứ theo đuổi mãi, ấy là điều hi-vọng của ông vậy. Song, muốn cho đạt tới cái mục-đích ấy, thì điều cần nhất là trước hết phải đem họp hết thảy các tôn-giáo trong thế-giới lại mà cùng nhau cùng so-sánh nghiên-cứu, khiến cho đại-biểu các tôn-giáo các nước thường-thường cùng nhau liên-lạc, thường-thường cùng nhau họp mặt một nơi, mà lấy lòng công-bằng thành-thực, giãi-bầy phân-tỏ cùng nhau mọi lẽ, cho ai nấy đều được thổ-lộ hết mọi điều, chờ cho khi ai nấy đều êm-ả, đều tĩnh-tâm mà nghiên-cứu, ai nấy đều hiểu thấu cái cội-rễ tinh-thần của riêng từng tôn-giáo. Khi đó thì chắc rằng cái tệ-căn bất-hòa sinh ra bởi tôn-giáo khác nhau xưa nay mới có lẽ tránh khỏi những nỗi quyết-liệt, đó chẳng là một điều rất hay lắm sao ? Cái cơ-quan để mà cộng-đồng nghiên-cứu đó, thì Tôn-giáo-viện này chính là nơi có thể do đó mà đạt cho tới mục-đích vậy.

Cái trung-tâm-điểm về « Nghệ-thuật » và về « Thể-dục », mục-đích cũng là để mưu cho nghệ-thuật và thể-dục của quốc-tế được phát-đạt. Muốn cho hai cái đó được phát-đạt thì những điều cần-thiết đã dự-bị đủ cả trong hai cái trung-tâm-điểm đây. Ông Andersen vốn là nhà mĩ-thuật, nên chi cái bộ-phận trung-tâm-điểm về Nghệ-thuật ông càng chú-ý lắm.

Trong khoảng giữa hai cái địa-điểm Học-vấn và về Nghệ-thuật, thì có những Quốc-quán (Palais des Nations) của các nước trong thế-giới, mà cách-thức dựng-đặt đều là do ông Andersen dự-định ra hết. Cái ý-kiến của ông, thì ông nói rằng xưa nay cũng thường có mở ra «Thế-giới Bác-lãm-hội » ; về sự phát-đạt của thương-nghiệp, công-nghiệp thế-giới và sự dung-hòa cái tình-ý nước nọ đối với nước kia, thì hội ấy có công-hiệu rất lớn, sự kiến-lập đó thật hay, không cần phải nói chi nữa ; nhưng hội ấy mở ra chẳng qua chỉ trong một thời, mà không phải lâu dài mãi được. Muốn cho được lâu dài, thì ông nghĩ : trong các Quốc-quán của nước nào, những đồ vật về công-nghiệp, thương-nghiệp của nước ấy cứ bầy luôn tại đó, đó cũng tức là hội Bác-lãm, nhưng hội Bác-lãm này cứ mở cửa luôn luôn không có thời-kỳ nào, không có hạn-chế nào.

Các công-cuộc dự-định xếp-đặt trong *Quốc-tế-thị* lược kể trên đây, cũng đã có thể biết được cái đại-khái rồi. Ông Andersen lại còn dự-nghĩ hai điều cần-yếu trong *Quốc-tế-thị* nữa, là : Quốc-tế giáo-dục và Quốc-tế tân-văn. Hiện nay khắp thế-giới, không nước nào là không cạnh-tranh nhau chiếm cái địa-vị phồ-cập cho giáo-dục của mình, đó vẫn là việc tưởng-lệ học-vấn, rất hay rất nên ; song xét cái mục-đích về sự nỗ-lực cạnh-tranh đó, nước nào cũng vậy, chẳng qua chỉ là cốt mưu cái phương-châm quốc-dân giáo-dục riêng của mình mà thôi ; đối với phương-diện giáo-dục của toàn-thể nhân-loại, về sự hiệp-lực, về sự hòa-bình vĩnh-cửu của thế-giới, thì không những không thể nói là đã hoàn-toàn được, mà thực ra thì lại còn nhiều cái khuyết-điểm lắm nữa. Cho nên về bậc đại-học của các nước, nếu sự nghiên-cứu thuần-thúy học-vấn hễ lỡ không cẩn-thận một chút, thì tức-khắc hóa ra là vị riêng phần cái bản-vị của nước mình, mà thành cái học-vấn thiên-lệch hẹp-hòi ngay. Vì điều đó, nên ông dự-nghĩ dựng lên « Quốc-tế đại-học » (L'Université International) trong *Quốc-tế-thị*, mà lấy quốc-tế giáo-dục và quốc-tế nghiên-cứu làm trung-tâm-điểm của nền đại-học, do học-giả các nước chia nhau mà cùng hiệp-lực, cùng đảm-nhiệm công-việc, lấy cái chủ-nghĩa thế-giới làm chốt, phàm những học-vấn về quá-khứ, về hiện-

lại hay về tương-lai thấy đều phải cùng nhau nghiên-cứu, đó thật là một việc rất hay vậy.

Song, giáo-dục, không phải là chỉ chuyện ở như nhà-trường mà có thể thành-công được đâu; hiện nay về việc giáo-dục, có cái ảnh-hưởng, cái thế-lực rất lớn, ấy chính là tân-văn báo-trương vậy. Ông Andersen đối với các báo-trương trong thế-giới bây giờ ông không lấy làm tin, ông vẫn hết sức nói hiện nay chín phần mười trong toàn thế-giới đều là do sự giáo-dục của báo-trương; song cái giáo-dục đó là cái giáo-dục không tốt. Báo-trương của các nước hiện-thời thường thường đều là lấy quốc-gia mình làm bản-vị, đối với mặt ngoài hình như không có ginh-giảng chút nào hết, cái nghị-luận so-suất, điều báo-cáo dả-dối, không bao giờ là không có, điều đó rất có phương-hại đến sự dung-hòa, sự hiểu biết tình-ý lẫn nhau của quốc-tế lắm. Ấy chính vì đó mà gây nên những sự tranh-chiến, ta cũng đã thường thấy chán ra rồi. Bởi vậy ông Andersen dự-nghĩ phát-hành một cái báo «Quốc-tế tân-văn», (Presse Internationale — Presse monde) chính là để mong kiểu-chỉnh dụ cái tệ-bệnh đó, mà là một điều *Quốc-tế-thị* rất cần phải làm vậy. Cứ như trong cái bản-đồ ông dự-định, thì ở khoảng giữa nơi Học-vấn trung-tâm-điểm sẽ dựng lên một ngọn tháp cao 350 thước tây, đặt tên là « Tiến-bộ-tháp » (Tour de progrès); trên đỉnh ngọn tháp sẽ đặt làm sở Vô-tuyến-điện của tòa báo Quốc-tế tân-văn. Cái mục-đích của báo Quốc-tế tân-văn đó không những chỉ là làm nơi báo-cáo trung-tâm của thế-giới, giữ cái thái-độ trung-lập, chủ-trương cái chính-nghĩa của thế-giới, cái lợi-ích của thế-giới mà thôi; lại còn cốt để gây nên cái « thế-giới dư-luận » (l'Opinion du monde) nữa, đó mới thật là một sự rất khẩn-yếu vậy.

Trở lên là nói đại-khái cái kế-hoạch của ông Andersen, sau đây lại còn ba cái vấn-đề về *Quốc-tế-thị* nữa: Vấn-đề thứ nhất là: *Quốc-tế-thị* nên lập ở đâu? Về điều đó, ông đã điều-tra rất tường-tế và chọn sẵn nhiều nơi, và định lập ở nơi nào thì qui-mô nên làm như thế nào, ông đều phác-họa ra đồ-bản sẵn-sàng ở trong sách cả. Nơi thứ nhất thì ông định lập ở Tỉ-lợi-thời (Belgique), lấy lẽ rằng trong cuộc Âu-chiến, nước ấy đã đem cả vận-mạnh mà hy-sinh cho thế-giới, khiến cho người ta phải cảm-động, phải khâm-phục, đó là một cái động-cơ rất trọng-yếu vậy. Nơi thứ hai là ở Hy-lạp (Grèce), lấy lẽ rằng nước Hy-lạp từ cổ-thời tầng đã làm nơi văn-hóa trung-tâm của thế-giới, vả ở Hy-lạp thì lại rất tiện nữa là cách với các nước ở Đông-phương không xa mấy; cứ theo về địa-lý mà xét, thì đấy có thể lấy làm một nơi trung-tâm của thế-giới được, đó cũng lại là một lẽ rất nên lắm nữa.

Vấn-đề thứ hai là vấn-đề kinh-phí về các việc lập *Quốc-tế-thị*. Theo trong cái chương-trình dự-toán của ông Andersen, thì đại-khái ước độ 500.000 quan có thể đủ được. Ông nói cái số 500.000 quan đó, kể thì là nhiều, nhưng tính ra thì không đủ cung vào số chi-phí của việc Âu-chiến trong một tuần lễ. Cái số đó chi-dụng vào việc lập *Quốc-tế-thị* đủ hay không đủ, ta không thể nói quyết được; nhưng nếu ta cứ nhận kỹ ra mà xem, thì cái công-cuộc lớn-lao ấy e rằng số đó quyết không thể đủ dùng.

Vấn-đề thứ ba là thuộc về pháp-luật trong *Quốc-tế-thị*. Ông Andersen không phải là nhà pháp-luật, nên về pháp-luật trong *Quốc-tế-thị* của ông dự-nghĩ, khảo-sát hơi giản-lược, không được tường-tế bằng về sự kiến-trúc. Nơi địa-phương lập *Quốc-tế-thị*, là một nơi đất trung-lập công-cộng của các nước, thì cái căn-bản đã định rồi; còn như việc quản-lý *Quốc-tế-thị*, thì hoặc do quốc-tế quản-lý, hoặc do ủy-viên của nước sở-tại nơi *Quốc-tế-thị* quản-lý, đều có thể được cả; điều đó trong tập sách ông đã nói minh-bạch.

Hồi sau cuộc Âu-chiến, Hội-nghị giảng-hòa Ba-lê khai-hội lần thứ nhất, ông Andersen đã thương-thuyết với quan Thống-lĩnh Vilson nước Hoa-kỳ, xin đem vấn-đề lập *Quốc-tế-thị* của ông ra Hội-nghị. Song trong cuộc Hội-nghị giảng-hòa ở Ba-lê ấy cũng không thấy đề-xuất cái vấn-đề lập *Quốc-tế-thị* ấy chi cả. Cứ thực tình mà nói, thì cái lý-tưởng đó của ông Andersen thật khó lòng đã có thể trông mong thực-hiện được vậy.

Mạnh-Mai thuật

SỰ XUÂN

Xuân sao lại gọi là sự? Là vì rằng xuân không chỉ một Tạo-hóa có mà thôi, cả những ba loài của Tạo-hóa không gặp tiết xuân mà cũng có xuân nữa. Phải, mỗi loài vật có một cái xuân riêng; muốn hiểu cái xuân riêng đó, xin hãy giảng qua cái xuân chung đã.

Xuân chung là gì? — Xuân chung là cái tiết xuân của Tạo-hóa. Trong lúc tiết xuân, người hay vật, cây hay đá, dù có xuân riêng hay không có, cũng có một đôi về ngoài thuộc về xuân-cảnh. Xuân vì thế đã gọi là xuân chung.

Trong khoảng một năm trời, có bốn mùa phân biệt là xuân, hạ, thu, đông. Mùa xuân tức là cái phần tốt nhất, ấm nhất và đẹp nhất trong một năm. Cây cối phát-vinh, vạn vật sinh-dục, cũng do ở mùa ấy, tiết ấy mà ra.

Năm đã có một phần tốt nhất là mùa xuân, vậy đồ vật ở trên đời cũng có một lúc tốt nhất gọi là sự xuân. Đồ vật thí-dụ như đồ đồng, đồ đá, đồ gỗ, trong những lúc đã được chạm rũa thành hình hay là để lâu lên nước, ấy là lúc xuân của những đồ vật ấy. Đồ vật ấy khi mới lấy ở dưới đất lên hay là tải ở rừng về thời còn thuộc về cái thời-kỳ ấu-trĩ; đến lúc chạm rũa thành hình, trông đẹp con mắt thế-gian, ấy là đã đến kỳ xuân-sắc.

Cây cối cũng có lúc xuân. Xuân của cây cối thuộc về cái lúc cây cối đang mạnh sức lớn lên. Cây cối khi mới lú đầu ở dưới đất lên thời là

còn măng-sữa, đến lúc đã trưởng thành, nghĩa là lúc đang sức to cành rậm lá, ấy là lúc xuân riêng của cây cối.

Đồ vật và cây-cối còn có độ xuân, huống nữa là người vật. Xuân của loài vật là một sự ai cũng từng biết. Người vật từ khi mới sinh ra đời thời chưa đến tuổi xuân, nhưng khi đã lớn lên, nghĩa là khi đang tuổi thanh-niên trai-trẻ, thời ấy là tuổi xuân đã đến, người hay vật khi đang ở trong tuổi xuân thời tinh-khí hăng-hái nhiệt-thành, đã bắt đầu hay thời hay cho tới khi già-yếu, mà đã bắt đầu dở thời dở cho đến lúc già-nua.

Trong một đời người, khi bé thời còn dại, khi già thời đã yếu, duy có lúc thanh niên là tráng-kiện, muốn làm gì cũng có thể được thôi! Vậy lúc đó là lúc tốt nhất, hay nhất trong một đời người, tức là cái xuân riêng của người.

Người có xuân, nước cũng có xuân. Xuân của nước là độ nước thịnh. Nước thịnh là do ở dân thanh-niên của nước làm nên thịnh, vì dân trẻ-thơ và già-nua thời hoặc dại-dột, hoặc yếu-đuối, phần chưa biết cách làm cho nước thịnh, phần không còn sức làm cho nước thịnh. Xem thế biết rằng cái xuân của nước đo ở cái xuân của người, người dùng cái xuân đó làm hay, nước sẽ hay, mà người dùng cái xuân ấy làm dở, nước sẽ dở.

Nhưng nước có bao giờ hết xuân không? — Tưởng rằng không. Vì xuân của nước là xuân của người, mà xuân của người là cái tuổi thanh-niên của đời, mà cái tuổi thanh-niên của đời tức là các hạng người thanh-niên trong nước. Những hạng người thanh-niên trong nước, loạt này qua lại có loạt khác đến, loạt già-nua bây giờ tức là loạt thanh-niên thuở trước, loạt thanh-niên bây giờ tức là loạt trẻ-thơ thuở trước và là loạt già-nua sau này, loạt trẻ-thơ bây giờ tức là loạt thanh-niên mai sau. Vậy thanh-niên này đi, thanh-niên khác tới: người có trẻ, có già mà nước bao giờ cũng có thể thanh-niên được.

Người đang tuổi thanh-niên là cái tuổi xuân của đời, lại gặp tiết xuân của Tạo-hóa, xuân riêng lại nhân có xuân chung, người tuổi xuân kia vì muốn làm gì mà chẳng hay thành được!

Vậy người tuổi xuân gặp tiết xuân, xin chớ bỏ hoài xuân, ta nên chơi xuân có xứng với xuân, chớ nên chơi xuân để phụ cùng xuân.

Muốn chơi xuân cho xứng với xuân, phải hiểu chơi xuân nghĩa là gì? Chơi xuân có phải là chơi cho mòn-mỏn đời, cho lăn-lóc đó không? cho mất cửa tan nhà, hao thân hoại thể không? cho hoài tri-khôn, cho mất lòng thiện không? Không, quyết rằng không! Chơi xuân là chơi cho thỏa-thích hoàn-toàn. Vậy chơi sao cho thỏa-thích hoàn-toàn, cho thích cả thân-thể lẫn linh-hồn, chớ nên chơi để mua cái hối-hận về mai sau mà mang tiếng phụ xuân để xuân sầu, xuân tủi vì ai!

Hỡi chị em ơi! *Sự xuân thời phải thấu lòng xuân!* Chơi xuân đi, kẻo nữa xuân già! chơi xuân cho người trước biết mình, chơi xuân cho người sau bắt-chước, chơi xuân cho tiếng xuân lưu-truyền thiên-cổ, chơi xuân cho tiếng xuân dấy-động hoàn cầu, ấy mới gọi là biết cách chơi xuân, vì chẳng qua chơi xuân cũng là một cái nghĩa-vụ của khách nên làm, cái công-lao cùng khách xuân phải gánh...

Chơi xuân đã dễ mấy người biết xuân! hỡi chị em ơi!.....

BÙI-HUY-CƯỜNG

Hình ảnh Cổ-nhân

(Les vieux portraits)

Khi bấy giờ đầu tôi còn xanh, tuổi tôi còn trẻ, nên tôi hết lòng thành kính những công việc đang thời, còn cổ xưa lấy làm khinh làm rẻ. Tôi cũng tự-đắc như những hạng bảng trạc tôi, tự-đắc rằng mình có một cái sức mạnh nên chẳng còn quản ngại điều gì, tưởng mình sinh ra hợp thời nên lấy làm đắc-ý, nhưng có biết đâu rằng cái sức mạnh kia hãy còn chưa từng nếm trải sự đời.

Một đôi khi tôi nhìn về đời cổ, thời chỉ thấy những sự huyền-hoặc, những thói sùng tín quàng-siên cùng những sự hèn hạ, đê-tiện. Tôi tưởng tượng như là đến mãi đời tôi mới có lịch-sử, và mọi việc mới bắt đầu khai-thác từ đấy, chẳng khác nào như một người mang cả quả địa-cầu vậy.

Bởi vậy nên tôi lấy làm khinh bỉ những nhân vật không đồng thời với tôi. Tôi nhạo báng những thói-tục, những kiểu-cách cổ xưa, xa lánh những người tóc bạc. Tôi mồ-côi từ thủa lọt lòng, sinh-trưởng ở giữa đám người đồng-tuế với tôi, không có bà con thân-thích gì cả và cũng chẳng có anh em bạn hữu nào thân để mà nhờ cái tình âu-yếm của họ làm cho tôi yêu mến những bậc lão-thành; nên chỉ không những là tôi không ưa người mà rồi thêm ghét cả đến sự vật nữa. Lúc nào tôi đã không chế nhạo được thời tôi lại khiếp sợ.

Đời tôi tuy là khó khăn, nhưng mà rất là vui vẻ. Bị sô đẩy vào cái xã-hội nông-nàn ngày nay, nên tôi cũng vui lòng mà bước thử. Tôi tựa hồ như một người tập bơi còn trẻ tuổi chỉ thích chống cự nhau với sóng; nhưng thỉnh thoảng nhọc lại muốn có bờ bể mà ngồi, có mặt trời mà sưởi. Tôi bị giam hãm ở trong cái hạn-giới chật chội bần tiện quá, nên chỉ mong có cập cánh hoàng kim kia để mà vượt hết đó đây. Tôi chỉ có một thân một mình, tự mình làm sống lấy mình, nên cũng muốn có lúc rảnh để nghĩ đến kẻ khác và giúp đỡ họ.

Nhưng có một sự bất ngờ xảy đến làm cho tôi mất cả những mộng-tưởng và cái điều sở nguyện ấy. Tôi được tin rằng có người anh em họ xa mất có để lại gia-tài cho tôi, mà người đó tôi chưa hề nghe thấy nói chuyện đến bao giờ.

Tôi nhận được bức thơ của thầy lục-sự đòi tôi phải đến ngay cần kíp để nhận hưởng gia-tài. Vậy tôi phải thuê xe từ Bourgogne để nó trở đến quê-hương người anh em họ tôi. Hành trình cũng khá. Mặt trời mùa thu đỏ chiếu xuống cánh đồng, trong rừng thời cây cối hãy còn trang điểm những chùm lá cuối cùng, chung quanh bốn phía thì nghe ran những tiếng xe bò trở thóc hay là những tiếng ca hát của những người nông-phu cày cấy.

Cứ kể ra từ lúc khởi hành cho đến chỗ tôi định đến thời tôi cũng không lấy gì làm khoan bằng lòng những tỉnh-lỵ cao lắm. Nhưng mà từ đấy người ta bảo tôi phải xuống xe mà đi bộ vào làng. Đường trường còn tới hai dặm mà đường đi thời chật hẹp lại thêm trời mưa mấy hôm trước đã làm cho lầy

ngập những bùn. Mặt trời bắt đầu hạ, sương mù tháng mười đã lan khắp cả thung núi. Tôi đi đường bấy giờ không được vui vẻ nữa, lấy làm tức giận những xứ không có xe, sau phải tìm cách đi tắt theo những vết xe ở đường mà đi. Khốn nạn cho tôi, họ có dẫn đường chỉ lối cho tôi ở trạm, nhưng dặn không kỹ, thành thử tôi trông những lối đi qua những ràn nho đều giống nhau cả, tôi bị lạc đường mất mấy lần, mãi đến tối mịt mới về tới làng. Tôi phải đi từng nhà để tìm nhà người anh em họ tôi, đến lúc tới nơi thời vừa rét vừa lắm, mà rồi lại chẳng thấy một ai !

Một người đi qua bảo tôi rằng mụ Félicité (tên người quản-gia) còn đang cầu kinh ở nhà thờ. Tôi đành phải đi bách-bộ ở trước sân để đợi mụ ấy về, tay bỏ vào túi, lật cổ áo lên quá mang tai.

Nếu tôi không nhọc mà trời không mưa phùn thì cái lối tôi đứng gác cổng như thế dễ cũng buồn cười. Vừa tới lúc tôi không thể chờ đợi được nữa thời thấy một mụ già tay cầm quyển sách giải-buồn, dáng người nửa quê-mùa nửa thành - thị, đoán ngay là mụ quản-gia.

Mụ thấy có người lạ mặt đứng gần bậu cửa, mụ liền đứng lại hỏi tôi tìm gì.

Tôi vừa run lập-cập vừa hỏi lại rằng :

— Kìa mụ Félicité!

Mụ bèn nói một cách chua ngoa rằng :

— Ông không gọi tôi bằng cô được hay sao ? Phải, chính tôi đây, ông muốn gì ?

Tôi bèn kêu lên rằng :

— Trước hết là mụ hãy mở cửa cho tôi vào, rồi thời tìm cách cho tôi sưởi. Thế rồi tôi phải xưng tên để cho mụ khỏi hỏi đi hỏi lại nữa.

Tôi vẫn chắc rằng nói đến tên ấy thời thế nào mụ quản-gia cũng phải xin lỗi ; thế nhưng mà không, mụ lại đứng nhìn tôi một cách khinh-khỉnh, thế mới lạ cho tôi chớ !

Sau mụ bèn nói một cách ung dung rằng :

— À ! thế ra chính ông là người đến hưởng gia-tài đây ; vậy thời để tôi phải đi báo cho ông Lục-sự biết.

Tôi lấy làm nóng tiết, gắt lên rằng:

— Khỉ lắm, trước hết phải để cho tôi có chỗ trú đã chứ, đi vào, mụ Félicité !

Mụ bèn nói một cách nghiêm-chỉnh rằng:

— Thưa ông, xá lỗi cho, người ta cho tôi giữ nhà, tôi phải giữ trách-nhiệm. Ông hãy đứng dấy, quan Lục-sự Boisseau sẽ đến liệu-định.

Thế rồi không đợi tôi nói, mụ liền quay gót mà biến mất vào trong cái ngõ hẻm.

Tôi lại phải đi bách bộ một lần nữa ở trước cái nhà ăn thừa-tự kia. Độ nửa giờ sau thời mụ về đi cùng với một người đàn ông thấp bé đeo mục-kính. Người đó tự xưng là Lục-sự Boisseau, tôi bèn đưa cho ông ta cái thơ mà ông ta đã viết cho tôi và các giấy căn-cước của tôi, ông trông qua bằng cái ánh sáng ngọn đèn xách tay, chịu nhận tôi là người ăn hương-hỏa đó, rồi truyền để cho tôi vào nhà.

Trong khi đòi hỏi giấy căn-cước ấy, tôi vẫn cứ phải đứng ở ngoài cửa, bởi vậy nên tôi tức mình mà rủa thầm những ông chức-sự nhà quê.

Đến sau cửa mở tôi bèn nói thầm với quan Boisseau rằng mai tôi sẽ lại bên ông đi điều-đình mọi việc ; đoạn rồi tôi đi thẳng vào trong nhà và cũng chẳng buồn mời ông ta vào chơi.

Được một lúc thời mụ già cầm đèn ra đưa tôi vào trong phòng khách cổ có được bốn cái ghế bằng cói với một cái ghế bành lối Xiêm-la và hai pho tượng Paul cùng Virginie để ở giữa bốn quả mướp đắng bằng đá.

Những sự phiền-phức trình bày giấy-má để cho người ta chịu nhận tôi với lại đường xá móc mưa này khác làm cho tôi nhọc mệt, nên tôi cũng chẳng giấu diếm gì cái khó-tính của tôi ; tôi bèn bảo mụ quản-gia đốt lửa cho tôi sưởi và làm cơm cho tôi ăn, còn tôi thì tôi đi thăm nốt các buồng. Tôi lấy cái đèn nến mạ bạc đã dỉ hoen, thắp bằng bấc giấy, rồi tôi đi khắp cả nhà của người anh em họ tôi mới mất.

Buồng nào cũng thế, cũng giống như là phòng khách tôi mới đến lần đầu. Những bức y-môn, màn quần, bức thảm, câu đối đều đã phai mùi cả và đã lốm đốm vết Loen, chỗ này chỗ nọ lác đác được mấy cái mới hơn, thành thử trông chẳng khác nào như quần áo cũ vá bằng mụn vải mới vậy. Những đồ gỗ thời theo kiểu cổ làm rất thô mà cũng không đủ bầy trong các phòng mà cửa phòng thời đóng không được kín. Đến những sự trông nom trật tự, vệ lịch-sự và điều tiện-lợi thời trong gian nhà cổ này không có được một thí vậy. Tôi tìm thấy ở đấy cái tang-chứng rõ-rệt về sự mạn-rợ của ông cha ta và thêm được một cái cớ nữa rằng những cái đẹp, cái hay mới bắt đầu có từ đời chúng ta vậy.

Nhất là cái phòng ngủ lại càng lạ lùng hơn nữa. Cái giường hình như là cái săng, bốn mặt có bốn cái màn cửa sanh che nhưng đã thủng ; bàn thời thiếu ngăn kéo, ở trên để một bộ sách nước đã rạn và một cái chậu không đồng mùi.

Trên tường thời treo đầy những hình ảnh cổ của họ hàng, những hình ảnh có thể làm cho người ta khiếp đảm, ảnh vẽ từng thời một, cho nên vẽ mỗi người một nghệ, ở trong đám đó tôi phân biệt có một người nhà-tu, một người lái buôn, một viên quan tòa, một viên quan võ, sau cũng có một người béo tốt nửa thành-thị nửa thôn-quê mà mụ Félicité nói rằng đó là chủ cũ của mụ !

Mụ quản-gia vào bảo cho tôi biết cơm đã dọn xong; tôi bèn theo mụ sang phòng khách.

Cái cảnh-tượng bát đĩa mảm nồi lại làm cho tôi phải quan tâm ; khăn ăn để rành mãi trong tủ, nay có tôi đến mới lấy ra để tiếp đãi thời đã vàng chóe những vạch ngang vạch giọc.

Những đĩa sành vì dùng lắm cho nên giao đĩa đã làm như là kẻ hoa ở trên mặt, cốc chén thời không có chân, chẳng khác nào như những phao đèn cồ, hai cái đựng muối thời què chân, mà muối thời là thứ muối nhà bếp, hồ tiêu thời hồ tiêu say chưa tan.

Mụ quản-gia đem cho tôi dùng một thứ súp điêu-đứng quá, bơ không cho, chỉ có được mấy miếng xương con gà mái đang ấp vì quá tình mẫu-tử nên chỉ còn trơ có xương với da. Mụ bảo với tôi rằng đó là

bữa thường của chủ mụ ; nhưng vì tôi là khách mới đến nên mụ có thêm cho ba quả táo tây đang thối dở với một miếng phó-mát đã mọc rêu xanh !

Tôi toan uống rượu, thời thấy rượu dục vẫn mà làm đau bằng những quả nho vứt đi.

Tôi tức mình về cuộc du-lịch đó quá, liền định về giường ngủ. Mụ già thắp đèn đưa tôi về tới phòng. Bấy giờ cái giường thất kinh đó với lại những ảnh ám khói kia lại làm cho tôi khó chịu hơn lúc ban đầu. Tôi bèn quay lại hỏi mụ rằng ở tỉnh xxx này có ông chủ tầm-tầm không.

Mụ bèn nhắc lại :

Ông chủ tầm-tầm ! Ở đây chúng tôi không biết cái đó là gì cả !

— Thế không bao giờ có bán đấu-giá à ?

— Thưa ngài xá lỗi cho, thật quả tôi không hiểu.

— Này, thế người ta làm ra làm sao ?

— Đã có phu-điếm nó đánh trống rao khắp các ngã ba ngã tư.

— Thế thì ngày mai bảo phu-điếm nó rao bán hết cả những đồ đạc ở đây.

— Hết cả, thế ông không giữ lại thì gì à ?

— Không.

— Chanh cũng không giữ ?

— Chanh cũng không.

— Kìa này, ông ơi, thế ra ông không nghĩ đến rồi ; đó là những hình ảnh người nhà kia đấy !

— Tôi đã bảo mụ rằng tôi bán hết cả mà. Thôi đi ngủ đi.

Đoạn rồi tôi lấy cái đèn nến của mụ Félicité, mụ trở ra vừa đi vừa giơ hai tay lên trời.

— Mụ già ấy muốn cho ta làm gì bằng cái mảnh vải bôi sơn đó. À ! phải rồi ta sẽ bán bay đi, những cái hình ảnh thô-bỉ kia ạ, chẳng qua cũng vì cái lòng ác-cảm đối với thời-thế nên bay mới xuất-hiện ra đây chớ gì ! Cái sầu não ở tàm-can đó là phần của bay, những cái thói tầm tiện, không xa hoa đó toàn là những cái thói mà bay đã để lại ; cái đời mà không có lấy được một cái thứ gì của sự văn-minh ngày nay đó là cái đời của bay đã lưu-truyền lại bởi phong-hoá ! Quân giã-man kia, bước ngay khỏi đây ! Bay với ta không phải là cùng giống, không có thứ gì chung chạ cả.

Tôi đặt mình xuống giường vừa nói lẩm-nhẩm một mình như vậy ; song vì nhọc và tức mình nên không sao ngủ được. Tôi bèn lấy quyển sử-ký mà tôi đã mang theo để giải muộn ở đường, với lại quyển gia-phả mà thầy lục-sự đã đưa cho.

Ở đây có một sự bất ngờ dễ chịu hơn là những sự bất ngờ khác. Tôi không ngờ cái món tiền tổng-cộng lại to đến như thế, và có thể làm cho tôi gần được tới cái địa-vị một nhà phú-gia.

Cái sự bất ngờ đó làm cho tôi bớt khinh bớt giận và bắt đầu làm cho tôi dễ tiêu cái bữa súp điêu-đứng kia. Tôi bèn xem xét gia-phả từng mục lặt vặt một, cho tới khi những chữ số nó nhấp nhô ở trước mi mắt tôi đã nhắm lại một nửa vậy. Tới sau tôi không còn biết chung quanh tôi có những gì.

Một chốc tôi thấy hình như có tiếng chân đi ở trước đầu giường tôi ; tôi bèn mở mắt ra thời thấy ước đến một tá người đứng súm-sụm chung quanh giường tôi. Những người ấy đều mặc y-phục cổ mà khác nhau, trông cách ăn mặc của họ tôi giật mình mà nhận ra là những người ở trong chanh treo trong phòng ngủ. Tôi bèn tìm những bức chanh ở tường định để so sánh, nhưng chỉ thấy còn có cái khung treo ở đó còn những người trong chanh thời hình như cử-động được vậy.

Đứng đầu cái toán đó thời có một ông cụ già mà tôi không trông thấy ở trong bộ chanh.

Tôi nhìn ông cụ ấy một cách lạ lùng đến nỗi hình như cụ ta hiểu vậy.

Cụ ta bèn bảo tôi rằng :

— Ngươi tìm vô ích cái hình ta ở trong bộ chanh này : ở thời ta bấy giờ không có một cái bút họa nào lại chịu phiền vẽ một người nô-lệ như ta ! Song ta hiểu biết những nông nỗi khốn cùng của cái tình cảnh ta nên ta đã hết sức lao-động mới mua lại được cái quyền tự-chủ. Ấy cũng nhờ có thế mà rồi một đứa con ta đây mới có thể học-hành và trở nên một nhà thầy tu. Người mà cụ ấy chỏ liền bước ra và nói nhẹ nhàng rằng :

— Những người nghèo-khổ và những người bị ức-hiếp đều cần có chỗ nương tựa, ta mới nhờ tên đức chúa mà cố giúp cho họ ; ta cố giúp đỡ để dậy dỗ dân-tình, để cho họ biết yêu mến việc thiện, để cho họ có bụng thực thà, có cái hi-vọng, có tính nhẫn-nhục. Còn như nhà ta thời cũng nhân ở cái ảnh hưởng của ta mà dần dần chiếm được một địa-vị trong bọn thương-gia có hạnh-kiểm trong hàng tỉnh.

Bấy giờ đến người thứ ba cất tiếng nói một cách bệ-vệ rằng :

— Cái cơ nghiệp mà ông cha để lại ấy chính tay ta đã làm cho to tát thêm ra. Ta được bầu làm hội-trưởng nên đã xin cho hội được xã nhiều thứ thuế khác và ta đã hội họp nhau lại để trông nom những lợi-tức chung, chống cự lại với những sự tàn - bạo. Ta đã khởi xướng lên hương-đảng và gom góp những sự ích-lợi chung mà gọi là xã vậy.

Đoạn đến người đứng cạnh nói, trông mặt ông ta và y-phục của ông có thể biết được rằng ông là một ông quan tòa.

Ông bèn nói rằng :

— Còn ta, thời ta lấy luật-pháp ra mà trừng-trị cái thói tham-nhũng của người đời, lấy sự công-bình ra mà ngăn cấm sự hà-hiếp, những tay đại thế-lực đều phải chịu quyền phân-sử của những bậc quan tòa không có gươm dáo gì cả ; nói tóm lại là công-lý đã thắng được cường-quyền vậy.

Một nhà võ-sĩ mặt dám hơi đồng nói rằng :

Không những là cái thanh kiếm đã chịu tùng phục ta, những dòng dõi nhà nô-lệ ngày xưa nay đã đeo gươm và trở nên những người giúp nước và chống giữ luật-pháp vậy.

Đằng nào cũng vậy, khi mà đã thuộc cả về một nước thời rồi nước sẽ phải hết sức bênh-vực, bởi vậy cho nên khi mọi người đều trở nên binh lính cả thời chúng tôi đều được nhập tịch quý phái vậy.

Tới người sau cùng mà tôi trông hình biết là người anh em họ tôi, anh ấy nói :

— Phải, ông cha ta đã trải bao phen đánh đông dẹp bắc mới để lại được cho hậu-sinh ta đây sự công-bình và tính tự-do. Còn lại cái vấn-

để tài-chính thời ta đây nhân cái phận-sự làm kiến tha mồi, cũng nhờ ở sự lao-động của ta và cách ta cần kiệm, nên ta đã dần dần sinh sôi mãi cái gia-tài nhỏ bé mà ông cha ta để lại cho ta, ta thêm vốn để rành, ta mở-mang rộng rãi những rừng ruộng, thành thử ta để lại được gấp sáu lần hơn khi ta thừa hưởng. Vả lại nhờ có cái tinh thực thà của mụ Félicité nên rồi của gì sẵn của ta để lại cho người ăn thừa-tự sau này hẳn còn nguyên vẹn.

Ta làm như thế là cốt để lại cho hắn cái thì giờ rảnh để mà mở mang trí-thức, để được tự-do làm điều thiện, sau nữa là để được cái hạnh phúc không những là chỉ cốt sung sướng lấy một mình mà rồi có thể hi-sinh được cả cho kẻ khác nữa vậy. Nếu hắn xứng đáng được cái ân tứ như vậy hẳn sẽ biết đường lối mà lợi dụng, hắn sẽ ghi nhớ ở trong tâm-can cái ân-nghĩa của người đã xếp đặt cho công-nghiệp vẻ vang đó. Không những là không nhạo báng, hắn sẽ biết cung kính các người ấy và hắn sẽ biết mở đường nhân-đức bằng cái của cải mà người anh họ tuổi tác kia đã cần kiệm và dành dụm lại, nghĩa là hắn sẽ gia tâm làm phúc cho kẻ khác vậy.

Mấy câu sau cùng này nói to lắm, cảm-động quá đến nỗi tôi phải rùng mình, thế rồi tôi thức dậy !

Ngọn nến gần tắt, những bức chanh cồ vẫn ở nguyên chỗ cũ, quyển gia-phả và quyển sử-ký thời để lăn lóc ở chân giường.

Những điều mà tôi trông thấy vừa rồi thành ra ở trong giấc mộng.

Giấc mộng hay là thanh-âm của chân-lý và lương-tâm cũng được. Những bức chanh cồ đó chính thực là dấu tích của cồ thời. Mỗi một bức chanh đó nhắc lại cho tôi nhớ đến công-nghiệp đã tác-thành của một thế-kỷ và một hạng người có thể nói được rằng những bức chanh đó đã in sâu vết chân thời giờ ở trên con đường tiến-bộ vậy. Đối với những người biết suy xét biết hiểu thấu thời cái đó là cái vinh-dự đáng kỷ-niệm những công-cuộc mà ông cha ta đã sây đắp nên vậy.

Trong trí mờ-ám của tôi được một tia sáng bất thình lình như vậy, tôi bèn giơ hai tay ra chỗ những bức chanh gần mờ đó, hình như là những bức chanh đó có thể trông thấy tôi và nghe được lời tôi nói.

Tôi kêu lên rằng :

— Ôi ! tôi xin lỗi, tôi xin lỗi những bậc lão-tướng cồ-thời, ngày nay tôi đã biết đường kính-phục các ngài. Tất cả những hoa qủa mùa màng mà ngày nay tôi đang gặt hái và lấy làm kiêu hãnh dây đều bởi ở tay các ngài rắc hạt vun trồng. Cái hiện-thời là cái kết-qủa của cồ-thời và cái phong-hóa cựu-thời đó là cái đồ dùng của sự tiến-hóa vậy.

Ôi ! các ngài ôi ! xin các ngài đại xá, các ngài cũng đã hiểu biết cái cây khoa-học cách-trí từ hồi cái cây ấy còn nhỏ, còn non ; nhưng các ngài đã chịu lấy mồ-hôi của các ngài, giọt máu của các ngài, để bón tưới cái cây đó. Ngày nay tôi rõ biết cái tính kiêu-hãnh của tôi xưa là sự bạc-tình, nên từ đây trở đi tôi xin nguyện để một bên lòng thâm-tạc ghi nhớ những công-đức các ngài.

Cả đến những dấu-tích phong-hóa cồ-xưa kia ơi, dấu-tích mà ngày nay

ta không tài nào hiểu thấu được, những thói quê-kệch của ông cha ta, những thói-tục cồ-xưa đã bị quên-lãng kia ơi, từ nay các ngươi không còn làm cho ta cười, ta giận nữa, bởi vì ta đã tỉnh-ngộ rằng các ngươi là dấu tích đồ nát, nhưng hãy còn có thể trông thấy được, của một nền văn-minh đã làm đủ phận-sự.

Vũ-văn-Định *dịch thuật*

VĂN THƠ

Câu đối tết

I

Năm mới năm me, đua nhau sắm mặc sắm ăn, thêm mãi cái già không biết nhỉ.

Ngày tư ngày tết, này cũng mua chanh mua pháo, đánh lừa con trẻ có gì đâu.

II

Tơ liễu buông mành oanh học nói;
Hoa đào cười gió yến đưa thoi.

Lục-lang

Tết xuông

Tiếng pháo kêu ran khắp đó đây,
À ra thiên-hạ tết hôm nay !
Ai không mừng rỗi về năm mới ;
Ta vẫn nằm xuông ở chốn này.
Lận-đận phong-trần xuân mỗi khác;
Lăng-băng thân-thế đất còn xoay.
Hồi-đầu nhớ những năm về trước,
Cái cảnh đoàn-viên luống tiếc thay!

Mồng một tết tức-sự

Bảnh sáng đà nghe pháo nổ vang,
Đua nhau thiên-hạ đón xuân sang.
Láng riềng oai-oái người sông-đất.
Đứa ở xoăn-xoe cậu mở-hàng.
Câu-đối đã không lòe sắc đỏ,
Thủy-tiên cũng chẳng thoáng mùi hương.
Ngồi buồn ta ngắm người vui tết,
Áo đẹp sênh-sang khắp phố-phường.

Nguyễn-Thượng-Huyền

Đề đền đức Đồng-Thiên-Vương

(Của quan Hiệp-tá Phạm-văn-Thụ soạn)

Trời đà sinh Thánh giúp non-sông.
Chẳng thế, còn đâu giống Lạc-Hồng !
Mồng bảy tháng riêng ngày kỷ-niệm,
Bốn nghìn năm lẻ dấu đằng-không.
Giặc Ân đã khiếp chiều roi phục ;
Non Sóc như reo tiếng gió thông.
Nước có thần-quyền, dân có phúc,
Tiếng thiêng-liêng mãi, vẫn còn mong !

Phạm-thế-Mỹ sao lục,

Tặng bạn

(Người bạn là con ông Tú, bỏ chữ Hán, học chữ Tây đỗ Giáo-học)

Người tựa trăm hoa họp một làng ;
Mai kia khoe trắng, cúc khoe vàng.
Gió Âu mưa Á năng vun-tưới ;
Nhánh Lạc chồi Hồng kịp nở-nang.
Dù điểm-trang nên mầu quốc-sắc ;
Cũng bồi-dưỡng lấy mạch thư-hương.
Đồng-tâm còn nức mùi lan cũ,
Không phụ con nòi đất Lạc-dương.

Quảng-hiên Dương-hoằng-Khuếch

Gửi cho bạn cũ

(Họa vần bài « Cảnh cũ » của ông Hạc-thần Nguyễn-thượng-Huyền đăng trong Hữu-Thanh số 10).

Lần giở đèn khuya báo mấy tờ,
Thấy văn ai đó dễ mần ngơ :
Một thiên tiểu-thuyết đề năm mới,
Mấy vận nhàn-ngâm nhớ cảnh xưa.
Bèo-nước ngán cho duyên đỉnh-đoảng !
Đá-vàng nào phải chuyện tầm-phơ!
Tấc lòng hoài-tưởng ai chẳng thấu ?
Chốc sáu, năm năm mãi đến giờ !....

BẠCH-HỮU-HƯƠNG

Ngày xuân

Nước biếc non xanh một sắc xuân,
Cảnh mừng quen mặt chú Đông-quân.
Lan cười trước gió hương thơm ngát,
Mai điểm sau sương sắc trắng ngần.
Riu-rít trên cành oanh học nói.
La-đà trước cửa liễu khoe tân.
Thấy xuân ta hãy vui xuân nhỉ,
Kẻo cái già đâu nó lại dần.

Cảm-hứng

Đỏ đào xanh liễu, trắng ngần mai,
Thấy cảnh xuân sang luống ngậm-ngùi.
Cúc-dục chưa đền ơn chín chữ ;
Tang-bồng còn nặng gánh đôi vai.
Đoái trông hoa cỏ càng thêm thẹn,
Mà nghĩ văn-chương lại nực cười.
Tâm-sự ông xanh như có thấu?
Xin ra tay dứt mối sầu ai.

Chiều hôm qua cầu

Một khối tà-dương lặn đỏ hồng,
Cầu cao gió mạnh nước mênh-mông.
Sóng đào lớp lớp rờn mày biếc,
Điểm-xuyết chanh này, hỏi hóa-công.

Hỏi anh bồ-dìn.

Bác đứng làm chi mãi chốn này ?
Cớ gì như điếc lại như ngây ?
Đêm ngày gìn-giữ cho ai đó ?
Non-nước đầy vơi bác có hay ?

Thọ-vực NGUYỄN-XUÂN-ĐÀI

Chơi xuân

Cái giọt mưa xuân lún-phún tình...
Khách xuân hỏ dễ lại mần-thinh !
Xuân cùng nhật-nguyệt thơ dầm vận;
Xuân với giang-sơn rượu một bình.
Đờn gẩy cho siêu lòng thục-nữ ;
Cờ chơi cho bỗ tiếng hư-sinh.
Hễ ai có hỏi thời xin đáp :
Cái giọt mưa xuân lún-phún tình...

Xuân của anh kiết

Trời Nam thằng kiết ấy là tôi.
Kiết cũng chơi xuân, có kém ai !
Kiết ít xu hào ngồi tưởng vậy ;
Kiết không chè chén vịnh thơ chơi ;
Kiết quen ăn-mặc soàng như thế ;
Kiết chẳng đua-ganh hão với đời.
Dầu kiết nhưng mà không kiết mấy,
Kiết đường phung-phá, kiết ngông thôi !

NAM-HƯƠNG

Ngày Xuân tự răn

Này lại xuân rồi đấy bác ôi !
Hư-danh theo đuổi nữa hay thôi ?
Con đường học-vấn còn nguyên cả,
Mà đốt niên-hoa quá nửa rồi !
Liều với bút-nghiên xoay nghiệp khác.
Thôi đừng quan-quách kẻo cơm tai!
Xuân càng chóng tới tình mau cạn.
Non-nước sau này luống mỉa-mai.

VÂN-SINH

Đề chanh mĩ-nhân

Mặn-mà một nét một ưa nhìn,
Muốn đóa hoa nhường một khách tiên.
Vì chuyện Bích-câu nay lại có,
Cũng toan lạc lối tới Đào-nguyên.

ĐẠO-NGUYÊN

Năm-mới

Cỏ hoa hớn hở một mầu tươi.
Cái nỗi buồn xuân biết hỏi ai !

Năm mới tuổi thêm, nông-nỗi ấy.....
Đầu to nợ nặng chị em ơi !
Thiều-quang chín chục là bao đó ?
Phù-thế trăm năm đã mấy rồi ?
Cũng muốn quên đi cho rảnh chuyện!
Bán sầu nên hãy gượng mua vui.

Xuân hoài

I

Hai nhăm xuân lẻ trải bao lần.
Bao độ mừng xuân, độ tiếc xuân.
Chín chục thiều-quang nay lại mới,
Hoa đào hớn-hở với Đông-quân.

II

Thu qua đông lại những mong chờ.
Xuân đến bây giờ mới tới ư ?
Riu-rít quanh thềm oanh học nói,
Cái xuân này vẫn cái xuân xưa...

III

Tiếc xuân ngồi nhẫn xuốt tàn canh,
Thánh-thót mưa sa gió lọt mành.
Buồn đốt lò hương bàn chuyện cũ,
Quyển vàng lần giở dưới đèn xanh.

TRỌNG-NGANG

Tết

Đào tơ đua thắm liễu đua tươi.
Hớn-hở mừng xuân đã tới nơi.
Trẻ được tiền phong, già được tuổi,
Sân đầy xác pháo, ngõ đầy vôi.
Thái-bình cảnh-tượng nhường thêm vẻ,
Gấm-vóc non-sông có nhuộm mùi?
Ví được quanh năm xuân thế mãi,
Tha hồ thỏa dạ khách làng chơi.

Tùng-long NG.-KHÁNH-VÂN

Chơi xuân

Mưỡu

Tiết xuân mưa-gió ôn-hòa,
Mừng xuân khắp cả sơn-hà vui chung.

Hoa xuân nghìn tía muôn hồng,
Yêu xuân ai dễ cầm lòng với hoa ?

Nói

Thiều-quang chín chục,
Mùa cầm, kỳ, thi, tửu chính là đây.
Ngày làm đêm, đêm đổi làm ngày.
Chơi cho thích, kẻo sau này tấm-tức.
Say tít cán-khôn thây kệ xác,
Mần ngơ phi-thị gác ngoài tai.
Kìa công-danh, kìa tiền-bạc, rặt một giống của trời-ôi...
Người tri-thức dửng-dưng-dưng không mảng.
Đời quí nhất là tình với bạn,
Còn ngoài ra, chê-chán chẳng buồn chơi.
Gặp xuân chơi tí mà thôi....

Lương-điền NG. LÊ-BÔNG

May thay giải-cấu tương-phùng

(Tặng một người ca-nhi ở Quảng-nguyên)

Mưỡu

Ấy ai hoa đợi trăng chờ,
Non xanh có hẹn bao giờ mà quen !
Gần đây cửa Phật, chùa Tiên,
Xinh thay đem cảnh Đào-nguyên ghẹo người.

Nói

Người đâu gặp-gỡ,
Chốn tràng-đình bỡ-ngỡ thế mà quen !
Quảng-nguyên này chừng đấu cũ Đào-nguyên.
Gồm đủ cả non Tiên cùng cảnh Phật.
Non-nước đúc nên tài với sắc,
Tơ-duyên vướng lấy nợ hay tình?
Bạn má-hồng thêm được thú non-xanh,
Mà mái tóc gặp mình khi chửa bạc.
Quang-cảnh ấy nghìn vàng khôn đổi-chác ;

Mượn cung đàn tiếng hát để làm vui.
Còn về còn nhớ đến người.....

Mười lăm năm ấy bây giờ là đây

(Làm hộ người bạn)

Mưu

Xót thay chút nghĩa cũ-càng,
Tình càng thấm-thía dạ càng ngẩn-ngơ !
Quản bao tháng đợi năm chờ,
Mười lăm năm ấy bây giờ là đây !

Nói

Một duyên hai nợ,
Mười lăm năm gặp-gỡ biết bao lần.
Giận duyên mình thêm trách lẫn hồng-quần,
Chữ tài sắc cầm cân sao thắc-mắc ?
Vị-tất khuynh-thành giai quốc-sắc;
Đại-đô thất-túc vị tình-si !
Bạn áo xanh đầm-thấm giọt tương-tri,
Lúc kể ở người đi chừng ái-ngại !
Chỉ non bể thề-nguyền ân-ái,
Mối tơ-tình vấn-vít giải đồng-tâm.
Những là yêu vụng nhớ thầm !

HẢI-NAM

Ông «tiền» phú

(Một văn)

Ông tiền, ông tiền, ông thực có duyên.
Dáng ông đẹp như vàng, như ngọc; Da ông trắng như bạc, như kền.
Ông muốn vào đâu, thì đâu cũng lọt; Ông không hay nói, mà tính hồn-nhiên.
Ông thường ở mỏ vàng, mỏ bạc, mỏ sắt, mỏ đồng, kho-tàng vô-tận;
Ông đi vung nước Tây, nước Ta, nước Tàu, nước Nhật, thế-giới tạm-thiên.
Một ngày vắng ông, lắm người không yên.
Kể trong thiên-hạ, ông thực có quyền.
Ai biết qui ông, ông cho sướng đấy; Ai mà phí ông, ông bắt khổ liền.
Ông yêu ai thì vạn ức dễ như chơi, lên như khói bốc; ông ghét ai thì trăm nghìn đồ một trận, xuống đến đất đen.
Nào vì ông mà vào cúi, ra luồn, dối như cuội-đất; nào nhờ ông mà thơm danh, nức tiếng, đẹp như nàng-tiên.
Nói tóm lại, thì oai-thanh ông thiêng như thần-thánh; Thế-lực ông lớn như đế-thiên.
Chỉ vì ông: lòng không nhất định; tính lại hay thiên.
Bao nhiêu người thông-minh, vì ông mà lắm điều buồn-bực;
Bao nhiêu người hiếu-nghĩa, vì ông mà lắm nỗi chuân-chiên,
Ông làm cho thẹn người tráng-sĩ;
Ông làm cho chột dạ thuyền-quyên.
Hết khôn, hết khéo: như dại, như phiền.
Nào ai khinh ông, mà ông nỡ ghét;
Nào ai phụ ông, mà ông nỡ chèn.
Mà sao những kẻ không tài, không học, chẳng hay chẳng hiền.
Lừa lừa lọc lọc; Đảo-đảo điên-điên.
Thì ông say đắm, ngày tháng lưu-liên.
Nhờ hơi ông mà ăn chơi vô độ,
Mượn vía ông mà cờ bạc phá rền,
Thậm chí: trai lành vì ông xui mà mất điều liêm-sỉ;
Gái tốt vì ông dỗ mà mất nết chính-chuyên.
Nào mẹ ông mà lừa thầy phản bạn;
Nào cậy ông mà ở dưới lấn trên.
Kể ra tình-trạng còn nhiều, bút nào xiết tả. Thôi thì đầu đuôi phỏng thế, giấy ngắn đủ biên.

Vậy nay tôi xin can ông rằng: nay về sau, ông nên cẩn-thận; chớ có quàng-siên.
Ai hay ai dở; ai hư ai hèn,
Người có đáng đến thì hẵng đến;
Chỗ không nên ở thì ông đừng nên.
Sao cho mọi vẻ vuông tròn, ơn càng muôn kiếp; Để được bõ công nung đúc, tiếng vẫn như nguyên.
Thế thì tôi xin thắp hương đính-chúc, cảm tạ ông «tiền».

THẦN-DUYỆT NGHIÊM-XUÂN-LÃM

∴

HÀI-VĂN

Chưa cưới đã đẻ

Duyên em sớm đã định từ trời,
Chửa cưới nhưng mà hẵng đẻ chơi !
Gối điệp sau đành yên phận thiếp;
Mộng hùng nay đã đẹp lòng ai.
Ông tơ còn gỡ mành giây rối;
Bà mụ liền trao nắm bột rơi !
Cái sự chi thường âu thế nhỉ,
Chiều chồng nên trước, chị em ơi !

S. S.

Văn tế nòng-nọc

Than ôi ! phượng-loan chạ cánh, lưới trăng-hoa sao khéo trêu người !
Nòng-nọc đứt đuôi, dao oan-nghiệt vì đâu nên nỗi !
Tình hỡi là tình !
Tội thế mới tội !
Nhớ anh xưa :
Ở cõi Nam-bang,
Học trường Hà-nội :
Tay tân-học lừng danh xứ Bắc, cung mây thềm quế, đường vân-tiêu đã sắp kề thang.
Ngón nhân-tình lần nẻo cầu Lam, sớm mận tối đào, thú phong-nguyệt khi nao nhẹ túi.
Trai chưa vợ học phường vô-lại, sá co vòi những sự kề dao.
Gái có chồng quen tính tự-do, dã vương nợ đố ai gỡ mối.
Cũng tưởng trai tài gái sắc, uy búa-rìu khôn dính cuộc mây-mưa;
Nào ngờ kẻ cắp bà già, trận dáo-mác bỗng kề nơi đệm-gối !
Đồ «quạ tha» sao khéo rủ-rê;
Kiếp «gà thiến» xui nên rắc-rối !
Hở môi cũng thẹn, chém cha cái hến thập-thò !
Đến dít còn cay, đù mẹ con cò lặn-lội !
Vẫn đã biết gan vàng thời chẳng quản, mầu đuôi sư-tử, có kể chi chút nỗi vắn dài.
Những tiếc cho mầm ngọc hãy còn non, giọt máu Lạc-Hồng, toan những để trăm năm nối dõi!
Thôi thì thôi !
Có cũng thêm phiền,
Không càng được rỗi.
Pháo đã tịt ngòi,
Còn đâu mà nói !

XX.

∴

TÌNH YÊU HOA

Yêu hoa ! yêu hoa ! Hoa mà có được đủ trăm vẻ, thì khách ưa hoa cũng đủ trăm mối tình ! Có kẻ yêu hoa mà quên ăn quên chơi, có kẻ mê hoa mà quên cả việc đời, dường như bao nhiêu tinh-thần bị hương-thơm bạt mất, bao nhiêu trí-não bị đài-hoa cánh-hoa cuộn mất. Gớm thay sự yêu hoa, vui thay cách yêu hoa ! Say-mê tê-tái làm sao, vì hoa; mà âm-thầm dau-đớn ngẩn-ngơ cũng chỉ vì hoa ! . . . . . .

Sự yêu hoa của mọi người, tôi không dám nói mà cũng không

dám biết, cũng không dám bàn đến. Tôi xét bụng yêu hoa riêng của tôi thì thực là quá lạ, không sao mà nói ra được, không sao mà tả ra được. Không tả ra được mà đến nỗi rằng mỗi khi tôi trông thấy hoa thì phải bấm bụng nghiến răng mà rằng : « Lòng này ai tỏ cho ta, hỡi lòng ! . . . »

Khi tôi đứng trước một đóa hoa thì tôi thấy rằng tôi nhu-nhược quá, bụng tôi yếu-ớt quá. Nói cho hết lẽ ra thì tôi không dám ngắm hoa bao giờ cả. Không giám ngắm hoa, không dám nhìn hoa, mà lại không phải là không yêu hoa, chính lại là quá yêu hoa, quá say hoa, quá đắm hoa, quá mê hoa, quá chuộng hoa, quá quý hoa, quá nghĩ đến hoa, quá thương hoa, quá sợ hoa.....! Tôi mà nhìn hoa thì muốn rằng cõi đời này có bao nhiêu năm, tháng, ngày, giờ đều được ngắm hoa cả. Song, con người ta không thể xuốt đời lúc nào cũng giương hai con mắt mà ngắm hoa. Đã không thể giương hai con mắt xuốt đời mà ngắm hoa thì nhìn làm chi một lúc cho bận lòng. . . . ! Vì mà tôi có thể chôn chặt chân tôi dưới gốc hoa xuốt đời, mà ngắm hoa; vì mà hoa kia có thể giữ mầu tươi vẻ đẹp được xuốt đời; thì tôi cũng « đánh bạo » mà ngắm hoa. Nhưng mà không ! Này nhìn hoa lúc này, được nhìn hoa lúc này, tất có lúc phải rời hoa, khi rời hoa thì bụng lại nhớ hoa, yêu hoa. Này hoa tươi lúc ta nhìn, quay mặt đi thì không biết rằng hoa có còn tươi hay không, không biết rằng có gì chạm vào hoa không ! Nghĩ đến đó thần hồn phiêu-động, ngọn trào trong bụng lên xuống đòi cơn..... ! vừa ái-ngại cho hoa mà vừa quý hoa, vừa tiếc hoa, vừa căm tức hoa mà muốn quay lại, rồi lại thôi, rồi lại ngần-ngừ lưỡng-lự mà ruột tằm vướng-vít quay tơ . . . . . .

Những khi nguyệt lặn canh tàn, cảnh sương ngọn gió, cùng những lúc nhàn sầu ngồi một mình mà nghĩ đến hoa, thì thật là thích, thật là vui. Nhưng nếu ai đưa hoa cho xem, ai dắt đến trước hoa, thì lại run, lại sợ, lại ghê mà nghĩ rằng : « Chao ôi ! Lại phải ngắm hoa đây ! rồi đây lại phải rời hoa đây ! . . . »

Trong trăm hoa, có hoa tục, có hoa thanh. Hoa tục như hoa hồng, hoa sói, thược-dược, hải-đường ; những hoa ấy chỉ có sắc đỏ ối, cứ mắt riêng tôi, tục không biết đâu là cùng ! Hoa thanh như hoa lan, hoa sen trắng, hoa mơ, hoa đào, hoa lê..... cái dáng thanh thoát, nhẹ nhàng, thơm tha đủ khiến cho ai tê-tái nỗi, say đắm lòng..... !

Nhiều khi quanh gốc lê, gốc đào, gốc mai mà phải ngoảnh mặt làm thinh.....vì nếu nhìn thì khổ-tâm lắm.

Cái tình yêu hoa của tôi đây là thực tình yêu hoa ; không phải ngụ ý mà nói tình yêu khác..... Tình yêu, say, đắm hoa đây là tình yêu, say, đắm hoa «thực-vật»; không phải tình yêu đóa hoa biết cười, nói, vui, buồn. Có một điều rằng : Nếu đem tình yêu hoa này mà đổi sang hoa kia thì cũng đặm-đà tê-tái được như thế; nhưng, dù sao chăng nữa, thì mấy dòng này sở-dĩ có được là vì chút cảm-tình đối với đóa hoa có nhị, có sắc. . . . . .

Nguyên-phong
NGUYỄN-TRIỆU-LUẬT

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE R.F.

PHÁP-VĂN DIỄN-NÔM

Monsieur Printemps

Monsieur Printemps est un vieil homme,
Toujours pimpant, frais et repos,

Qui porte un habit vert pomme,
Et qui n'est jamais en repos.

Il met le nez à la fenêtre
Lorsque revient le mois d'Avril,
Et dit tout haut : « Quel temps fait-il ?
Voici le moment de paraître.... »

Monsieur Printemps, Monsieur Printemps.
Revenez-nous et pour longtemps.

Voici que la rosée en perles
Brille, partout sur les gazons.
Dans les bois où sifflent les merles,
Les feuilles ouvrent leurs prisons ;
Les oisillons font des aubades
Et disent bonjour au Soleil,
En criant : « Voilà le réveil :
Rions, chantons, mes camarades....»
Monsieur Printemps, Monsieur Printemps,
Revenez-nous et pour longtemps.

Monsieur Printemps de sa chambrette
Leur dit : « Ne criez pas, je sors !
Que diable ! je fais ma toillette !
Dans un instant je suis dehors !

Je mets mon habit des dimanches,
Frais sortis de chez le tailleur

Chúa Xuân

Chúa Xuân là vị lão-nhân,

Mặt Xuân tươi-tốt, tinh Xuân ôn-tồn.

Cỏ pha mầu áo nhuộm non,
Bóng Xuân đi mãi không chồn chút nao.

Gió đông (1) đâu chẳng lọt vào,
Ngày đông (2) đã hết, bông đào nở ra.
Tiếng nghe văng vẳng nẻo xa :

« Này ngày tươi-tốt phải là Tân-Xuân ?
Chúa Xuân kia hỡi Chúa Xuân !

Hãy mau mau tới, hãy dần-dần lui !

Ngày Xuân con én đưa thoi,
Cỏ non xanh rợn chân trời xa xa.
Điểm mầu mấy giọt sương pha,
Tiếng chim riu-rít, vẻ hoa vui mừng;
Cùng nhau hớn-hở tưng-bừng :
« Này này Xuân tới, ta mừng Chúa Xuân. »

Chúa Xuân kia hỡi Chúa Xuân !

Hãy mau mau tới hãy dần dần lui !

Chúa Xuân này đã tươi cười,
Buồng Xuân đã hé vẻ người tuyết-băng.
Mỉm cười Xuân-chúa nhủ rằng :
« Đàn chim kia hỡi hãy đừng giục Xuân;
« Một năm Xuân được bao lần,
« Gió Xuân ta sẽ tỏ dần mặt hoa :

(1) Gió phương đông.
(2) Ngày mùa đông.

Et brodé de toutes couleurs
Sur le collet et sur les manches. »

Monsieur Printemps, Monsieur Printemps,
Revenez-nous et pour longtemps.

Voici Monsieur Printemps qui bouge.
Qu'il est gai ! qu'il a l'air ouvert !

Que son gilet de velours rouge
Va bien avec son habit vert !

Ses mains sont pleines de fleurettes
Qu'il accroche à tous les halliers :

Il a de blanches pâquerettes
Au lieu de clous à ses souliers.
Monsieur Printemps, Monsieur Printemps,
Restez chez nous encore longtemps.

PROSPER BLANCHEMAIN

« Một mầu Xuân-sắc bao-la,
« Gấm-phong là-phủ ấy là Tân-Xuân ».
Chúa Xuân kia hỡi Chúa Xuân,

Hãy mau mau tới, hãy dần dần lui !

Lượng Xuân quyết chẳng hẹp-hòi,
Này Xuân đã tới, vẻ người ung-dung.
Ngày Xuân muôn tía nghìn hồng,
Đào-nguyên khắp chốn, non Bồng đòi phương.
Bụi cây đám cỏ bên đường,
Cùng nhau đua tốt rỡ-ràng bông hoa.
Xuân đi, đi khắp gần xa,
Qua đâu hoa trắng rắc ra đầy cành.
Lượng Xuân xin chớ hẹp tình,

Yêu nhau ở lại có mình có ta.

Nguyên-phong
NGUYỄN-TRIỆU-LUẬT *lược dịch*

Lời bàn của dịch-giả. — Trước-giả Prosper Blanchemain lấy vị lão-nhân mà biểu-hiệu mùa xuân. Cách đó có chút trái với văn Á-đông. Ở Á-đông thường gọi xuân là thanh-xuân, mùa xuân là chỉ tuổi trẻ.

Thế mới là xuân mà thế mới xuân ! Ở nước ta thực là không có mùa xuân ! Mùa xuân ở nước ta thì bất-quá cũng chỉ một vài bông hoa đua nở, vài cành lộc đua tươi. Như thế chưa đủ gọi là xuân ! Ngày xuân các nước ôn-đái thì như cảnh Bồng-lai để thưởng khách đã chịu khổ đi tuyết nằm sương trong mùa rét cóng. Mùa xuân ta thì chỉ gọi là để cho người được hơi khoan-khoái, để gian thân ra sau này mà chống với sức nóng nồng-nàn chua cay mùa hạ. Nước ta nói tóm chỉ có hai mùa: nóng và rét. Chẳng lẽ mà Hóa-nhi lại không cho ta biết đến xuân chút nào, nên trong mùa rét được một độ cũng hơi có dáng xuân ; nhưng, xuân thì xuân, nào đã lấy gì làm xuân ! . . .

Nói cho hết lẽ ra thì nếu ta không chịu ảnh-hưởng phong-hóa, văn-minh Tàu, không xem văn Tàu, không ngâm thơ Tàu, không học chữ Tàu, thì có lẽ không biết tuyết là gì, băng là gì, xuân là gì, mà cũng chẳng có đủ chữ mà tả-vờ một mùa xuân đi nhận vơ lấy.

Vậy, xuân muôn tía nghìn hồng không phải là xuân của ta, xuân phủ-là phong-gấm không phải là xuân của ta. Ta có nên ngâm thơ vịnh-tuyết Tây-hồ nữa chăng ? Ta có nên viết văn xuân-cảm nữa chăng ?

Song, cảnh trời chẳng xuân, nhưng lòng người vẫn xuân. Cảm « *lòng xuân* » mà dịch bài này, cảm « *lòng xuân* » mà viết bài này.

NGUYỄN-TRIỆU-LUẬT

L'année inconnue

Je ne vois jamais finir la vieille année sans angoisse... nous nous étions habitués à elle, n'est-ce pas ? et voilà qu'il va falloir s'accoutumer à un autre visage, endosser avec appréhension les vêtements de l'an nouveau et regarder en face cette année inconnue dont le sourire est pleins de mystères, dont les mains sont encore fermées...

Cette petite peur en face d'une année nouvelle qui nous rapproche sournoisement de la mort, cette petite peur, la plupart des êtres la ressent obscurément. Seulement, ils ne se l'avouent point et préfèrent affecter dans l'avenir une confiance illimitée. Tout ce qui ne leur est pas encore arrivé d'heureux, d'inattendu, de merveilleux, d'extraordinaire, ne l'auront-ils pas demain ?

Demain est auriolé de promesses imaginaires qu'il ne réalise en général jamais. C'est un mauvais payeur que « demain ». Mais de jour en jour, de semaine en semaine et d'année en année, les pauvres humains s'en vont en se répétant les uns aux autres que demain sera plus beau, sera meilleur qu'hier. Et il est bon qu'il en soit ainsi : sans quoi la puissance du passé, son attrait unique, si profond, puisque, tout en n'étant plus, il nous appartient cependant davantage que les choses présentes ou

Năm mới

Ta chưa từng thấy cái năm cũ qua đi mà không lấy làm ưu-phiền thương tiếc.... ta đã từng quen năm cũ, có phải không ? thế mà bây giờ ta sắp phải làm quen với một cái mặt lạ, đành chịu kinh-nghi mà khoác y-phục năm mới và trông thẳng vào cái năm chưa từng quen biết ấy, mà câu cười tiếng nói toàn là những sự bí-mật, tay thời hãy còn nắm chặt. . .

Đứng trước cái năm mới nó xô dần ta một cách dan-dảo tới cái chết ta hơi có ý kinh-hãi, ấy cái kinh-hãi nhỏ mọn ấy phần nhiều người đời đều nhận biết một cách tờ-mờ. Thế nhưng mà không mấy ai chịu thú cả, họ làm hình như có lòng tin cậy một cách vô-giới-hạn ở như sự tương-lai. Những cái gì hoặc sung-sướng, hoặc bất-ngờ, hoặc kỳ-khôi, hoặc quái-lạ mà ngày nay nó hãy còn chưa tới, thời ngày mai họ chẳng được thấy cả là gì ?

Ngày mai rực-rỡ những câu hứa ở trong vòng tư-tưởng mà thường không bao giờ thi-hành được. Ngày mai lại là một con nợ chây lười. Hết ngày ấy sang ngày khác, hết tuần ấy sang tuần khác, hết năm ấy sang năm khác, người đời cứ tuần tự mà chầy đi, thế mà người nọ lại còn bảo với lại cho người kia rằng ngày mai sẽ tốt đẹp hơn, sẽ khả-giả hơn ngày hôm qua. Ấy nhưng mà như thế lại còn hơn : Nếu không thời cái thế-lực, cái đế-quyền của sự quá-khứ, cái ảnh-hưởng của nó sâu xa thâm trầm, chỉ cái ảnh hưởng không thôi cũng sẽ làm cho ta mất hẳn sự thích sống và cái can-đảm để sống vậy, bởi vì tuy rằng hiện nay nó không còn nữa thật,

futures, — la royauté du passé nous ôterait pour toujours le désir et le courage de vivre.

Néanmoins, tout au fond d'eux-mêmes, les gens les plus confiants dans les heures qui n'ont pas encore sonné ressentent cette petite crainte informulée, inavouée, devant l'inconnu. Une nostalgie vague les étreint quand même, à l'instant du départ, devant ce port sans limites où s'emmêlent les vergues et les mâts de tous les vaisseaux fantômes qui ne repartiront plus jamais pour aucun voyage, même s'ils n'ont pas accompli tout leur itinéraire, même si leur cargaison inutile gonfle encore leurs flancs et où, parmi eux, appareille la nef fringante et parée de l'an neuf, sur laquelle nous devons nous embarquer.

Gérard d' Houville
(Les annales)

song như thế nó lại càng thuộc về của ta hơn là những việc hiện-tại hay là tương-lai.

Tuy-nhiên đối với sự chưa quen biết kia, trong tâm những người có lòng tin cậy về tương-lai vẫn thấy có một thứ kinh-hãi nho nhỏ không thể mô-tả ra câu văn, không thể thổ-lộ ra lời nói. Rồi mà đến khi khởi hành dừng trước cái bến vô-giới-hạn kia, ở đấy nào cánh buồm nào cột buồm của các thuyền bè rối lộn vào với nhau và rồi thôi không bao giờ lại còn hòng khởi hành đi đâu nữa, cho dầu cái hành-trình chưa hết, các hàng hóa vô-dụng hãy còn chật nich cả mạn thuyền cũng mặc lòng, và cũng ở đấy, trong cái đám thuyền bè ấy, một chiếc thuyền thuộc về năm mới rất nhẹ rất trang-trọng mà hiện nay ta sắp phải xuống đây, đang dục-dịch sắp đi, ấy đến cái lúc ấy làm thế nào họ cũng nhận thấy một tấm cảm hoài nó ràng buộc họ vậy.

VŨ-VĂN-ĐỊNH DỊCH

GÁI PHỤC THÙ CHA

(Cô-long-ba thiếu-nữ)

Colomba par Prosper Mérimée

BÙI-HUY-CƯỜNG dịch-thuật

(Tiếp theo)

Khi hai người hỏi ra biết tên họ nhau rồi thì cũng không thấy tỏ một ý gì là thù-oán nhau cả. Hai người vội ôm chầm lấy nhau hôn-hít và gắn-bó cùng nhau những tình sâu, nghĩa nặng, những bề ái, nguồn ân...

Ấy cũng là một sự tất-nhiên của người Coọc. Hễ người Coọc, khi ở xứ Coọc có thù nhau thì thù, chớ lúc đã bước chân ra ngoài đất khác thì thân-ái với nhau một cách rất dễ-dàng chân-thật. Sự ấy cũng không khó gì mới kinh-nghiệm được.

Từ bữa hai người tử-thù kia gặp-gỡ ở Ý-đại-lợi mà đi thì không mấy lúc là thấy hai người rời xa nhau cả;

hai người coi nhau như ruột thịt. Thế mà đến khi bước chân về xứ Coọc, hai người tuy ở một làng mà không mấy khi đến thăm-viếng nhau lấy vài, bốn phút.

Trước khi hai người ấy từ-trần, họ có nói rằng đã được năm, sáu năm nay, không ai bắt gặp hai người Coọc ấy trò-chuyện cùng nhau cả. Đến con cái hai người ấy cũng đối-đãi với nhau một cách lạnh-nguội như thế; ngoài mặt tuy vẫn có vẻ ôn-hòa mà trong lòng chứa đầy những thù-oán. Một người tức là Liếp-ba đi tòng chinh đóng lon Trung-tá, và một người là Bi-ly-sĩ làm Luật-sư xứ Coọc. Hai người khi đã trưởng-thành, vì nghề-nghiệp mỗi người một khác vì thân-thế mỗi người một nơi, nên cũng không tiện dịp nào nhìn nhận thấy nhau hay là chuyện trò với nhau cả.

Tuy nhiên, có một ngày kia vào khoảng năm 1809; Bi-ly-sĩ Luật-sư ngồi đọc nhật-trình ở tỉnh *Bat-ti-a* thấy tên Liếp-ba được Danh-dự bội-tinh thì bèn nói lớn ở trước mặt mọi người rằng sự mông-thưởng đó, hắn không lấy gì làm lạ cả, là vì hắn vốn biết Mỗ Thống-soái vẫn thường trở che cho Liếp-ba Trung-tá.

Mấy tiếng nói đó chẳng bao lâu mà đến tai Trung-tá. Khi đó, Trung-tá ở thành *Viên*, bèn lại nhắn lại người mách chuyện ấy rằng ngài thấy sự giầu có của Trạng-sư cũng là sự tất nhiên, vì rằng Trạng-sư thường bởi những đám sự kiện thua mà được nhiều tiền, chớ không phải như kẻ khác vì sử kiện được mà kiếm ra nhiều bạc.

Trong lời nói của Trung-tá không rõ rằng ý ngài muốn bảo Trạng-sư hay lừa đảo mối hàng hay là những việc rắc rối lợi cho con nhà chính-trị. Sự ấy không mấy ai đoán ra được; song đoán được hay không, lời đã bay đến tai Luật-sư, Luật-sư không bao giờ lại bỏ qua đi được.

Đến năm 1812, Luật-sư làm đơn xin chức Lý-trưởng ở trong làng. Nhưng ngài không được, là vì Mỗ-Thống-soái có viết giấy nhờ quan Phủ giúp việc ấy cho một người họ đằng vợ ông Liếp-ba Trung-tá. Trạng-sư thấy vậy lại càng nghi là mưu của Trung-tá bầy ra để chuật mình ngôi-vị Lý-trưởng lắm.

Sầy tới năm 1814, Hoàng-đế bị thoái-ngôi, người có họ ngoại với Trung-tá bị kẻ khác cáo-tố cùng chánh-phủ là thuộc phái Nã-phá-luân. Vì vậy, hắn bị mất chức, mà Bi-ly-sĩ Luật-sư thì ra thay làm Lý-trưởng.

Luật-sư từ ra nhận chức trong làng cũng bị mất trăm ngày ẩn-nấp. Sau một trăm ngày ấy, Luật-sư mới được thi-hành quyền-lợi một ông Lý-trưởng.

Từ đó mà đi, danh-tiếng của Luật-sư lại càng lừng lẫy lắm. Trung-tá từ khi bị thải hồi về ở làng Bi-trăn-noa, thường cứ phải đối-phó kiện tụng với ông Lý luôn luôn. Nào khi thì ngài bị đòi lên Huyện về việc ngựa của ngài lồng gẫy mất mấy cái rào gỗ của Luật-sư; nào khi thì Luật-sư bầy chuyện rằng sửa sang chữa chạy lại cái hè nhà thờ, rồi lấy một đôi viên gạch lát ở mộ tổ-tiên nhà Liếp-ba để dùng vào việc công-dân...

Thế mà khi đề vào phá vườn của Trung-tá, Trung-tá có thưa kiện thì ông Lý lại bình vực các nhà chủ đề.

Vốn ở trong làng có hai người do tay Liếp-ba chạy cho có công việc, một người làm cai-tuần, một người

làm đội-trạm thì cùng bị Luật-sư tìm cách truất đi, rồi lấy người tôi tớ nhà mình cho ra thay chân cả.

Đến khi Trung-tá phu-nhân làm bệnh, có xin với chồng rằng hễ khi mệnh-một thì đem di-hài táng ở trong cụm rừng nhỏ, vì cụm rừng ấy là chỗ phu-nhân thường đi lại chơi bời trong khi còn sống. Nhưng Lý-trưởng nhất định bắt phải chôn phu-nhân ở trong nghĩa-địa làng, nói rằng vì không có luật-lệ nào cho một người dân được quyền táng ở nơi hẻo-lánh một mình cả.

Trung-tá giận uất người lên, nói rằng trong khi đợi phép của quan trên, ngài hãy cứ để di-hài phu-nhân ở trong rừng ấy đã. Ngài nói vậy rồi cứ việc cho người đào sẵn ngôi mộ trong rừng.

Còn Luật-sư cũng nhất định sai tuần-cảnh đào sẵn hố trong nghĩa-địa và dặn họ rằng giữ sao cho luật của quốc-gia thành-hiệu mới được.

Đến ngày cất đám, hai nhà gặp gỡ nhau, ai ai cũng lo rằng chuyến ấy thế nào hai đàng cũng đánh nhau để cướp lấy di-hài Liếp-ba phu-nhân chớ chẳng chơi.

Bên nhà người chết thì có chừng bốn mươi người nhà quê súng ống chỉnh tề, tiến đến nhà thờ, bắt ông cố phải đi theo ra phía rừng nhỏ; còn bên nhà thầy Lý cũng cùng với hai con lớn và các mối hàng, tôi-tớ xông ra cản lại.

Khi Trạng-sư đi kịp, cho lệnh tuần-cảnh ra bắn, quan-tài phải quay đầu lại thì bị họ nhà Trung-tá reo ồ lên chế nhạo. Bên Trung-tá đông người hơn, vả chăng người nào cũng cứng cỏi hơn, thành ra có phần đắc-thắng. Họ thấy Luật-sư đến, họ nạp súng cả một lượt. Trong đám đông ấy, lại có một tên chăn cừu nhầm Luật-sư toan bắn; Trung-tá vội vàng gạt súng đi, truyền rằng: «Hễ không có lệnh ta, không ai được bắn hết.»

Luật-sư sợ họ đua nhau bắn liều như chàng Panurge sợ đàn cừu tranh nhau xuống biển; vả chăng ngài biết thế mình kém cũng không muốn sinh sự làm gì, bèn cùng đồng-đẳng trở về nhà không.

Linh-cữu Liếp-ba phu-nhân lại tìm đường dài nhất mà đi, để riễu, qua cửa dinh ông Lý chọc chơi. Khi đám đang đi, có một thằng ngốc nào ở đâu không biết, kêu lên một tiếng: « Hoàng-thượng vạn-tuế ! » Tức thì họ nhà Trung-tá nhao-nhao cả lên, chỉ muốn làm dữ. Nhân lúc ấy, một con bò nhà Luật-sư lại tình-cờ lạc ra chắn ngang đường dám ma đi. Họ nhà Trung-tá đã toan bắn chết; may sao Trung-tá cản lại được.

Chẳng phải nói chắc ai cũng biết rằng thế nào Luật-sư cũng làm một tờ trình dệ lên quan Phủ; mà trong tờ trình ấy ắt ngài đã dùng lời văn thống-tiết để thả những nỗi trái luật và phạm tội của Trung-tá ra: nào là những luật-lệ thiêng-liêng cho cả nhân-loại cũng bị Trung-tá séo xuống chân, dẫy xuống đất; nào là những quyền-pháp của ngài (Lý-trưởng) cùng của ông cố trong làng cũng bị Trung-tá bỉ báng khinh nhờn một cách thảm thương thậm tệ; nào là Trung-tá lại đứng đầu một phái Nã-phá-luân để mưu sự phục-vị cho Hoàng-đế cũ và xui-xiểm dân con nổi loạn kháng-cự với luật-pháp...; những việc ấy, ở trong quốc-luật có hành tội theo như khoản thứ 86 và 91 cả.

Cái tờ tư ấy nói quá đáng quá lại thành ra ít công-hiệu. Trung-tá tự tay viết thơ ra khai rõ đầu đuôi cùng

quan Phủ và quan Thẩm-phán. Vả chăng ngài lại có người họ ngoại kết-liên với ông Nghị cù-lao Cọoc và một người họ nữa là cháu ngoại quan thượng Thẩm-phán Triều-đình. Trung-úy mạnh cánh như thế, đẳng người cũ đều tẩu thoát được cả, mà hài-cốt Liếp-ba phu-nhân cũng vẫn yên giấc ở trong rừng nhỏ; duy có một mình tên ngốc kia, bị nã ra và bị mười lăm ngày khổ-sai thôi.

Bi-ly-sĩ Luật-sư thấy việc mình không đắc-lợi, bèn xoay cách khác. Vốn Trung-tá có một cái cối xay máy ở trên dòng sông Mỗ. Luật-sư muốn chiếm quyền-lợi giữ cái dòng nước ấy để cho Trung-tá mất chỗ cối máy chạy, liền làm đơn kiện Trung-tá. Trong đơn Luật-sư nói rằng dòng sông kia chính thuộc quyền-lợi về một ông tổ Luật-sư tên là Mỗ, chớ không phải của Trung-tá. Vì vậy, hai bên thành kiện cáo nhau lôi-thôi mãi mấy tháng trời không xong.

Được độ một năm, tòa thấy kiện của Trung-tá phải hơn, đã toan sử cho Trung-tá được; song lại thấy Luật-sư đưa lên tòa một phong thư của một tên đại-bợm gửi cho ngài. Trong thư đó, tên đại-bợm kia danh gọi *A-gô-ti*, đe ngài rằng hễ không im chuyện mà còn lôi-thôi với Trung-tá nữa, hắn sẽ giết ngài, đốt nhà ngài, chớ không tha.

Ở xứ Cọoc, sự nhờ vả quân bợm-cướp là một sự rất công-hiệu: quân bợm-cướp chúng đã có bè bạn ân-nghĩa thì chúng thường hay giúp đỡ, nghĩa là bạn có việc gì rắc-rối với ai chúng cũng rầy mình vào.

Luật-sư đã định vin lẽ ấy để mưu cơ hại Trung-tá, thì lại xảy ra một sự lạ nữa khiến cho chuyện lại càng lôi-thôi hơn trước nhiều. Số là quan Thẩm-phán bắt được của tên A-gô-ti một lá thư, trong lá thư hắn nói rằng hắn không từng bao giờ viết giấy đe Luật-sư hết cả, mà cái kẻ nào đã mạo tên hắn, đã bôi nhọ tên hắn nghĩa là đã lợi dụng cái can-đảm của hắn kia, thì hễ hắn dò ra được, hắn sẽ tự tay trừng-trị cho đáng tội, cho nên thân.

Xem thế, A-gô-ti đại-bợm quả không viết thư dọa ông Lý-trưởng ông Lý-trưởng thì nghi cho bên Trung-tá viết, mà bên Trung-tá thì lại nghi cho nhà Lý-trưởng tự viết.

Bên nọ đe bên kia, bên kia đe bên nọ, mà hình-luật đứng giữa cứ chịu chết không biết phân-xử bên nào phải chăng cả...

Thế mà cách đó ít lâu, thì Trung-tá bị ám-sát. Việc ám-sát đó khi tòa án đã tra khảo ra, thì đầu đuôi xảy ra như sau này:

Vào ngày mồng 2, tháng 8, năm 18.., có một người đàn bà tên gọi Biên-tri, đang lúc sâm-sẩm tối, mang khoai đậu đến làng Bi-trần-noa. Khi mụ gần đến làng thì nghe thấy hai tiếng súng bắn ra chỉ cách mụ độ năm mươi bước, mụ đoán chừng là súng bắn ở con đường hẻm đi từ ruộng nho vào làng thì phải. Độ một phút nữa, mụ ta lại thấy một người cúi rạp đầu xuống chạy vào con đường nhỏ ở trong dẫy nho để thoát về làng. Người ấy chạy một lát rồi đứng quay lại nhìn, song trời thì tối, quãng đường thì xa, mụ trông mãi không biết là ai cả. Vả chăng, ở miệng người ấy lại có ngậm một cái lá nho to tướng, ta dấu mắt thánh tài trời cũng khôn nom thấy mặt! Người đó ra hiệu cho bạn đứng ở một chỗ kín rồi đi biến vào trong vườn nho mất. Mụ cũng không trông thấy người đồng-đẳng gia đứng nấp ở đâu hết.

Sau mụ Biên-tri quẳng sải dậu xuống, quay đầu chạy đến chỗ súng nổ khi nãy thì thấy thầy quan Trung-tá Liếp-ba bị hai phát súng trúng vào giữa người đang nằm lăn lộn ở trong vũng máu mà hãy còn thở.! Bên mình Trung-tá thì mụ có nhìn thấy một khẩu súng nạp đạn. Hình như Trung-tá khi cầm súng ấy kháng-cự với một người nào tiến đến đánh trước mặt, thì bị một kẻ khác nấp đằng sau lưng bắn trộm ra một phát thì phải. Ngài thoi-thóp vật-vã mãi với cái chết, song không thể nào nói ra được một tiếng. Sự cấm-khẩu đó, các quan thầy thuốc bảo là do ở đạn siên qua trúng phổi. Máu chảy ra khiến cho Trung-tá ngạt hơi, mà máu ấy chảy chậm chạp hình như một thứ bọt đỏ sùi ra vậy.

Mụ Biên-tri đã gắng sức nâng Trung-tá dạy và hỏi Trung-tá mấy lời, song Trung-tá cố bập-bẹ cũng không ra nửa tiếng. Mụ xem thế, biết rằng ngài muốn nói mà không nói được ; lại thấy ngài có ý muốn thò tay vào túi lấy một vật gì, mụ bèn móc giúp ngài quyển sổ con. Ngài liền rút cái bút chì cặp ở đó, cố nguệch-ngoạc được mấy chữ. Mụ thấy ngài viết thế, nhưng không biết đọc, thành ra cũng không hiểu nghĩa Trung-tá muốn viết chi cả.

Trung-tá viết xong, xem chừng đã kiệt-lực, ấn quyển sổ nốt vào trong tay mụ Biên-tri, rồi cầm chặt lấy tay mụ mà nhìn một cách đáng thương ; trong cách nhìn đó, mụ đoán như Trung-tá bảo mụ rằng : « Mấy chữ này là chứng cớ hiển-nhiên đó, là tên đứa giết ta đó. » thì phải.

Mụ Biên-tri cầm sổ bước xuống làng thì gặp ông Lý-trưởng Bi-ly-sĩ cùng con tên là *Vĩnh-san-lô* đi. Lúc ấy, trời đã gần tối mịt. Mụ bèn kể chuyện lại cho cha con Bi-ly-sĩ nghe. Quan Lý-trưởng vội-vàng cầm sổ con chạy về tòa-lý, đeo băng tam-tài và cho đòi thư-ký cùng sen-đầm tới.

Còn Vĩnh-san-lô đứng lại cùng mụ Biên-tri. Mụ muốn cùng Vĩnh-san-lô quay lại chỗ Trung-tá bị giết để xem ngài còn sống thì thử cứu giúp may có được phần nào chăng nhưng chàng nói rằng nếu chàng lại gần một người thâm-thù với nhà chàng như thế, chẳng khỏi nào thiên-hạ không nghi cho chàng đã giết người ấy được.

Cách ít lâu nữa, thầy lý đến chỗ Trung-tá bị bắn, cho người mang sác đi và làm tờ trình lên quan.

Trong những việc khó-khăn như thế, Bi-ly-sĩ luật-sư rất hay có tính bối-rối, song mà ngài cũng còn cẩn-thận lấy xi gắn kín quyển sổ con của mụ Biên-tri đưa cho ngài lại. Một mặt, ngài cũng cho người đi tróc-nã kẻ tội-nhân, song tìm đâu cho thấy . . . !

Khi quan Án bồi-thẩm đến tòa lý mở sổ con ra xem thì thấy có một trang lèm bèm những máu me ; trên trang ấy có mấy chữ nguệch-ngoạc run-rẩy như do tay một người gần chết viết, nhưng cũng còn rõ ràng có thể đọc tự nhiên được. Mấy chữ ấy là *A-gô*...Quan án yên-trí là Trung-tá muốn viết tên thằng cướp *A-gô-tí* giết ngài.

Nhưng mà, nàng Cô-long-ba có giấy của quan Án đòi đến, cố chí xin cho được xem lại quyển sổ và nét bút của cha mình viết. Nàng dở đi dở lại mấy trang dây máu ấy một lát lâu, rồi chỏ tay vào mặt Bi-ly-sĩ

mà nói lớn rằng : « Đây mới thực là kẻ giết cha tôi này ! »

Nàng kêu vậy rồi nói to cả trước mặt mọi người rằng mới có một vài hôm nay, cha nàng bắt được thư của em trai nàng gửi về nói rằng phải đổi trại, cha nàng bèn ghi chỗ ở mới ấy vào trong sổ con.Chắc cha nàng viết tên đứa sát-nhân cùng vào tờ giấy ấy. Thế mà nay tờ giấy ấy mất, hẳn quan Lý đã sé đi cho mất tăm-tích, rồi viết mạo tên *A-gô-ti* vào trang giấy khác để tìm đường lánh qua luật-pháp đó ! Nàng nói mấy câu đó rất khẳng-khái hùng-hồn khiến cho thính-giả ai cũng kính-phục, ấy cũng vì tấm lòng thương cha nó giun-giủi nàng nên có tài biện-thuyết như thế.

Quan Án xét lại quyển sổ thì quả có thấy mất một trang giấy thật, song ngài lại thấy nhiều chỗ bị sé chớ không cứ một chỗ ấy mà thôi. Trong lúc ngài còn phân-vân thì có mấy người tiến lên cam kết rằng khi Trung-tá còn sống,Trung-tá hay sé sổ để châm thuốc lá; vậy thế nào chẳng có khi bất ngờ Trung-tá sé phải trang giấy để tên con trai và chỗ ở mới của con được ! Họ lại đoan rằng khi quan Lý cầm lấy quyển sổ thì trời đã tối mịt, chắc đi giọc đường ngài không thể xem biết được chữ gì. Vả chăng đến khi về tới cửa tòa lý thì đã gặp tên xen-đầm Mỗ. Tên ấy đi theo quan Lý vào trong tòa, thì thấy ngài thắp đèn cẩn thận rồi bỏ sổ vào trong phong bì gắn xi lại rất kỹ-càng chớ không hề giở ra xem chi hết.

Khi xen-đầm Mỗ khai xong, Cô-long-ba giận tái mặt, quị gối xuống trước mặt tên xen-đầm đó, rồi lấy những sự thiêng liêng nhất ở đời ra xin với hắn thú-thật cùng quan trên nghe xem có lúc nào hắn rời xa luật-sư chăng ?

Tên sen-đầm thấy thiếu-nữ trong cách động-tâm thảm-thương ấy thì khôn nỗi đành lòng ; hắn ngập ngừng một lát, rồi khai rằng trong lúc vào bàn giấy hắn có để một mình quan Lý ngồi, đi sang phòng bên cạnh lấy một tờ giấy. Song, hắn lấy chưa đầy một phút, mà trong lúc hắn sờ soạng tờ giấy kia thì quan Lý vẫn trò-chuyện như thường với hắn, chớ không có ý cử-động chi khác cả. Vả chăng, hắn lại nói rằng khi hắn lấy xong giấy, hắn vẫn thấy sổ kia ở chỗ cũ mà quan lý vẫn ngồi yên chỗ khác.

Bi-ly-sĩ luật-sư cũng đứng dậy bầy tỏ mọi lẽ một cách rất điềm đạm. Trước hết, ngài bẻ cái lý của Cô-long-ba thiếu-nữ, sau ngài lại có ý tìm cách trừng-trị thiếu-nữ nữa. Ngài nói với cử-tọa rằng cả một buổi chiều ! ôm Trung-tá bị giết, ngài không hề lúc nào đi ra khỏi làng, mà con trai Vĩnh-san-lô của ngài lúc thấy tiếng súng nổ cũng còn đứng ở trước cửa tòa lý. Còn như *Lan-đức-xô* là con trai thứ của ngài thì hôm ấy bị ốm liệt ở giường, không tài nào đứng lên đi lấy được nửa bước. Sau ngài lại đem hết súng của ngài ra đưa mọi người xem, cho biết rằng không có khẩu nào mới dùng để bắn hết. Ngài lại nói thêm rằng khi ngài nhận được quyển sổ của mụ Biên-tri, ngài biết là sổ quan-trọng, ngài vội gắn si lại trao ngay cho thầy phó-lý giữ, vì nếu ngài giữ thì e có người nghi ngài là man-trá, ngài xưa nay vẫn có thù riêng với nhà Trung-tá kia mà ! Đến đoạn sau cùng, ngài lại nhắc lại cùng quan Án rằng khi trước, tên A-gô-ti có gửi thơ lên quan trên đe rằng hễ dò ra tên kẻ viết thư mạo danh hắn thì hắn sẽ giết cho đáng tội, vậy chắc rằng tên cướp đó nghi quan Trung-tá việc ấy, nên mới giết đi như thế.

Vả chăng, trong những cách ăn ở của tụi bợm cướp xứ Coọc, sự thù-hằn vì một lẽ riêng như thế không phải là sự hiếm có vậy.

Năm hôm sau, A-gô-ty bị một toán binh đuổi đánh, chống-cự lại không nổi phải liều chết trong đám loạn quân. Người ta khám trong người hắn thì thấy có một phong thơ của Cô-long-ba gửi cho, ý bảo hắn rằng hắn có giết cha nàng hay không thì xin phục thư cho nàng biết rõ hư thực. Thế mà không thấy hắn trả lời Cô-long-ba. Ai chẳng tưởng rằng địch hắn đã giết Trung-tá, nên hắn mới không đủ can-đảm thú thực cùng Cô-long-ba rằng chính hắn giết cha nàng. Tuy nhiên, có lắm kẻ biết rõ tinh tên cướp A-gô-ty lại nói nhỏ cùng nhau rằng nếu hắn giết được Trung-tá thì hắn đã viết giấy đi khoe khắp tỉnh.

Lại có một tên cướp khác gửi cho Cô-long-ba một phong thư, trong phong thư ấy, hắn *lấy danh-dự* ra mà quyết rằng bạn A-gô-ty của hắn bị nghi giết Trung-tá oan ; những chứng cớ thì hắn lại chỉ nói rằng vì xưa nay A-gô-ty không hề ngỏ ý nghi cho quan Trung-tá mạo-danh hắn bao giờ cả.

Nhưng nói rút lại, nhà quan luật-sư Bi-ly-sĩ không có việc chi phải lo-sợ hết ; quan án đã không nghi ngài thì chớ, lại còn khen ngài là người tốt. Vì thế, ngài vin lẽ ấy thưa với quan trên rằng cái dòng nước mà trước kia ngài đã kiện cáo cùng quan Trung-tá thì quả là ông cha ngài để lại cho không phải của dòng-dõi nhà Trung-tá.

Còn như Cô-long-ba thì dành theo tục nước, khi đã khâm-liệm tử-thi của thân-phụ xong đâu vào đấy, đứng ở trước linh-cữu, khóc một bài tử-ca ở trước mặt mọi người thân thích, nghe rất não nùng thảm thiết. Trong ý bài ca ấy, nàng đổ cho nhà Bi-ly-sĩ giết cha nàng, và nàng lại đọa rằng thế nào em nàng cũng phục-thù được nàng mới nghe. Bài ca ấy thông dụng đến nỗi chưa được bao lâu, khắp trong làng Bi-trần-noa ai cũng biết đến. Ấy chính bài ca ấy mà tên thủy-thủ đã hát ở dưới đò cho Ni-viên thiếu-nữ nghe đó.

Khi Liếp-ba trung-úy được tin cha mất thì còn phải ở phía Bắc nước Pháp, thành ra đã xin phép về làng mà cũng không được. Trước hết, chàng xem thư của chị chàng chàng cũng tưởng Bi-ly-sĩ là thủ-phạm thật. Sau chàng nhận được nhiều những bản chép các giấy mà về việc tra khảo việc chết của cha chàng ấy thì chàng lại bớt nghi mất quá nửa. Đến sau chàng nhận được thư riêng của quan án dự thẩm nói quyết với chàng rằng thằng thủ - phạm kia tất chỉ là A-gô-ty thôi, chớ không còn ai vào đấy nữa, thì chàng lại hết nghi nhà Bi-ly-sĩ luật-sư nốt.

Cứ mỗi ba tháng, chàng lại bắt được thư của Cô-long-ba nhắc đi nói lại những sự nàng ngờ vực cho nhà Luật-sư, song những sự nghi đó nàng gọi là chứng cớ hiển nhiên, hết cả. Dẫu ý chàng chẳng muốn nhưng những lời thống thiết của chị chàng cũng làm cho máu chàng là máu Coọc phải sôi lên sùng sục ở trong huyết-quản, và đã từng phen chàng cũng không thể không chia ngờ sẻ vực cùng chị được!

Tuy vậy mặc lòng khi nào chàng gửi thư về nhà, chàng cũng lại nói rằng những sự đó không lấy gì làm bằng chắc cả, vậy cũng chưa đích cho mình nên xử quyết lấy. Cũng có lúc chàng cấm nàng không được trả thù oán người ta như thế nữa, song chàng nói bao nhiêu thời nói, chớ như lòng Cô-long-ba thiếu-nữ đã quyết định cả rồi, dẫu không phải là người dưới trần cũng không hề lay nổi.

Cách đó chừng được hai năm nữa chàng bị chính-phủ quốc-dân thải hồi chàng mới tính đường trở lại tổ quốc. Chàng về nơi quê hương không phải là chú-ý để giết thù những người mà chàng tưởng là vô tội, song chàng về có một ý-định riêng, ý định ấy là gả chồng cho chị và thử tính xem bán hết gia-tài điền-sản của ông cha để lại đi có đủ phong-túc ra ở nơi bình địa độ-thanh chăng?

VII

Chẳng hay vì lẽ chàng Liếp-ba gặp mặt chị mà thêm lòng tưởng nhớ nơi quê cha đất tổ, hay là vì thấy chị ăn-vận và cử-động một cách quê-mùa mọi-rợ ở trước mặt những con người văn-minh mà chàng thêm thẹn, chàng vội tính sự trở về Bi-trần-noa ngay hôm sau như thế. Tuy nhiên, chàng cũng xin với Trung-tá hứa cho chàng rằng hễ khi nào ngài tới *Bát-liền* thì thế nào cũng quá bộ đến Bi-trần-noa, vào nằm trong lều tranh túp cỏ với chàng một phen, rồi chàng sẽ đưa ngài đi săn mọi nơi lắm hươu, nhiều lợn.

Trước ngày xuất-hành, chàng không muốn đi săn nữa, chàng xin cùng mọi người đi chơi một cuộc tiêu-khiển ở trên bến tầu. Chàng khoác cánh tay Ni-viên nữ-sĩ đi dong bước một. Chàng với nàng chuyến ấy tha-hồ mà trò-chuyện tự-nhiên, là vì Cô-long-ba chị chàng ở lại trong tỉnh mua một vài thứ đồ dùng vặt vãnh, và Trung-tá cha nàng thì đi lẽo-đẽo đàng xa, thỉnh-thoảng lại phát ra một vài tiếng súng. Người hành-khách thấy ngài phí đạn bắn một dọi con chim bé như thế thì ai cũng khôn dấu nỗi ngạc-nhiên.

Chàng với nàng đi nơi con đường nhỏ tới nhà thờ *Hi-lạp*. Đứng trên nhà thờ ấy mà nhìn xuống thì thu-thập được hết cả bao những cái thú đẹp ở vịnh A-giác-xi-ô, thế mà chàng với nàng vì một nỗi bí-mật gì không rõ, không để ý đến một chút nào hết, không nhìn thấy một ly nào cả...

(*Còn nữa*)

益 **HIỆP-ÍCH** 協

(Công-ty trách-nhiệm tập-cổ vốn định **20.000p.00**, mỗi cổ-phần **25p.00**)

Làm các thứ đồ sơn Nhật-bản và sơn ta, các thứ ghế mây, đồ mây, tượng nặn và tranh vẽ,

Ngài nào vào cổ-phần xin gửi thư cho :

Chủ-nhiệm : **NGUYỄN-TIẾN-ÂN**, Số 14, phố hàng Bông Hanoi

Téléphone 356

CÂU CHUYỆN ĐÊM XUÂN

Mưa đã tạnh, trời đã quang, trận gió ngoài bể từ từ thổi vào như đưa cái không-khí ấm-áp lại mà đẩy cái khí lạnh ra ngoài chỗ khác. Một mình ngồi trong cửa gác, trông cảnh chiều hôm, bấy giờ là một buổi chiều hôm thứ bẩy, mà hôm ấy là ngày mồng bẩy tháng giêng năm Nhâm-tuất đó. Hàng xóm chung quanh vẫn còn phong-vị ngày tết, cây nêu nhiều nhà đã hạ, mà tiếng pháo thỉnh-thoảng hãy còn lẹt-đẹt bên tai, trẻ con kết bọn đánh đáo bên vệ đường, người lớn họp nhau đánh bài trong cửa sổ; riêng khách làng thơ một mình thơ-thẩn, muốn làm thơ mà thơ nghĩ không ra. Đoái trông non xanh nước biếc, hoa đẹp cây tươi, bèn súc cảnh mà ngâm lại mấy bài thơ tự làm năm trước:

Cây đã tươi, hoa đã nở dần,
Cảnh mừng quen mặt chú Đông-quân,
Non xanh một giải xanh xanh ngắt,
Ủ" cũng ra mầu nhuộm vẻ xuân.

Cảnh xuân tươi tốt trăm phần,
Gió xuân đưa lại bụi trần sạch không.
Vui xuân ai cũng một lòng,
Biết xuân đã dễ ai cùng với ai!

Ngâm vừa tới đó thời sực thấy tên người nhà bước lên nói:

— Thưa cậu có khách.

Tôi vội bước xuống thang thời đã thấy một ông cụ bước vào trong cửa, nhận mặt thời tuyệt-nhiên chưa từng quen biết bao giờ, song trông cái nghi-dung có vẻ khác thường, vậy biết không phải là tục-khách. Tôi bèn thi-lễ trước; cụ cũng đáp-lễ lại, rồi nói:

— Tôi chưa từng được quen biết ông, song ra chơi đây, nghe biết có ông, vậy vào chơi ông.

Tôi liền mời cụ lên gác, rồi theo sau lên. — Bấy giờ trời đã tối, người nhà đánh diêm châm đèn. Đèn đã tỏ rạng ánh sáng chiếu rõ dung-nhan một vị lão-thành, trông thật là trang-nghiêm mà lại có phần trọng-hậu, khiến cho tôi quên hẳn cái lòng hồ-nghi mà sinh lòng kính-trọng vô cùng. Pha nước mời cụ sơi rồi, cụ ân-cần hỏi hết việc thân-gia đến phần chức vụ. Mỗi câu tôi đáp thời cụ lại có một vài lời bình-phẩm, dọng cụ nói rất hùng-hồn và lưu-hoạt, còn phán-đoán thời lại càng nhiều câu nghe ra đạt-lý lắm.

Tôi nhân hỏi:

— Thưa, cụ ra chơi thăm ai ở ngoài này?

— Không, tôi không quen ai ở đây, tôi vốn là người tính thích du-lịch, nhân ra thăm vịnh Hạ-long rồi tiện lối lên chơi Hongay đó mà thôi.

— Bẩm, thế cụ đi chơi có một mình a?

— Vàng, ông nên biết rằng: bạn đồng-chí không có thời đi một mình mới vui, đường giao-thiệp khéo lựa thời đi một mình cũng không ngại.

Cụ nói dứt câu đó liền hỏi luôn:

— Ông có hay đọc sách và có nhiều sách hay không?

— Bẩm, tôi ngoài giờ làm việc thường cũng có xem sách luôn, nhưng các sách hay thời chưa có được mấy.

Tủ sách bầy ngay bên án, cụ đứng dậy mở xem qua một lát, rồi trông lên trên tường c ỏ vào những bức chanh ảnh, trông lên mặt tủ chỏ vào những đồ bài-trí mà nói:

— Những cái khung ảnh cùng những đồ bài-trí kia, giá bớt đi thời có lẽ mua thêm được nhiều sách nữa. Xã-hội ta ngày nay thật có nhiều người, thức gì đẹp cũng muốn mua dùng, duy những sách hay là không mua đến; ấy, dễ thường ông cũng thế hẳn.

Cụ nói một cách trực-tiệt nghe rõ ra n' ư một người lấy tình thân mà dạy mình vậy.

Tôi chưa kịp đáp thời sực thấy một người bước lên thang nói:

— Thưa ông, bên ông ký A tôi mời ông sang đánh bất.

— Thôi anh về nói với ông, hôm nay tôi có khách, xin để hôm khác nhá!

Tôi nói xong câu đó thời thấy cụ cười nhạt không nói gì cả.

Cách độ 3 phút lại thấy có người gõ cửa; cửa mở, ông Thông B bước lên gác, tôi bắt tay rồi mời ngồi. Ông B liền nói:

— Bác này, thú lạ! hôm nay có mấy c i em ở xóm Cảnh-gà Hải-phòng mới ra, tôi đã rước cả xuống thuyền rồi, bác đi cùng tôi, ta thưởng xuân một chầu c ơi đi!

Tôi chưa dám đáp, vội nhìn vào cụ, thời t ấy cụ lại cười một cách nghiêm-ngặt hơn trước; mà ông B thời cứ nhắc đi nhắc lại, làm cho tôi bất-đắc-dĩ phải khẽ nói với ông rằng:

— Trời, cám ơn bác, tôi thật không thể đi được.

Bấy giờ ông B mới hỏi tôi:

—Cụ ở trong quê mới ra chơi đó a?

Cụ không đợi tôi đáp mà tự nói:

— Không, tôi chưa được tiếp ông chủ-nhân đây lần nào, nay nhân đi qua, ngẫu-nhiên vào chơi nói chuyện đó thôi.

Ông thông B liền nói luôn:

— Vậy dám xin mời cụ cùng đi chơi với anh em chúng tôi một thể.

Cụ cười mà đáp:

— Tôi ngẫu-nhiên đến đây mà được tiếp các ông, nếu ông có lòng yêu, ta ở đây nói chuyện một đêm, há chẳng vui hơn là đi chơi đâu ư?

— Chúng c áu thật sẵn lòng hầu tiếp chuyện cụ, song hôm nay nhân buổi thư-nhàn lại sẵn có cái hào-hứng, vậy xin rước cụ cùng đi chơi vui một lát để thưởng cái thú cầm-ca đêm xuân ở trong con thuyền trong vịnh Hạ-long này.

Nghe xong câu ấy, cụ biến sắc không đáp, ông B lại cố mời thêm nữa. Cụ bèn nói:

— Xin các ông thứ lỗi, các ông lấy thế làm vui, tôi nghĩ thế mà buồn; các ông cho thế là hào-hứng, tôi tưởng thế là cuồng-vọng. Nay mua cười trong một đêm, vui có được là mấy, mà tiền mất tật mang, các ông nghĩ sao?

Ông thông B xưa nay vốn tự-nhận là người hùng-biện, nghe cụ thuyết-lý như vậy, có ý muốn cãi. Tôi cũng mong cho ông B cãi lại để thêm được nghe lời cụ dạy. Quả nhiên thấy B châm lửa hút thuốc lá xong thời nhìn vào cụ mà nói:

— Thưa cụ, cháu t iết tưởng: quanh năm lo nghĩ cũng phải có lúc vui chơi mà ngoài sự ăn tiêu cũng phải có cái phí về khoái-lạc; chơi nhiều th ời hại, chơi ít tưởng cũng không hại chi. Nếu ai cũng không chơi, thời trong nước làm chi có tửu-quán, ca-lâu, mà đời người lấy chi làm thú? Vậy xin cụ biết cho.

— Phải, đã hay rằng thế, song chơi mà không ham mê thời đời nay hỗ dễ mấy kẻ, chơi mà thành say đắm thời đời nay thật có nhiều người! Ấy cũng bởi lúc mới cứ cho là một sự tiêu-khiển, ai ngờ nhân tiêu-khiển mà say mê, mê rồi không chừa được vậy. Này các ông ơi! các ông đã biết rằng: cồ-nhân không phải là không đánh bài, không gỗ chống, song các ông lại nên biết: cồ-nhân có khi đánh bài là cốt vui về nước thấp nước cao, chứ được thua không có là mấy; có khi gỗ chống là cốt vui về tiếng chầu dọng hát, chứ vật-chất không đủ làm mê! Nay những bọn ác-thiếu ta dắt nhau vào đám bài bạc chỉ cốt là mong sát-phạt lẫn nhau, rủ nhau vào đám hát xướng chỉ cốt trọng về đường vật-dục. Vậy thời những cách chơi đó há gọi là thanh-hứng như cồ-nhân được sao? Đã không phải là thanh-hứng thời chơi tất là có hại.

— Dạ, thưa cụ, chúng cháu tuy là bọn trẻ tuổi, song chơi gì cũng không dám ham mê quá bao giờ, nhân nay đêm xuân thong-thả, muốn cùng nhau vui chơi một lát mà thôi, như vậy tưởng có hại là mấy!

— Thế thời ông lại không nghĩ kỹ; ông chơi tôi chắc không phải mới đêm nay là một, cũng không phải một đêm nay mà thôi. Đêm nay ông chơi vui, ngày mai quyết không tài nào là ông không nghĩ tới, đã nghĩ tới nữa thời cái chơi tất là miên-man không dứt! Ấy, cứ bảo một đêm tiêu-khiển, song cái hại tất lại bắt đầu ở một đêm tiêu-khiển này. Vả, cái đám bình-khang cầm-ca, ai đã không mắc thời thôi, chứ đã bước chân vào thời không thể nói vui chơi một lần mà được; lần này rồi lại lần khác, mỗi lần một thêm phi, ông há lại không biết hay sao?

Cụ nói đoạn thời tôi nhìn vào ông B, thấy ông B gật đầu mà không đáp lại câu nào nữa.

Cụ lại trông vào tôi mà nói:

— Nghe như lúc nãy vừa có ai mời ông đánh bất, xưa nay nếu ông không chơi tất họ không mời! ông chơi làm chi cái lối bài bạc sát-phạt như thế! Đêm xuân vắng vẻ, các ông có muốn tìm cách tiêu khiển thời ta họp nhau nói chuyện, cùng nhau đọc sách, tự mình mà lấy làm vui thời vui, can chi lại cứ phải vui về những cuộc vô ích cho mình thêm nhọc! — Còn như cái thú chơi thuyền trong vịnh Hạ-long vẫn là thú cao-thượng thật, song những đêm gió mát trăng trong thời chơi mới hợp hời, chứ đêm nay thời gió lạnh sương xa, trăng mờ trời tối, các ông muốn theo bọn cầm ca mà cùng nhau lênh-đênh ở trên mặt nước, há chẳng là một cách chơi cuồng-vọng ru?

Bấy giờ đồng hồ đánh mười tiếng, ông Thông B đứng dậy chào cụ và tôi rồi đi. Cụ không nói câu gì nữa, ngồi giở sách xem một mình.

Cách một hồi lâu, ông B lại đến, có cảm phục những câu cụ nói, nên đã bãi hẳn cái cuộc vui riêng hôm ấy mà lại cùng tôi để hầu chuyện cụ vậy. Người nhà đã làm rượu xong, chúng tôi ngồi hầu rượu và tiếp chuyện cụ, bắt đầu từ 12 giờ cho 3 giờ đêm. Cụ nói toàn những chuyện về phong-cảnh trong vịnh Hà-long, quả nhiên cách nói ba-lan mà lắm chỗ lăng-tăng, làm cho cái cảnh thiên-nhiên lại thêm bội phần kỳ xảo! Chúng tôi hằng ngày được mục kích phong-cảnh Hạ-long, song chưa từng nhận được phân-minh và hiểu được cả những cái u-diệu như cụ; mà thật đến nay cũng lại tự tiếc rằng ngòi bút tầm thường không

thể thuật hết được lời cụ nói, chỉ tự mừng rằng: Cái cảnh đẹp vô-cùng của ông tạo hoá bầy ra nay đã gặp người biết đến, thời thật là người không phụ cảnh mà thôi!

Tiếng gà sao-sác gáy, trông lên đồng hồ đã gần 4 giờ sáng, chúng tôi mời cụ đi nghỉ, tôi cùng ông B đều ngọc cả, đặt mình xuống ngủ đi lúc nào không biết.

Khi tôi sực tỉnh dậy, nghe đồng hồ vừa đánh 6 tiếng, biết là ngủ mới được độ hơn 2 giờ mà thôi. Thế mà trông ra án sách vẫn thấy ngọn đèn khêu cao; cụ đang ngồi xem sách một mình ở đó.

Tôi bèn hỏi:

— Thưa cụ chưa đi nghỉ à?

— Đã, tôi vừa mới dậy lúc 5 giờ rưỡi.

Tôi tuy mệt còn muốn ngủ nữa, song thấy cụ không ngủ thời cũng gượng dậy ra hầu chuyện cụ; tôi dậy được độ 20 phút thời ông B cũng dậy. Chúng tôi rửa mặt xong, người nào người nấy ra dáng mỏi mệt lạ thường, vì thức khuya quá mà ngủ chưa được mấy. Ấy vậy mà nhìn vào cụ thời thấy cụ vẫn tinh-thần hoạt-bát, tuyệt-nhiên không mỏi chút nào cả.

Cụ biết là chúng tôi mệt, bèn nói:

— Các ông thức một đêm mà xem chừng mệt nhọc như thế này, thời đủ biết là cái chân nguyên-khí các ông rất kém, nguyên khí kém là lỗi ở các ông lúc tráng niên không biết trì-thủ, chơi-bời quá độ đó mà thôi. Này như tôi đây: năm nay đã gần 70 tuổi mà dẫu có đi xa hay suốt ngày lao-động cũng không thấy nhọc mình là mấy; thức khuya dẫu thức đến hai ba đêm người cũng tỉnh tao, mà lúc nào đặt mình xuống cũng ngủ yên giấc được. Ấy không phải là dám nói tự-phụ, thật là cái công hiệu của tôi lúc tuổi trẻ biết giữ gìn cho nên tới nay nguyên khí vẫn sung-túc mà tinh thần được thanh sảng như vậy. Cho hay câu cồ-nhân nói: « dưỡng-thân mạc nhược quả dục » không phải là sai!

Chúng tôi nghe cụ dạy câu đó lại càng lấy làm tâm phục lắm! Chưa ai kịp đáp, thời thấy cụ lại nói:

— Tầu hỏa có chuyến 10 giờ chạy về Hải-phòng, tôi xin từ biệt các ông ra chơi xem núi một lát rồi xuống tầu thời vừa.

Chúng tôi cố xin cụ lưu lại chơi một hôm nữa; cụ nói cụ đi chơi đã lâu, hôm nay tất phải trở về Hanoi, còn có chút việc. Tôi biết là không thể lưu cụ được, bèn mời cụ tạm thư lại sơi cơm rồi ra tầu.

Khi ngồi hầu cơm cụ, tôi bèn thưa:

— Cháu được cụ quang-cố ân-cần dạy bảo, thật là một cái hân-hạnh vô cùng; tiếc rằng: thời giờ thụ-giáo chưa được là mấy, vậy dám xin cụ cho biết nay cụ về Hanoi phố nào, để cháu sau này sẽ được có ngày thân đến thỉnh-giáo.

Cụ nín lặng một lúc rồi đáp:

— Ông thật có lòng ân-cần, tôi rất lấy làm cảm tạ, tôi cũng không muốn dấu ông: Tôi trước cũng đi tùng-chinh, vì có sự bực riêng mà từ chức về nhà đã hơn 20 năm nay. Nhà tôi ở gần hồ Tây, thẳng đến Trấn-Võ đi vào cũng không xa mấy, ông nếu có lòng vào chơi, cứ tới đó hỏi nhà ông... thì ai cũng biết.

Nói xong, cụ cầm cốc rượu uống, rồi lại thở dài mà nói:

— Ấy, nhắc đến chuyện thân-gia thời làm cho tôi lại bận lòng mất một chút.

Chúng tôi nghe lấy làm lạ, bèn cùng lựa ý hỏi cụ, cụ cũng không dấu mà kể rõ cho chúng tôi biết:

Cụ phải ngâm-thơ điệu-nội từ khi mới bắt đầu từ-chức tới nay. Bà cụ khi xưa người rất hiền-hậu, sau này cụ không biết chọn ai là người sánh kịp để giao quyền nội-tướng, cho nên đàn vẫn treo mà không tục-huyền. Cụ có một lệnh-lang và một lệnh-ái: lệnh-lang hiện làm tham-tá ở sở...mà lệnh-ái hiện làm cô giáo ở trường... Song ông Tham là người phóng-túng, tự-do, không theo gia-giáo cho nên cụ đã từ bỏ từ mười năm trước, nay cũng vẫn không nhìn nhận đến. Cách 4 năm nay lệnh-ái lại cũng không theo lời cụ mà ra làm cô giáo, thói đời tiêm - nhiễm, nữ-hạnh mất dần, cho nên cụ cũng từ nốt. Hiện nay cái nhà ở bên hồ Tây là nơi cụ ở có một mình và mấy tên đồng-bộc theo hầu mà thôi. Ấy thật không còn có một chút hệ - lụy chi cả! — Cụ lại kể:

Cụ bây giờ bằng-bối cũng không còn ai, chỉ còn có một cái thú du-lãm những nơi danh - lam thắng-cảnh. Quanh năm, hễ lúc nào muốn đi thời đi, bất cứ mùa nào, vì cụ coi mùa nào cũng như mùa xuân, mà ngày tết cũng như ngày thường vậy. Ruộng cụ ở các nơi hiện có được hơn 20 mẫu, cho người làm thuê, mỗi năm thu tiền để chi về những cái phí du-lịch.

Tới đó thời tôi và ông B đều giật mình nghĩa ra: ông Tham, cô giáo, năm xưa chúng tôi còn ở Hanoi có được nghe qua, mà tiếng cụ thời chúng tôi trước cũng từng được nghe biết. Ai nấy đều bồi-hồi trong dạ mà tự nghĩ: đạo-đức như cụ, sao lại có những ông con, bà con như thế! Song lại nghĩ: cảnh được như cụ ngày nay ở đời dễ mấy, quanh năm lấy thú du-lịch làm vui, cái hệ-lụy gia-đình tuyệt-nhiên không có. Há chẳng phải là một bậc thần-tiên hiện-thân ở trong cõi trần-hoàn ru?

Cụ đứng dậy nói:

— Đã quá 9 giờ rồi, tôi xin cùng các ông tự-biệt.

Tôi không thể nào lưu cụ được nữa, cũng phải đứng dậy để sắp sửa tiễn cụ. Nhân nói với cụ rằng:

— Cháu vốn biết cụ là một bậc lão-thành, uẩn-súc, lại thêm lịch-duyệt nhiều, thời tư-tưởng ngôn-luận tất đủ làm gương cho bọn hậu-tiến. Vậy dám mong rằng: cụ nhân lúc thư-hạ, nghĩ đến đường văn-học nước nhà mà trước-thuật nhiều sách để giúp đời, thì còn gì quý hơn.

Cụ cười mà bảo:

— Vâng, tôi vẫn biết sự làm sách là sự rất hay, song ông tính rằng: tôi dạy con không xong, thời còn dạy đời sao được! Vậy sự đó mong ở người khác. Nay trước khi tôi từ biệt các ông, chỉ xin hiến các ông một câu:

Tôi nay là kẻ lão - mại vô - dụng thời không kể chi, xã-hội ta sau này hay dở cốt mong ở các ông là bọn anh-niên đó! Các ông có tài lại cần phải có chí, có học-thức mới lại cần phải có đạo-lý cũ. Chứ cạy tài cả, thời hỏng cả mất! Con tôi hư, tôi đã buồn mà trông các bọn thiếu-niên ta ngày nay phần nhiều cũng lại đáng buồn: Kẻ hơi có tài thời đã cạy mình như trời, kẻ hơi có học thời đã khinh người như rác! Các ông từng ở chỗ đô-hội hẳn cũng đã từng mục-kích đó.

Nói đoạn, cụ bước xuống thang, chúng tôi cũng theo xuống, rồi tiễn cụ ra tận cổng.

Từ đó, trong mấy tháng xuân đêm nào thư-thả chúng tôi cũng cùng nhau đọc sách.

TRỊNH-ĐÌNH-RƯ
(Viết ở Hongay năm 1922)

THIẾU-NIÊN ANH-HÙNG

Ngày xưa có hai vợ chồng nhà kia chỉ có một đứa con trai, ở một nơi thung lũng rất xa-lánh. Người mẹ ngày ngày vào rừng nhặt củi khô.

Một hôm người mẹ đem cả đứa con là thằng Dăng đi nữa. Bấy giờ đương mùa xuân, đứa bé chạy chơi hái những bông hoa sặc-sỡ, người mẹ đi thì vào trong rừng sâu hơn mọi ngày.

Chợt có hai đứa cướp ở sau đám cây chạy sồ ra: chúng bắt cả hai mẹ con mà điệu đến một nơi xa thẳm ở trong rừng chưa ai từng vào đến bao giờ cả. Người mẹ chốc chốc lại xin chúng tha cho mình và con mình, nhưng lòng quân gian-đồ như đá không chuyển; kêu van mãi, chúng cũng chẳng nghe, rồi chúng bắt hai mẹ con phải đi lên trước.

Đi độ hai tiếng đồng-hồ trên một con đường những gai góc cùng bụi rậm, rồi đến chỗ một hòn đá có đục cửa, chúng đập cửa thì cửa mở toang ngay ra. Chúng đi theo một cái đường hầm dài chật-hẹp và tối-tăm rồi đến một cái hầm có bóng lửa ở trong lò ánh ra sáng rực. Chung quanh tường treo những gươm dáo cùng các khí-giới giết người lửa ánh sáng nhoáng. Giữa hầm có một cái bàn bốn tên cướp và người tướng cướp đương ngồi sùm lại đánh bài. Người tướng cướp chạy ra đón người đàn bà và bảo cứ yên tâm không phải sợ gì, không ai làm hại cả; rồi sẽ phải trông nom các việc trong nhà, nếu giữ có ngăn nắp thì chúng sẽ coi tử-tế. Đoạn chúng cho ăn và chỉ cho một cái giường hai mẹ con có thể cùng ngủ được.

Người đàn bà ấy ở với quân cướp được mấy năm, thằng Dăng đã lớn và khỏe lắm. Mẹ nó kể những chuyện cổ-tích cho nó nghe và dạy nó tập đọc ở trong một quyển sách chép những chuyện phiêu-lưu của các nhà vũ-sĩ mà bà ta tìm thấy ở trong hầm.

Khi thằng Dăng lên chín tuổi thì tự làm lấy một cái dùi-đục kếch-sù, chuôi bằng gỗ thông, rồi nó dấu ở sau giường. Nó liền hỏi mẹ nó bảo cho nó biết cha nó là ai, vì nó muốn biết và cần phải biết.

Mẹ nó không trả lời, vì bà ta không muốn nói cho nó biết, để nó đừng đi tìm cha; bà ta biết rằng không khi nào quân cướp có để cho nó đi. Nàng nghĩ đến đứa trẻ kia không được trông thấy cha nữa thì bà ta đứt ruột đi được.

Nửa đêm quân cướp đi về, thằng Dăng liền đi lấy cái dùi-đục rồi đến đứng trước mặt người tướng cướp mà bảo rằng:

— Mi phải nói cho ta biết cha ta đâu; nếu mi không nói ngay lập-tức thì ta phang cho một cái chết ngay bây giờ!

Tướng cướp cười rồi cho Dăng ta một cái bạt tai ngã lăn quay xuống gầm bàn. Dăng ta lẳng-lặng đứng dậy, bụng bảo dạ rằng: «Ta phải đợi một năm nữa rồi ta sẽ liệu thì có lẽ mới thành-công.»

Khi đã được một năm rồi, thằng Dăng lại đi tìm cái dùi-đục ra, lau sạch bụi-bậm rồi ngắm-nghía mà nghĩ rằng: « Đây thực là một người bạn giỏi. »

Nửa đêm quân cướp đi về; chúng đem rượu ra uống hết hũ này đến

hũ khác, rồi sau ngủ lăn quay cả ra trên bàn. Bấy giờ Dăng ta cầm cái dùi-đục, lại đến đứng trước mặt người tướng cướp mà bắt phải cho biết cha mình.

Tướng cướp lại bớp đầu cho một cái mạnh quá đến nỗi Dăng ta lần này lại ngã lăn xuống gầm bàn, nhưng không bao lâu nó lại đứng dậy được và lấy cái dùi đục choảng vào lưng người tướng cướp và quân cướp, chúng đều đau rừ tử, chân tay liệt-bại cả.

Người mẹ ngồi trong một só ngắm cái tấn kịch ấy, thấy con mình táo-bạo và khỏe-mạnh như thế thì rất lấy làm xá-dị.

Khi thằng Dăng thấy lũ cướp đã chịu chết không làm gì được nữa rồi, nó liền bảo với mẹ nó rằng:

— Bây giờ mẹ bảo cho con biết cha con đâu.

Người mẹ trả lời :

— Dăng ơi, rồi hai mẹ con ta sẽ đi tìm.

Bà ta lấy cái thìa khóa cửa ở trong túi người tướng cướp, rồi đi tìm lấy một cái bị lèn những vàng bạc và các vật qui-báu, khi lèn đã đầy rồi thì thằng Dăng vác lên vai đem đi.

Hai mẹ con cùng đi ra, khi đã ra khỏi nơi hang hầm tối mịt mà trông thấy sáng rực ban ngày, rừng xanh, hoa nở, chim kêu, vừng thái-dương giữa trời chói lọi thì Dăng ta rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm-bao. Nó kinh dị quá hình như là mất cả trí khôn vậy. Người mẹ đi noi theo con đường về nhà, khi hai mẹ con đã đi được một độ đường rồi thì đến một nơi thung lũng xa lánh có cái nhà con ở đấy.

Người bố đương ngồi ngoài cửa, trông thấy vợ và biết thằng Dăng là con mình thì mừng-rỡ vô-cùng, vì vẫn tưởng rằng vợ con mình đã chết từ lâu rồi vậy. Thằng Dăng mới mười hai tuổi mà đã cao hơn bố một cái đầu. Vợ chồng con cái cùng dắt nhau vào trong nhà. Nhưng thằng Dăng vừa đặt cái bị xuống ghế thì nghe có tiếng rắc-rắc rất mạnh, ghế gẫy, ván nhà sụt xuống, rồi cái bị nặng kia rơi xuống tận hầm nhà. Người bố kêu lên rằng :

— Trời ơi ! thế là mày phá đổ cả cái nhà này rồi !

Dăng nói :

— Thầy cứ yên lòng, trong cái bị này vô-số tiền, làm một cái nhà mới còn thừa chán.

Hai bố con bèn làm một cái nhà mới. Rồi mua trâu bò, đất cát, chuyên về nghề làm ruộng. Dăng đi cầy, dẫy cái cầy khoẻ quá đến nỗi con bò không cần phải kéo nữa.

Mùa xuân sau, thằng Dăng thưa với bố nó rằng :

— Thầy ơi, thầy cứ giữ lấy hết cả vàng, xin thầy chỉ làm cho con một cái gậy nặng năm mươi cân, để con có thể đi chu-du thiên-hạ được.

Khi cái gậy đã làm xong rồi thì Dăng từ giã nhà-cửa ra đi. Nó cứ đi thẳng mãi đến một cái rừng rộng tối om. Nghe có tiếng rào-rào và tiếng rắc-rắc mạnh, nó nhìn khắp chung quanh thì thấy một cây thông vặn từ nhọn đến gốc như một cái thừng vậy ; ngửng mặt lên trông thì thấy một người to lớn khoẻ mạnh đương tay cầm thận cây thông như thể cầm một cái cành liễu. Dăng ta gọi to lên rằng :

— Này ! Anh làm gì thế ?

Người ấy trả lời :

— Ta nhặt mấy cái thân cây hôm qua, định vặn một cói thừng để buộc.

Dăng ta bụng bảo dạ rằng : » Chà, chà, một người khoẻ dữ ! »

Rồi nó bảo người kia rằng :

— Anh bỏ việc anh đấy, đi theo ta.

Người ấy bỏ cái cây mà theo Dăng thực. Dăng đã cao lớn mà thấy người kia lại còn cao hơn mình một cái đầu nữa. Dăng bảo người ấy rằng :

— Từ giờ trở đi thì tên anh là anh Vặn-thông (Tordeur de sapins).

Hai người đi một quãng xa, nghe có tiếng búa đập mạnh đến nỗi mỗi một cái đập là đất lại chuyển động. Đi một lát đến một cái núi đá có một người to lớn đương lấy cẳnh tay đập vỡ từng tảng đá to-tướng. Dăng hỏi làm thế để làm gì, thì người ấy trả lời rằng đêm ngủ có những gấu và chó-sói cùng các loài sâu-bọ nó cứ đến đi lượn chung quanh mình và thở hì-hà hì-hịch, cho nên làm một cái nhà để ngủ cho được yên.

Dăng ta nghĩ một người mạnh giỏi như thế, hẳn có ích cho mình được nhiều, bèn bảo đi theo mình và gọi tên là anh Đập núi (1) (Casseur de rocs).

Người ấy bằng lòng, rồi ba người đi vào rừng, đi đến đâu các giống thú dữ trông thấy cũng phải tỉ ất-kinh chạy trốn cả.

Chiều đến một cái lâu-đài cũ bỏ không. Ba người cùng vào, ngủ ở trong một cái phòng lớn.

Sáng l ôm sau, Dăng ta đi vào trong vườn đầy những gai-góc cỏ-rả, bỗng có một con lợn-lòi nhảy xổ ra nhưng nó cầm dùi đục choang cho một cái, lợn ngã phục xuống ; nó bèn vác ngay lên vai mang về. Đoạn nó đem vào lò quay, quay chín rồi ba anh em cùng ăn.

Ba người cùng định rằng cứ cắt lượt mỗi người phải ở nhà nấu ăn một hôm, trong khi hai người kia đi săn. Mỗi người phải ăn đến chín cân thịt mới đủ no.

Ngày thứ nhất là lượt Dăng và anh Đập-núi đi săn. Trong khi anh Vặn-thông đương làm cơm thì thấy có một người nhỏ thấp già khụ vào xin thịt. Anh ta trả lời rằng :

— Đồ tồi, đi chỗ khác, mày cần gì thịt.

Nhưng anh Vặn-thông ta kinh hãi nhường nào, bỗng thấy người già nhỏ ấy nhẩy sồ lên mình, lấy cẳnh tay nện cho một thôi một hồi, mình thở không được nữa, phải kêu van mãi. Người ấy thỏa cơn giận rồi mới đi.

Khi hai anh kia đi săn về, anh Vặn-thông không nói đả-động gì đến người già nhỏ ấy và mình bị đánh. Anh ta nghĩ bụng rằng tất sẽ đến lượt hai anh kia, rồi cũng được biết những cái cẳng tay ấy, nghĩ vậy anh ta lấy làm đắc-ý lắm.

Hôm sau đến lượt anh Đập-núi ở nhà. Anh này cũng bị đòn như anh Vặn-thông, vì không cho người già kia thịt.

Chiều đến các anh kia về, anh Vặn-thông nhìn nét mặt anh Đập-núi, biết có chuyện gì xảy ra rồi, nhưng hai anh cùng lẳng-lặng không nói gì cả, muốn cho Dăng cũng phải bị với lão nhỏ-bé kia.

(1) Chữ Roc nghĩa đen không phải là núi, song đây phải dịch là núi thì mới vừa được gọn vừa tỏ được là một vật khổe.

Hôm sau nữa đến lượt Dăng ta ở nhà làm cơm. Đương gạt bọt ở nồi thì thấy lão lùn vào xin thịt.

Dăng bụng nghĩ rằng: «Nó là một đứa nghèo-khổn, ta cho nó một miếng thịt phần ta, khỏi thiệt đến phần người khác.» Nghĩ vậy rồi đưa thịt cho người ấy.

Người lùn ăn hết thịt rồi lại xin thêm nữa. Dăng lại cho mà bảo rằng miếng thịt to này hẳn ăn thỏa-thích. Nhưng người lùn lại xin một lần thứ ba nữa. Dăng không cho mà bảo rằng:

— Mày làm lộ chuyện mất.

Người lùn ghê-gớm kia vừa toan nhẩy sấn vào Dăng để đánh như là đánh anh Vặn-thông và anh Đập-núi; nhưng Dăng chẳng khó-nhọc gì đánh cho mấy cái, lùn ta phải bỏ chạy, nhẩy một cái lên trên thang. Dăng muốn đuổi theo, nhưng bị ngã lăn tự trên cao xuống.

Khi đứng dậy được thì lùn ta đã chạy trước rồi. Dăng đuổi theo qua rừng rồi thấy nó chui xuống chỗ khe hổng một tảng đá.

Dăng nhận chỗ kỹ-càng rồi trở về nhà. Hai anh kia đi về trông thấy Dăng vẫn thư-thái ung-dung, lấy làm lạ lắm. Dăng ta bèn kể chuyện cho hai anh kia nghe, hai anh kia cũng chẳng dấu chuyện mình nữa.

Dăng cười rầm lên mà rằng:

— Thật đáng kiếp các anh, vì các anh bủn-sỉn lắm kia; nhưng dẫu sao đó cũng là một điều đáng xấu-hổ, cao lớn khỏe mạnh như các anh mà để cho một thằng lùn nó đánh.

Bà người đem một cái thúng và thừng cùng đến chỗ người lùn kia chui xuống. Chỗ đó là một cái riếng cạn. Dăng ngồi vào cái thúng rồi ròng xuống đáy riếng. Xuống đến nơi thì thấy có một cái cửa, mở cửa ra thì thấy có một người con gái đẹp lạ đẹp lùng, mà người lùn ngồi ngay bên cạnh. Hắn nhìn Dăng một cách dữ-tợn. Người con gái kia thì dây xích trói chặt. Nàng nhìn Dăng có dáng buồn rầu đến nỗi anh ta phải động lòng thương mà bụng nghĩ rằng: «Phải cứu cho cô này thoát khỏi quyền áp-chế của lão lùn kia mới được.» Rồi anh ta lấy dùi-đục choang một cái thật mạnh, lùn ta ngã chết thẳng-cẳng.

Tức-thì những dây xích trói người con gái kia cởi toang cả ra. Dăng ta ngắm cái sắc đẹp mà thích mê. Nàng nói nàng là con gái vua một nước lớn, vì không chịu kết duyên với một ông Bá-tước độc-ác kia mà ông đã bắt đem giam vào chốn này. Bá-tước sai người lùn kia đến canh giữ nàng, hắn hành-hạ nàng đủ trăm cấp.

Dăng đặt nàng ngồi trong thúng, rồi bảo kéo lên khỏi mặt riếng. Cái thúng lại ròng xuống; nhưng Dăng ta không tin ở bạn được, bụng bảo dạ rằng: « Chúng đã lừa sỏ ta mà không bảo cho ta biết chuyện bị nhục với thằng lùn, chắc đâu chúng không nghĩ sự hại ta nữa. » Anh ta bèn để cái dùi-đục vào trong thúng; thực may cho anh ta, vì cái thúng kéo lên đến lưng-chừng riếng thì hai anh kia bỗng buông rơi xuống, nếu anh ta ngồi vào đó, thì hẳn ngã chết chẳng sai.

Nhưng biết làm thế nào mà ra được. Anh ta đi bách-bộ mãi lại đến cái phòng là chỗ tìm thấy nàng Công-chúa kia. Anh ta trông thấy ở tay người lùn có đeo một cái nhẫn sáng lóng-la lóng-lánh. Anh ta lấy đeo vào ngón tay mình. Xoay cái nhẫn thì nghe thấy trên đầu có tiếng ào ào rất lạ. Anh ta ngẩng mặt lên trông thì thấy có hai vị thần bảo anh ta rằng anh ta là chủ hai vị thần ấy, và hỏi anh ta muốn gì.

Thoạt - tiên anh ta đứng ngẫn người ra, sau bảo hai vị thần ấy đem mình lên khỏi riếng. Thần vâng lời anh ta, rồi anh ta thấy hình như có cánh bay lên. Lên đến trên sáng, chẳng thấy ai cả; về đến lâu - đài, cũng lại chẳng thấy ai nữa. Thì ra anh Vặn-thông và anh Đập - núi đã đem nàng Công-chúa đi trốn rồi.

Nhưng Dăng lại xoay cái nhẫn, tức-thì hai vị thần lại hiện ra mà bảo anh ta rằng hai anh kia hiện đương đi ở mặt bể. Anh ta vội - vàng chạy ra bờ bể thì thấy ở ngoài xa có một cái thuyền con của hai anh bạn bất-lương kia đương đi. Trong khi tức giận điên tiết, anh ta nhẩy ngay xuống bể, nhưng cái dùi - đục nặng quá kéo xuống, nếu anh ta không kịp xoay cái nhẫn thì chết đuối.

Tức-thì hai vị thần hiện ra, mang anh ta đến tận cái thuyền lanh như chớp. Anh ta liền lấy dùi - đục sửa tội hai đứa bất-lương kia, rồi ném quang hẳn lên bờ bể. Đoạn anh ta cầm lấy bơi chèo chở cho nàng Công-chúa đã thoát nạn hai lần kia về với cha mẹ nàng, rồi cha mẹ nàng gả nàng cho anh ta làm vợ.

NGUYỄN-THƯỢNG-HUYỀN dịch thuật

(Trích ở trong bộ Contes choisis des Frères Grimin)

XUÂN-THỦ ĐÀM-ÂN

Các quan-chức có tên sau này được ký-bổ lên hạng trên, hoặc trước đã có ký-bổ rồi thì nay vẫn giữ chân ký-bổ ấy:

Thăng Tổng-đốc hạng nhất:
M. Nguyễn-Bách, Tổng-đốc Bắc-ninh.

Thăng Tổng-đốc hạng nhì:
M. Nguyễn-hữu-Ích, Tuần-phủ Sơn-tây.

Thăng Tuần-phủ hạng nhất:
MM. Lê-văn-Thức, Tuần-phủ Ninh-bình; Nguyễn-năng-Quốc, Tuần-phủ Hưng-yên.

Thăng Tuần-phủ hạng nhì:
MM. Bùi-huy-Tiến, Tuần-phủ Phúc-yên; Lê-thế-Vĩ, Tuần-phủ Bắc-giang.

Thăng Án-sát hạng nhì:
MM. Vũ-Tuân, Tri-phủ, Thái-bình; Nghiêm-thụy-Ứng, Tri-phủ, Bắc-ninh; Bùi-phát-Tường, Tri-phủ, Hà-đông; Lê-huy-Chước, Tri-phủ, Tuyên-quang.

Thăng Tri-phủ hạng nhất:
MM. Đào-hữu-Khôi, Hải-dương; Ng-bá-Tiệp, Sơn-tây; Bùi-bằng-Đoàn, Nam-định.

Thăng Tri-phủ hạng nhì:
MM. Ng.-duy-Nhạc, Nam-định; Phạm-chu-Trinh, Hà-đông; Đặng-vũ-Trợ, Kiến-an; Đỗ-kiêm-Thiện, Yên-báy; Trần-đình-Bình, Nam-định; Trần-văn-Cận, Vĩnh-yên; Ng-quang-Riệu, Ninh-bình; Hoàng-hữu-Đôn, Bắc-ninh.

Thăng Tri-huyện hạng nhất:
MM. Lê-hữu-Mai, Tri-huyện hạng nhì tại tỉnh Hải-dương, Lê-hữu-Tích, Tri-huyện hạng nhì tại tỉnh Thái-bình; Phạm-huy-Toại, Tri-huyện hạng nhì tại tỉnh Thái-bình; Đàm-duy-Huyên, Tri-huyện hạng nhì tại Haiphong.

Thăng Tri-huyện hạng nhì:
MM. Phan-kế-Toại, Tuyên-quang; Nguyễn-văn-Hoạch, Bắc-ninh; Trần-Xuân, Hà-đông; Ngô-đặng-Đấu, Ninh-bình; Nguyễn-huy-Xương, Sơn-tây; Nguyễn-hữu-Lộc, Hải-dương; Vũ-bội-Hoàng, Thái-bình.

Hậu-tuyển Tri-huyện:
MM. Trịnh-xuân-Nham, Hải-dương; Vũ-Đại, Thái-bình; Phó-bá-Thuận, Hà-

nam ; Bùi-Trạc, Ng-khánh-Đắc Nguyễn-xuân-Đĩnh, Đặng-văn-Cận, Hà-đông ; Cung-đình-Vận, Hà-nam ; Nguyễn-hữu-Phúc, Hải-dương ; Nguyễn-văn-Cự, Thái-bình ; Phạm-văn-Định, Ninh-bình ; Bế-khanh, Yên-báy ; Hoàng-đức-Tân, Thái-nguyên ; Hoàng-đức-Hàm, Phú-thọ ; Đỗ-văn-Đáp, Nam-định ; Bùi-hữu-Kỷ, Hà-đông ; Nguyễn-cao-Luận ; Ninh-Bình ; Vũ kỷ-Sâm, Hưng-yên ; Nguyễn-đình-Tỷ, Thái-bình ; Lâm-hữu-Lập, Kiến-an ; Vũ-xuân-Tâm, Hà-nam ; Nguyễn-trinh-Cát, Hà-đông ; Nguyễn-trọng-Khôi, Hưng-yên ; Phạm-hữu-Thái, Quảng-yên ; Nguyễn-đình-Siêu, Hà-đông ; Phạm-đức-Tái, Hà-đông ; Trần-văn-Lan, Bắc-ninh ; Trịnh-tấn-Khanh, Vĩnh-yên ; Trịnh-văn-Quế, Ninh-bình ; Đào-vũ-Môn, Ninh-bình ; Dương-bách-Duyệt, Phúc-yên ; Lê-văn-Bình, Hải-dương ; Phạm-duy-Tiến, Hà-đông ; Ngô-mạnh-Nghênh, Phúc-yên ; Ng-Giang, Hà-nam ; Phạm-bá-Định, Hưng-yên ; Phạm-qui-Chương, Ninh-bình ; Ng-duy-Hiếu, Sơn-tây ; Bùi-ngọc-Hoàn, Hanoi ; Ng-hữu-Thăng, Bắc-giang.

Chánh-Tri-châu hạng nhất :

MM. Vi-văn-Lâm, Bắc-giang ; Đinh-công-Xiển, Hòa-bình ; Ng-văn-Tang, Hải-ninh ; Hoàng-huy-Giao, Cao-bằng ; Đào-v-Khang, Yên-báy.

Tri-châu hạng-ba :

MM. Phạm-văn-Khải, Bang-tá Hải-ninh ; Phạm-duy-Ninh, Bang-tá Lạng-sơn ; Lê-văn-Huân, Thư-ký Tuyên-quang ; Cao-nguyên-Tố, Thư-ký Hải-ninh : Mai-Sinh, thư-ký Thái-nguyên ; Vi-văn-Thuyên, Bang-tá Bắc-kạn ; Dương-qui-Biên, Thư-ký Thái-nguyên ; Lê-đình-Đôn, Thư-ký sở Tài-chính, Ng-hòa-Cát, nguyên Thông-ngôn tư-chức.

Bang-tá :

MM. Vương-văn-Thịnh, Vương-chinh-Dục, Hà-giang ; Hoàng-đức-Phượng Bắc-kạn.

Phó-châu :

M. Đào-chính-Kiêm, Trợ-giáo Lai-châu.

Thông-phán hạng nhất :

MM. Trịnh-hữu-Giao, Hà-giang ; Trịnh-rùng-Quang, Hưng-yên.

Thông-phán hạng nhì :

MM. Phạm-hữu-Được, Bùi-trọng-Quang, Thái-bình ; Phí-xuân-Đào, Hải-dương, Ng-Cự, Phúc-yên ; Ng-v-Bình, Nam-định ; Trần-huy-Hân, Hà-nam ; Đỗ-đình-Hoạch, Hòa-bình.

Thừa-phái hạng nhất :

MM. Đoàn-Huyên, Hà-đông ; Ng-kỳ-Xương, Hải-dương ; Ng-v-Giốc, Kiến-an ; Phan-Lập, Hưng-yên ; Bùi-nguyên-Quí, Lai-châu.

Thừa-phái hạng nhì :

MM. Ng-Nhân, Phú-thọ ; Hoàng-v-Thông, Bắc-kạn ; Ng-ngọc-Toản, Thái-nguyên ; Bế-v-Khanh, Yên-báy ; Đỗ-đức-Đôn, Nam-định ; Vũ-v-Anh, Bắc-ninh ; Ng-duy-An, Hà-đông ; Vũ-xuân-Khôi, Hưng-yên ; Dương-hoàng-Giản, Hà-đông ; Ng-bá-Khải, Bắc-ninh.

Thừa-phái hạng ba :

MM. Phan-trọng-Thuận, Bắc-ninh ; Đặng-đức-Tô, Tô-văn-Đỗ, Hà-đông ; Nguyễn-khắc-Quyền, Bắc-kạn ; Nguyễn-duy-Sinh, Hải-ninh ; Bùi-Cầu, Hưng-yên ; Vũ-ngọc-Đĩnh, Hà-giang ; Phí-như-Thân, Sơn-tây ; Phan-v-Thuyết, Hưng-yên ; Đàm-quang-Vinh, Bắc-giang ; Ng-Côn, Hải-dương ; Ng-chi-Duật, Bắc-ninh ; Ng-khắc-Niệm, Lạng-sơn ; Ng-ngọc-Thụy, Phú-thọ ; Ng-kim-Liên, Bắc-kạn ; Ng-Trác, Bắc-ninh ; Trần-v-Lân, Bắc-giang ; Ngô-Trạch, Hà-đông ; Dương-bá-Hội Hưng-yên ; Phạm-quang-Giu, Bắc-ninh ; Ninh-Lăng, Hà-đông ; Vũ-khắc-Quang, Bùi-đức-Lăng, Bắc-ninh ; Trần-văn-Dzu, Hải-an (Hải-phòng) ; Đặng-hữu-Dai, Vĩnh-yên.

Thừa-phái hạng tư :

MM. Trần-thế-Long, Thái-bình ; Đỗ-v-Bảo, Thái-nguyên ; Vũ-nghĩa-Thuận, Vĩnh-yên ; Ng-hữu-Trác, Yên-báy ; Ng-ngọc-Nhuận, Ninh-bình ; Trương-đình-Thịnh Hà-nam ; Ng-tiến-Phan, Hà-đông ; Đinh-hữu-Diên, Hà-nam ; Vũ-hữu-Tụng, Lạng-sơn ; Ng-đức-Phụng, Hưng-yên ; Ng-đăng-Mưu, Phú-thọ ; Vũ-v-Cơ, Bắc-ninh ; Phạm-v-Mai, Thái-bình ; Tô-doãn-Trí, Tuyên-quang ; Nguyễn-đình-Túc, Nam-định ; Trịnh-văn-Nhiêu, Thái-bình ; Ng-tiến-Tư, Hưng-yên ; Kiều-doãn-Ưng, Hà-đông ; Trần-x-Tiêu, Hải-dương ; Ng-x-Kiêm, Thái-nguyên ; Đỗ-trọng-Hàm, Bắc-ninh ; Nguyễn

sư-Mạnh, Hòa-bình ; Lê-v-Đính, Hưng-yên ; Trương-hữu-Kỷ, Hòa-bình ; Ng-đức-Nhượng, Bắc-ninh ; Nguyễn-huy-Môn, Hà-nam ; Ng-huy-Nhuận, Nam-định ; Lê-xuân-Phương, Hà-đông ; Đỗ-hoàng-Phất, Hải-an (Haiphong) ; Vũ-Khoan, Phú-thọ ; Ng-duy-Chanh, Thái-nguyên ; Phạm-thế-Cửu, Hà-nam ; Đỗ-gia-Thái, Phú-thọ.

Các quan có tên sau này được thăng-thưởng về dịp xuân-thủ :

Hiệp-tá đại-học-sĩ :

M. Phạm-v-Thụ, Tổng-đốc Nam-định.

M. Nguyễn-hữu-Đắc, Tổng-đốc-hàm hưu-trí, quán Hà-đông.

Tham-tri :

M. Nguyễn-đức-Tú, Tuần-phủ hưu-trí, quán Hải-dương.

Hồng-lô tự-khanh :

M. Đinh-công-Thịnh, Chánh-quan-lang, quán Hòa-bình.

Quang-lộc tự-thiếu-khanh :

M. Bùi-Bành, Án-sát Yên-báy.

Chánh-cửu-phẩm Văn-giai :

MM. Ma-v-Linh, Hoàng-đình-Duyên.

Tùng-cửu-phẩm Bá-hộ :

MM. Dương-v-Thiệu, Nguyễn-v-Ái, Phố-trưởng Sộng-tô-lịch ; Nguyễn-lê-Xoan. Phố-trưởng Thanh-giám ; Ng-văn-Chuyên, Phố-trưởng Phúc-kiến ; Trần-quang-Thiều, Phố-trưởng Hàng-đồng.

M. Trần-như-Bảo, tòng-sự tại sở báo *Courrier d'Haiphong*, quán làng Nhị-khê (Hạ-thôn), huyện Thượng-phúc, phủ Thường-tín (Hà-đông), được thưởng Hàn-lâm-viện Đãi-chiếu (9-2).

MM. Tạ-duy-Hiền, thợ trồng răng ; Ng-trọng-Tiệp, Nguyễn-v-Toàn, Phan-văn-Nhân, Tạ-đình-Ninh, Mạc-trọng-Quyền, Ng-v-Vượng, Ng-v-Ty, Hoàng-v-Ty, Ng-hữu-Ích, Ng-văn-Ba tức Lê-văn-Giục, Ng-bá-Chương tức Thiệp, Lê-văn-Nhuận, Nguyễn-v-Hai, Trương-v-Thinh, Ng-v-Tu tức Thảo, Ng-v-Ba tức Khuê, Lê-văn-Hoan, đều mộng-thưởng Tùng-cửu-phẩm Văn-giai (9-2).

MM. Ng-xuân-Vinh, mécanicien chef à l'Imprimerie Tonkinoise, quán làng Hoàng-mai, tổng Hoàng-mai, huyện Hoàn-long (Hà-đông) ; Lê-v-Huyên, chef d'équipe de composition de caractères chinois à l'Imprimerie Tonkinoise, quán làng Ngọc-bộ, tổng Du-huyên, huyện Văn-giang (Bắc-ninh), đều mộng-thưởng Tùng-cửu-phẩm Bá-hộ (9-2).

Bản-chí xin có lời chúc mừng các ngài mới được vinh-thăng.

THỜI-ĐÀM

Tiểu-thuyết « Tùy-Đường Diễn-Nghĩa »

Kỳ báo này nhiều bài quá, vậy tiểu-thuyết « *Tùy-Đường Diễn-Nghĩa* » hoãn lại đến kỳ sau (nº 37) sẽ đăng tiếp theo.

Phái-bộ Nghị-viện Pháp tại Đông-Pháp

Trong suốt một tháng vừa dày, xứ Đông-Pháp ta được nghênh-tiếp một Phái-bộ có các ông Phái-viên *Outrey*, *Maitre*, *Perreau-Pradier*, *Valude* là Nghị-viên Thứ-dân Nghị-viện Qui-quốc.

Cái mục-đích của Phái-bộ qua xứ ta là thế nào, kỳ trước Bản-chí đã

lược nói rồi; còn lễ nghênh-tiếp Phái-bộ của các xứ, các nơi long-trọng thế nào, Phái-bộ đi đến đâu khắp các hàng nhân-dẳng bản-xứ hoan-nghênh như thế nào, điều đó không nói ta cũng có thể lượng biết được và về phần các nhật-báo đã nói đủ cả rồi, tưởng Bản-chí cũng không cần thuật lại ra đây một lần nữa; vả cái mục-đích, cái công việc của Phái-bộ qua ta là cốt để quan-sát tình-thế và công-cuộc khai-thác thuộc-địa ở Bản-xứ, chứ không phải chỉ cốt ở những cái lễ-văn đó. Nay Phái-bộ đi quan-sát trong cõi Đông-Pháp ta, công việc đã xong, các ngài đã từ-biệt Bản-xứ trở về. Cái cuộc đi quan-sát Bản-xứ của các ngài đến đây đã kết-thúc, vậy Bản-chí xin lược-thuật lại cái chương-trình đi kinh-lịch khắp các nơi trọng-yếu Bản-xứ trong suốt một tháng trời, để quốc-dân ta đều rõ.

Các Phái-viên đáp tầu *Angers* tới Hải-cảng Saigon hồi 9 giờ sáng ngày 25 Janvier 1923; Sau khi các ngài đã đến Saigon, thì các ngài đi coi Hải-cảng Saigon là nơi hải-cảng rất quan-trọng cho việc thương-mại ở bản-xứ và xưởng đóng tầu của Nhà-nước cùng đi thăm cap Saint-Jacque là nơi trấn-phòng rất trọng-yếu ở mặt biển Đông-Pháp, thì các ngài đi đường bộ từ Saigon qua Thủ-dầu-một và đến Kratié để xem-xét con đường đó là con đường có ghi vào trong chương-trình khai-thác thuộc-địa của quan *A. Sarraut*; nhân tiện các ngài lại đến thăm các đồn-điền Xa-trạc và Lộc-ninh; rồi Phái-bộ lại đi quan-sát con đường từ Saigon qua các tỉnh Tân-an, Mỹ-tho, Vĩnh-long, Cần-thơ tới Bắc-liêu là những nơi các ngài rất chú ý về việc làm đường hỏa-xa miền hạ du Nam-kỳ. Phái-bộ khi ở Nam-kỳ, lại có giao thiệp với hội Canh-nông và Thương-mại Saigon cho được biết ý-kiến của các Hội về đường khai-thác như thế nào.

Phái-bộ ở Nam-kỳ mấy bữa rồi sang Phompeny và Battambang là đường sau này sẽ có xe-hỏa chạy, suốt đến giáp-giới Xiêm-la. Ông nghị-viên Valude sau đây sẽ trở lại Battamban g, rồi sang bên Bang-kok để khảo-sát việc nối đường thiết-lộ của Đông-Pháp với đường thiết-lộ Xiêm-la.

Sau khi Phái-bộ đã đi kinh-lịch xứ Nam-kỳ, xứ Cao-mên, xem xét tình-thế, và các công-cuộc khai-thác, các thắng cảnh như là Đế-thiên đế-thích ở cao-mên, cùng là thương-thuyết với các quan chức trong hạt nghe những lời yêu-cầu của các nhà công thương; thì các ngài qua Huế, ở lại Huế mấy hôm, quan-sát các công cuộc tại Huế và cung chiêm các Tôn-lăng xong, rồi các ngài do đường bộ trở ra, để xem xét con đường sắp đặt làm đường hỏa-xa sau này sẽ nối Trung, Nam, Bắc-kỳ làm một. Các ngài đi đường bộ đó ra Bắc-kỳ, lưu lại Bắc-kỳ trong mấy hôm, các ngài ở Bắc ta thì có đi thăm những xưởng kỹ-nghệ và các đồn-điền lớn trong xứ, như công-ty thuốc-lá Đông-Pháp ở Hanoi, nhà máy giấy Đáp-cầu, mỏ than Hongay cùng những nhà kỹ-nghệ lớn ở Haiphong. . . . . Phái-bộ lại có đi dự-lễ khánh-thành các máng nước dẫn-thủy nhập-điền tại hạt Vĩnh-yên, để quan-sát các công cuộc trọng-yếu, về cơ-quan canh-nông bản xứ mà có ghi trong chương-trình khai-thác thuộc-địa của quan *Albert Sarraut* đã đệ trình tại Nghị-viện. Các ngài ở Bắc trong mấy hôm, có tiếp kiến và giao-thiệp với các hội-đồng, và mấy hội lớn của người Tây, Nam ở bản xứ một cách rất ân-

cần chu chí, trước khi các ngài sắp từ biệt Bắc-kỳ, các ngài có ra ngoạn-cảnh vịnh Hạ-long là một nơi thắng cảnh có tiếng trong cõi Đông-Pháp,

Ngày 28 Février, hai ông nghị-viên Perreau-Pradier, Maître và Maître phu-nhân đáp tầu sang Nhật; còn ông Nghị Valude thì trở vào Dalat rồi sẽ sang Xiêm-la. Trước khi Phái-bộ từ-biệt xứ Đông-Pháp có điện lên quan quyền Toàn-quyền bức điện-văn sau này:

« Trước khi từ-biệt Đông-Pháp, Phái-bộ xin gửi lời ngợi khen hết thảy nhân dân trong xứ mà quan Toàn-quyền làm đại-biểu ở đây, về những sự kết-quả tốt đẹp đã thành-hiệu và xin cám ơn quan Toàn-quyền và Baudoin phu-nhân về sự tiếp-đãi trong ngày cư-lưu tại đây mà Phái-bộ xin ghi nhớ mãi mãi ».

* * *

Phái-bộ cư-lưu tại Đông-Pháp ta, trước sau trong già một tháng trời; quan-sát trong cả một cõi Đông-Pháp này mà trọn vẹn có trong khoảng già một tháng, tuy cái thời-gian các ông đi xem-xét cũng khí vội-vàng một chút, song lấy cái tai mắt của các ông Nghị-viên Qui-quốc, thì chắc rằng chỉ trong một cái thời-gian lịch-duyệt đó, các ông cũng đã đủ động-triệt được hết cái tình-thế, cái công cuộc khai-thác ở bản-xứ nên chăng như thế nào rồi. Vậy thì cái chương-trình khai-thác của quan Thượng-thư Thuộc-địa *A. Sarraut*, sau này khi đem ra đề-nghị tại Nghị-viện, cũng sẽ có thể trông vào sự tán-thành của các ông ở trên nghị-trường nhiều phần, mà sự tiến-bộ của bản-xứ cũng sẽ có cơ trông-mong vào ở đó nhiều phần vậy.

Giới-thiệu sách mới

Âu-trĩ độc-bản. — Đó là quyển sách của ông Hùng-sơn Nguyễn-duy-Nhung mới xuất-bản vừa rồi. Quyển sách này ông chủ-ý soạn ra để riêng cho các trẻ con tập-đọc, nên đặt theo lối mỗi câu bốn chữ có hiệp vần, lời lẽ rất vắn tắt, ý-nghĩa rất sáng sủa, vừa vặn cho cái trình-độ trẻ con thuận miệng dễ đọc thuộc lòng; tất cả 52 *bài*, chia làm bảy mục: *Tu-thân, Vệ-sinh, Ẩm-thực, Cư-xử, Luân-lý, Nam-xử, Địa-dư*.

Xã-hội ta giữa lúc quốc-văn còn đương ấu-trĩ này, sách quốc-văn càng xuất-bản nhiều được bao nhiêu, càng hay bấy nhiêu, mà nhất là những quyển sách quốc-văn hữu-ích như quyển *Âu-trĩ độc-bản* này thì càng cần-thiết lắm. Vả lại nhằm vào lúc mới bắt đầu trù tính thiết-lập Ấu-trĩ-viên ở các nơi mà quyển *Âu-trĩ độc-bản* này ra đời, thì lại càng hợp thời lắm nữa. Vậy Bản-chí xin giới-thiệu cùng quốc-dân và mong rằng quốc-dân ta sẽ lợi dụng cho các con trẻ tập đọc, thì « quyển sách này tưởng cũng là một phương khải-tì cho các người Ấu-trĩ. » Như lời kết-luận trong bài tựa của ông Cử Ngô-văn-Năng ở đầu quyển vậy.

Giá mỗi quyển là: **0 p. 10.**

* * *

Lễ khánh-thành máng nước dẫn-thủy nhập-điền ở Vĩnh-Yên

Đã mấy năm nay nông-dân ta vẫn nghe nói việc dẫn-thủy nhập-điền; vẫn ngong ngóng trông mong cái công cuộc dẫn-thủy nhập-điền khởi-hành tại hạt Vĩnh-yên, là cái công cuộc ở xứ ta chưa từng được trông thấy bao giờ, chóng được hoàn-thành, mà chờ coi cái kết-quả tốt đẹp đó sẽ ra thế nào. Cái sự tai nghe kia bây giờ đã được mắt thấy

cái sự trông mong kia bây giờ đã được như nguyện ; các máng nước dẫn-thủy nhập-điền khởi-công trong tỉnh Vĩnh-yên bây giờ đã cáo-thoan, ngày thứ bảy 24 Février vừa rồi đã làm lễ khánh-thành vậy.

Dự lễ khánh-thành ấy có quan quyền Toàn-quyền Baudoin, quan phó Toàn-quyền Robin, quan Thống-sứ Monguillot, quan Thống-soái Blondlat, các ông Phái-bộ Nghị-viện Đại-pháp Maitre, Perreau-Pradier, Valude, các qui-quan, các quan ta các đại-biểu báo-quản Tày Nam đông lắm.

Quan Công-sứ tỉnh Vĩnh-yên Bride quan Thống-sứ và quan Toàn-quyền có đọc những bài diễn-thuyết như sau này :

Bài diễn-thuyết của quan Công-sứ Bride

Kính trình quan Toàn-quyền, quan Thống-sứ

Thưa các Ngài,

Khi xưa, nhưng kể cũng còn là gần đây, vì mới cách độ vào chừng hai-mươi nhăm năm nay, người Pháp ta trong khi hành-trình mà có ai đi qua tới mấy tỉnh viễn-cách, nhân-dân sơ-khoáng, thổ-địa quảng-mạc hoang-phế, vết tích văn-minh Âu-châu còn thực hi thiểu, mà bỗng tự nhiên sực trông thấy nhà treo cờ ba sắc, ngoài đề ba chữ Công-sứ-đường thời mắt trông thấy danh-hiệu ấy, tam-sắc kỳ ấy, trong một lúc tưởng tượng đến Mẫu-quốc xa cách vạn lý, đủ làm cho trong lòng kẻ đi phương xa sinh ra mối cảm giác hân-hoan vô hạn. Thời-kỳ đó thì nay chỉ có bực tiền-bối còn nhớ. Từ khi đó đến nay, thì trên đất Đông-Pháp này chỗ nào cũng là thấy dấu-tích sự-nghiệp của ta, thêm minh-chứng cái tinh tú quốc-dân ta. Như ngày hôm nay nhân-dân bản tỉnh họp mặt lại thì không những là chỉ có một quan Công-sứ thủ-hiến bản tỉnh mà thôi, lại có các vị quyền cao nhất trong bản xứ, quan Thống-sứ, quan Toàn-quyền, gặp cơ-hội này lại có các bậc đại-biểu cho quốc-dân Đại-pháp đến biểu-bạch cùng quốc-dân Nam-Việt, lòng tin ái của Pháp-đình. Nay các ngài chiếu-cố đến quan-sát hạt Vĩnh-yên cùng là để dự hội khánh-thành một việc đại ích đến sự tiến-bộ, một việc trông sẽ kết-quả hay, tôi dã nhắc đến khi nãy, là làm cho xứ này được nhờ đấy mà tiến lên con đường thịnh vượng.

Tôi lĩnh chức thủ-hiến bản tỉnh, kế nghiệp các bậc tiền-bối đã tận tâm vào sự-nghiệp chung, tức là sự-nghiệp của nước Đại-pháp, mọi bậc đã có công xây đắp, nay đã hoàn thành. Nên nay cũng là nhân chức-vụ của tôi mà được hân-hạnh đại-diện cho nhân-dân toàn hạt mà cảm ơn các ngài đã tới đây, cùng lược thuật các công việc trị thủy, dẫn thủy đã làm để đem làm sự thịnh vượng đến miền này xưa kia còn là chốn quảng - mạc hoang-phế.

Hạt này từ nay về sau, thì sẽ nên một cõi thịnh vượng trong xứ Bắc-kỳ nhưng từ trước đến bây giờ đã phải vào hạng địa sấu dân bần là do tại địa-thế và thủy thổ.

Về phía Bắc thì vướng dãy núi Tam-đảo cùng các dãy núi con không thể trồng cấy gì được, cho nên nhân-dân thiếu các sự cần về dưỡng sinh-hoạt. Về mặt Đông Tây và Nam, thì có sông Nhị-hà và chi thứ là sông Cà-lồ, đến mùa nước to thì tràn qua đê, vì đê thấp yếu không tu bổ vững vàng, thường phá vỡ cho nên như năm nào điều hòa cũng bị tàn

hại, không những thiệt của, lại năng phải thiệt đến nhiều mạng người. Trong khi lụt mà đứng trên ngọn núi nào xung quanh trông xuống thì hạt này thành ra như một cái hồ to, giữa đều là gò đất không trồng cấy gì được, cùng mấy quả núi đất rậm cây ; thảm cảnh ấy vào chính ngay lúc cần phải làm ruộng để cấy vụ đông mà trong hạt chỉ trông vào vụ ấy là được nhiều lúa mà thôi. Cứ suy một lẽ thì đủ hiểu sự tàn hại ấy, là ruộng đối với thủy-chi đến từ 7 đến 13 mà ngày 23 tháng 10 năm 1913 tại tỉnh ly Vĩnh-yên bị lụt nước lên đến 12 chu.

Hạt Vĩnh-yên xưa vừa bị đại hạn, vừa bị nước lũ sông Nhị-hà và nước mưa trên Tam-đảo đổ xuống, đất trũng nước đọng lại thành ra một cái hồ không có đường tiêu. Vì chỉ có tiêu ra sông Cà-lồ được mà thôi, nhưng gặp lúc mà nước sông Nhị-hà đổ vào sông Cà-lồ, cho nên hai lòng sông nước đều lên to không hơn kém nhau mấy, mà thường nước ngoài sông Cà-lồ lại cao hơn nước trong đồng. Thành ra những chỗ trũng chỉ để chứa nước lũ sông Nhị-hà và nước trên núi đổ xuống, nên như một cái hồ to, đường tiêu không có, không còn trồng cấy gì được, và những đất cao thì không sinh sản chi được, vì xung quang thì thực nhiều nước và không thể tát lên được. Thậm chí có nhiều làng bán một mẫu ruộng có năm hào cũng không ai tậu. Năm 1897 ba trăm mẫu tây ruộng hạt Yên-lãng, thuộc đồn-điền Mlle d'Abbaddie, ba năm mới được một mùa xấu, đem bán có một đồng rưỡi một mẫu.

Nhà-nước Annam vì không có thể-cách, không có người chuyên-môn, nên không có thể làm thế nào mà chỉnh-đốn lại được. Kế đến nhà-nước Đại-pháp sang bảo-hộ, cho nên hiện bây giờ cũng một mẫu ruộng khi xưa ế, bây giờ trị-giá đáng một trăm rưỡi bạc, tức là hơn xưa một trăm phần. Cận-lai đây ruộng lấy vào đê, có nơi dân cũng xin chiếu giá ấy mà phát tiền cho. Giá ruộng tăng lên khác thường như vậy đã đủ chứng rằng việc nông-vụ trong bản-hạt đã hoán cải hẳn đi, đó thực minh chứng dân đã được hưởng lợi các việc công-tác Chính-phủ Bảo-hộ đã thi hành, vì đó là nguyên một sự nghiệp của Đại-pháp, của các quan cố-vấn của Chính-phủ Bảo-hộ tức là các quan Kỹ-sư nha Công-chính ngay lúc đầu các ngài cùng cứu vấn-đề ấy, đã trù mưu giải-quyết để tiện lợi cả ba nơi: phòng lụt, tháo nước ra, lấy nước vào.

Các việc công tác ấy, xin cứ theo thứ tự lược thuật lại để biểu bạch phần kết quả.

Về sự phòng lụt thì hội-đồng Đê-chính năm 1895 nghĩ xin đem hạt tỉnh Vĩnh-yên làm một chỗ chứa nước lũ sông Nhị-hà, để cho khỏi ngại đến các hạt thuộc về trung-lưu và hạ-lưu, có ý cho tiêu tiết bớt đi, cho khỏi ứ nước.

Nông-dân trong hạt cũng thuận như thế để khỏi sự thiệt hại bất thần về đê, vì thốt nhiên vỡ một nơi thì tàn hại hơn là cứ tuần tự xẻ đê cho nước vào nhiều chỗ.

Cho nên qua năm 1896, quan trên nghị-định xẻ để bên tả sông Nhị-hà 18 chỗ, mỗi chỗ 100 thước tây, xẻ thấp hơn mực nước cao nhất một thước, mà xẻ vào thân đê, không có bao ra ngoài. Nhưng về sau không thành hiệu, những đê nào đã đem xẻ thì bị lở, thành ngay ra phá vỡ, nước ứ vào, đến năm 1905 và năm 1906, những chỗ xẻ ấy đem xây đi thì cũng có công hiệu hơn, các miền hạ-lưu có được lợi.

Nhưng trước lúc ấy hai quan Kỹ-sư Dardelle và Godard đã trù nghĩ cách ngăn hạn nước sông Nhị - hà không cho chảy vào sông Cà-lồ, để lấy sông Cà-lồ làm đường tiêu nước cho các chỗ trũng tỉnh Vĩnh - yên. Năm 1900, hai ngài nghĩ đắp một cái hoành-triệt ở Yên-báy để ngăn lấy sông Cà-lồ. Từ đấy trở đi sông Nhị-hà không chảy vào sông Cà-lồ được, thành ra lòng sông ấy nước không đến nỗi trướng dật, nước hạt Vĩnh-yên tiêu ra đấy được. Từ năm 1900 trở đi, số ruộng cấy thêm ra được ước đến 6000 mẫu tây, tính phác ra, như phỏng đê sông Nhị-hà không bao giờ vỡ, thì nhờ cái hoành-triệt ấy nông - dân mỗi năm được lợi chừng 30 vạn bạc.

Khi đã đắp xong hoành-triệt ấy rồi, thì thủy-thế phân thành ra ba phương diện khác nhau : một là chỉ gặp nước mưa đổ vào trong hạt, không có chung với nước sông Nhị-hà thì có chỗ tiêu ngay ra sông Cà-lồ được, vì lòng sông cạn là tại đấy ngăn ra, nước sông Nhị - hà không chảy vào được.

Hai là như khi gặp phải lũ nước mưa, thì nước lụt ấy cũng dần dần chảy ra sông Cà-lồ cho đến đầy lòng sông, rồi đến khi nước sông Nhị - hà không chảy vào nữa, như hoặc nước ngoài sông xuống đi, hoặc hạp-long được chỗ vỡ, thì bao nhiêu nước trước đã chảy vào trong hạt không phải đọng lâu, cũng tiện lối tiêu ra sông Cà-lồ được nhanh lắm, vì khi ấy thì lòng sông nước còn thấp hơn nước trong đồng.

Ba là như khi gặp phải vừa mưa lũ vừa vỡ đê sông Nhị-hà thì tuy nước tiêu đi không được mấy, nhưng tiêu cũng còn kịp được cho nhân-dân cấy lại, chỉ trừ khi gặp phải nước làu tiêu quá, cùng là lên vào lúc đã muộn thời-tiết thì mới phải hại.

Coi như ba phương-diện ấy thì biết sự lấp cửa sông Cà - lồ có lợi cho việc nông vụ tỉnh Vĩnh-yên nhiều lắm. Nhưng về mặt sông Nhị - hà cũng còn nguy hiểm, vì đê không được vững chắc cho lắm, lại phải phòng lúc xẻ đê mà sinh vỡ nữa.

Nông-dân không muốn gặp phải nguy-cơ đã hiểu biết ngay rằng như không xẻ đê, lại đê được kiên cố, nhờ có lấp cửa sông Cà-lồ năm nào cũng cấy thêm được 6000 mẫu tây không phải quan ngại gì. Bởi đó mà sinh ra một mối cạnh tranh quyền-lợi cần phải cùng cứu.

Một đường thì chính-phủ Bảo-hộ cần lợi-dụng hạt Vĩnh-yên để khi gặp nước sông Nhị - hà có trướng-dật thì tháo bớt đi.

Một đường thì may người hạt Vĩnh-yên, vào bậc có giá-trị, muốn rằng Chính-phủ đã nghĩ cách cho người ta được lợi, thì làm sao cho được tận hưởng lợi ấy, tuy nhiên trong cách Chính-phủ đã nghĩ làm thì người ta cũng không phải phí tổn gì vào.

Vì thế mà vấn-đề đê chính lại phải trù nghĩ đến. Giấy tờ cùng đối lại về việc ấy kể đã nhiều, mà giải quyết cho xong được kể cũng phải nghiên-cứu công-phu.

Năm 1895 thì nông - dân kêu với Hội-đồng đệ-chính xin xẻ đê, cách mấy năm sau lại không bằng lòng xẻ nữa, kêu là hại, mà từ năm 1900 trở đi thì họ chống cưỡng không chịu cho xẻ.

Dân tỉnh Vĩnh-yên không chịu xẻ đê để khỏi phải nước tràn dần dần vào ruộng, thế là phù-hợp tư lợi một hạt, nhưng kỳ thực là trái công lợi các bậc trù phú về hạ-lưu. Đương thời kỳ ấy các đê toàn kỳ còn lấy nhật-công tu bổ, nha Công - chánh chưa có trù tính chương-trình tuần-

tự tu bổ đâu cả cho được lao cố. Cũng đã xuất lực tu bổ được khá, nhưng còn riêng từng hạt một, không theo một cái chương-trình nhất luật chung. Nên các đê thuộc sông Nhị-hà lao cố không được đều cả, thành ra việc đê chính toàn kỳ không công-hiệu. Cứ năm nào cũng từ tỉ áng sáu cho đến hết tháng chín tây là có nguy hại phát hiện ra, lòng sông Nhị-hà mà thủy-chí đến chín chữ thì thấy nguy cho cả trung-châu.

Cho nên từ năm 1900 trở đi, thì chỉ có cứ tháo hết nước vào hạt Vĩnh-yên mà thôi. Tình-thế như vậy, thì tuy nhiên Chính-phủ Bảo-hộ có thi-hành việc công-tác sinh thêm mối lợi cho hạt ấy, nhưng chính-phủ có nên chỉ lưu-tâm vào mối lợi ấy mà thôi không ? Ắt là không, nhưng mà Chính-phủ cũng chịu lưu-tâm trù nghĩ cách gì cho được thỏa lòng dân hạt Vĩnh-yên, vẫn hay dân bản - hạt đã nhờ nhà-nước mà được lợi nhiều, nhưng đối với các hạt khác, Chính-phủ còn nhiều nghĩa-vụ không bỏ qua đi được.

Xét đi xét lại thì chỉ có một phương kế là kíp phải tu bổ các đê sông Nhị-hà cho thực lao cố, để giữ lối được các con nước thực to đã có thấy rồi.

Phương kế ấy trước đã thấy lợi dụng có công-hiệu, bên Hoa - kỳ đã bảo-toàn được một khu diện - tích 15.000 kilomètres carrés trong hạt Nissenri và Arkansas về khu - vực Saint François.

Bấy giờ mới khởi công đắp lại các đê toàn-kỳ, chỗ nào xung-yếu thời khởi công trước ; từ 1905 cho đến năm 1917 tu bổ vào luôn mãi. Đến tháng Janvier 1917 quan thượng-hạng Kỹ-sư Normandin đệ trình chính-phủ một cái chương-trình trị-thủy cho cả toàn-kỳ, đến ngày 31 Mars 1917 có nghị-định quan Toàn-quyền chuẩn y chương-trình ấy. Qua năm sau thì khởi công, đến nay đã gần hoàn thành.

Bây giờ dân hạt Vĩnh - yên cứ an tâm, không phải xẻ đê nữa, vì dưới hạ-lưu chỗ nào cũng đều đề phòng cả, xẻ đê bây giờ không ích-lợi gì nữa. Không cần phải tháo nước vào tỉnh Vĩnh-yên mà cứu cho các hạt trung-châu nữa.

Các đê trong tỉnh hạt đều vững cả, năm 1917, đã chịu được con nước lên đến 11,65 thủy-chí, lòng sông Hanoi lên đến chữ ấy xưa nay kể là cực điểm. Năm ngoái còn mấy chỗ xung yếu thì đã tu bổ lại. Không phải là cái ngại vỡ đê đã khỏi hẳn đâu; hết nguy cơ đâu, nước sông Nhị-hà có lẽ cũng còn hơi làm cho ta phải lo, cho nên phải đề phòng luôn. Còn như tình-thế hiện bây giờ kể cũng được là hoàn hảo.

Việc nông-vụ trong hạt Vĩnh - yên thì bây giờ mùa chiêm chỉ cấy mấy nơi trũng đã tháo cạn nước, diện tích không bao nhiêu. Còn mùa tháng mười có mùa thì ruộng phần nhiều cấy được, nhưng có mưa nhiều thì lúa mới tốt, năm nào khô cạn thì mất mùa. Mùa tháng mười có được thì cũng mới đủ là cho dân ăn. Vậy cho nên tuy nhiên việc nông-vụ trong hạt đã chỉnh-đốn được khá, nhưng Chính-phủ cũng vẫn còn lo toan cho phần sinh nhai dân thuộc quyền Bảo-hộ được tăng tiến luôn, thì mới trông tiến bộ đường tinh-thần được. Vậy nên Chính-phủ đã tuần tự thực-hành cái chương- trình tôi đã vừa mới lược thuật.

Đã đắp cái hoành-triệt của sông Cà-lồ để cho các đê trong bản-tỉnh được thêm lao-cố, là đã hết sức trù nghĩ cách giữ cho dân khỏi phải cái hại nước lụt. Chính-phủ lại mới cho

đào nhiều sông trong hạt Vĩnh-yên để có đường lấy nước vào ruộng, thời là lợi cho nhân-dân không biết đâu mà kể, vì mùa tháng mười vừa thêm tốt vừa thêm chắc thiên-thời thế nào cũng vô ngại, lại thêm được vụ chiêm, xưa nay lúa chiêm trừ ra mấy chỗ hẹp hòi, còn thì không cấy được bao giờ.

Các công-tác quan-trọng ấy làm ra, dân không phải góp công góp của gì vào, lẽ đó cũng có phần quan-hệ nên phân rõ ra đây.

Các chi sông đào ấy thì trước hết hai quan Kỹ-sư Godard và Dardelle nghĩ ra, kế đến quan Kỹ-sư Despes và Kouen trù tính cách thực-hành, các quan Kỹ-sư Auphehle Peytavin, Jean và Mariage đến tận nơi quan-sát, rồi đến quan Kỹ-sư Normandin chỉ-thị cho các quan Kỹ-sư Rouen, Auphehle, Desailly, Cordonnier và Fabre thực-hành.

Bên tả sông Đáy một con sông chính, thông-trường hơn năm mươi kilomètres, san nước ra mười hai ngọn sông con đều thông-trường tám mươi hai kilomètres, và bên hữu sông Đáy một con sông mười tám kilomètres, thế là sông chính thông-trường cộng một trăm năm mươi kilomètres, còn các chi sông tổng cộng tám nghìn kilomètres.

Cho đến Hướng-lại đã có con sông chính, từ Hướng-lại đến Bạch-hạc đã có sông con số 6 để tiện cho bè gỗ và thuyền nhỏ đi lại tự phía trên Liên-sơn ra đến sông Nhị-hà được.

Nước để dẫn vào ruộng và để cho thuyền bè đi lại thì lấy ở sông Đáy vào, vì đã đắp một cái hoành-triệt thì mặt nước cao thêm lên được bốn thước rưỡi tây mà đến khi gặp nước lũ về thì hoành-triệt ấy thành ra một cái đường dốc cho nước chảy thông-trường một trăm thước tây. Trên ngọn sông chính và các sông con đã có xây cống để lấy nước vào cho có tiết-độ; lại trong đường nước chảy mà gặp chỗ cao thấp không đều thì đã có các cống riêng để cho lưu-thông đi được. Ở Vũ-gi có đặt một cái cống dài 100 thước tây dưới lòng sông Vĩnh-yên để lấy nước vào ruộng thuộc về phía nam và để lỡ khi có xảy ra lụt cho nước tiêu mau.

Lại có bắc cầu nhỏ để tiện đường thông-hành.

Các việc công tác ấy tốn nhân-công cự-số đều cho lĩnh-trưng cả, duy chỉ có cái hoành-triệt sông Đáy và cái cống đặt ở Vũ-gi là nhà-nước đứng làm lấy mà thôi, vì công việc có nhiều phần khó riêng. Tất cả hết hơn 259 vạn thước cubes đất, 28.000 vạn tám thước cubes xây và 122.000 hai vạn hai nghìn cân vừa sắt, vừa gang, vừa thép. Phí tổn tất cả chừng 120 vạn bạc.

Các sông đào ấy vào giữa một khu 2 vạn 7 nghìn mẫu tây, bên tả-hà hiện lấy nước vào 1 vạn 6 nghìn mẫu, bên hữu hà một nghìn mẫu. Về sau xong trong sẽ tiện lợi nhiều. Chẳng những có nước để tưới vào những ruộng thường một năm thì phải mấy tháng khô cạn; lại còn có nước cho dân dùng ăn uống, vì nhiều làng không có đủ nước, phải dùng nước ao tù-hãm, nhiều khi sinh ra dịch-lệ hại dân.

Đến như mùa-màng, cứ bằng như nha Công-chính đã thí-nghiệm ở Phù-sa và điền-lợi 7 nghìn 500 mẫu tây ruộng đã có lối lấy nước ở Kép, thì có thể trù tính được cái lợi dân bản-hạt sẽ thu-hoạch được.

Như mùa tháng mười thì số 1 vạn bảy nghìn mẫu tây đã có thể cấy được; trong khu hai vạn 7 nghìn mẫu ấy, trước kia chỉ gặp mùa mưa lắm thì mới trông được mùa lúa. Từ nay trở đi không phải ngại đại hạn

nữa, mà năm nào thu-hoạch cái lợi cũng được cự số. Tính ra mỗi mẫu cũng thêm ra được 900 cân tây thóc, thì 1 vạn 7 nghìn mẫu thêm ra được chừng 1.500.000 nghìn tấn.

Đến như mùa chiêm thì trong số 1 vạn 7 nghìn mẫu ấy, hiện bây giờ một vạn 3 nghìn mẫu thiếu nước không cấy được, còn độ 4 nghìn mẫu vào hoa-mẫu. Bây giờ có đường lấy nước được thì nghìn mẫu trồng hoa-mẫu ấy sẽ thêm lợi ra, mà số 1 vạn 3 nghìn mẫu kia thì sẽ cấy được, cứ tính mỗi mẫu là 1 nghìn 600 cân tây thóc, cộng thành là 2 vạn tấn.

Thế là tính hai mùa, phần lợi được 3 vạn rưỡi tấn; mỗi một tấn trị-giá 45 đồng, cộng thành 150 vạn đồng, trừ phí tổn công cầy cấy đi, còn được lợi chừng 70 vạn đồng. Nhưng lợi nguyên ấy thì cũng phải tuần-tự ba-bốn năm nữa mới đạt đến được, phải cho nông-dân hiểu ích-lợi việc dẫn-thủy nhập-điền.

Nói tóm lại là không còn phải ngại đại-hạn, hai vụ mùa, chiêm đều được thu-hoạch được nhiều, xưa nay chưa từng thấy thừa thóc cho dân dùng, có cơ còn thừa tải đi bán nơi khác được, thành ra đường mậu-dịch cho dân được sung túc, phong-phú.

Thưa các ngài,

Sự-nghiệp của ta do đức kiên-nhẫn lòng bác-ái, mà kết-cục thành ra chúng-dân tăng-tiến phần sinh-nhai, thì kể cũng là dễ hiểu-thị cho dân bản-quốc biết Nhà-nước sang Bảo-hộ là việc ơn ích. Nhưng lại còn cái biểu-hiệu khác huy hoàng tự-nhiên, trông thấy, thì kể mà không thiên-kiến tất phải cực kỳ cảm giác; trông ngay cái nước sông này ngày hôm qua còn sinh ra mối hại, hãy còn là một điềm báo thiên-tai, mà ngày hôm nay thu lại được, thành ra có tiết-độ, cứ tuần-tự dẫn vào ruộng xưa còn khô hạn để cho địa-lợi họ có cơ sinh sản ra, thời có phải rõ là một sự biểu-bạch cái tinh-tú nước Pháp cốt là khoan-hòa, thành-thực hay không?

Như lúc đầu thì thế nào cho khỏi điều trắt-ngại, sự ngộ-nhận được; mà khi đã thực tình tính toán xong cho quen thủ-đoạn ấy đi rồi, đã thấy có phần kết-quả hay như bây giờ, thời còn lạ chi mà hết mọi người không đồng-tâm, hai nước không thật tình hiệp-lực với nhau nữa, mà nay các vị đại-biểu cho Pháp-đình ở đây và các quan đại-hiến bản-xứ thời tất-nhiên Pháp-Việt quốc-dân đều đồng-tâm đồng-thanh mà hoan-hô:

Vạn-tuế Đại-Pháp!
Vạn-tuế Đông-Pháp!

Bài diễn thuyết của quan Thống-sứ Bắc-kỳ.

Nay gặp cơ-hội may các nài đại-biểu cho Pháp-dân Nghị-viện sang đây vừa tiện dịp dự vào hội khánh-thành việc dẫn-thủy nhập-điền hạt tỉnh Vĩnh-yên, cho thêm long-trọng và thêm hiểu nhiều ý-nghĩa ra, thì Chính-phủ Bảo-hộ lấy làm hân-hạnh lắm. Các ngài tới đây tất là minh-chứng Mẫu-quốc có lưu-tâm vào việc tuần-tự khai-hóa các thuộc-địa, tin chắc rằng sự các thuộc-địa phải giữ nghĩa-vụ mà giúp đỡ Mẫu-quốc thì tất nhiên là sự có giá-trị. Lại các ngài đã sang đây đại-diện cho Pháp-đình cũng nhân đó mà chứng-nhận cho rằng: bản-xứ này vốn xưa nay noi theo một lối kiên-tâm, tuần-tự trong việc khai-thác để phù-hợp lòng hy-vọng của mẫu-quốc. Những việc công tác này mà các nhà Kỹ-sư đã đem tài-trí, các nhà lĩnh-trưng đã đem lịch-duyệt mà góp vào với sự cần-lao có tiết-độ của nhân-dân, thì mới là một phần nhỏ trong chương-trình

hiện thực-hành để điền-sản bản-xứ được tăng-tiến, đường hình-tế được khai-thác, để kết-quả lại cho nhân-dân thêm sung-túc thịnh-vượng.

Những không phải là chỉ riêng có những công-tác ấy làm biểu chứng lòng nhà-nước Bảo-hộ lo toan cho nhân-dân mà nhà-nước đã đảm nhận việc bảo-toàn quyền-lợi cho, như trong việc trù nghĩ sinh xuất lưu-thông cái lợi-nguyên, và tận tâm chỉnh-đốn việc thể-dục, trí-dục cũng là lo toan cho nhân-tâm được bình-tĩnh, cho các điều thỉnh-cầu thuận-lý được thấy công-hiệu.

Vậy nên đây cũng là mốt dịp tiện để nhân có các bậc đại-biểu cho quốc-dân Annam dự hội này mà lược thuật sự-nghiệp Chính-phủ Bảo-hộ ở xứ Bắc-kỳ này, tức là phân phó cùng với các ngài đại-biểu cho Pháp-đình được rõ cách Chính-phủ Bảo-hộ đã thực-hành chức-trách đã đảm nhận để đạt được mục-đích đưa bản-xứ đến cõi văn-minh tiến-bộ.

Năm 1886 khi quan Paul-Bert nhận lĩnh trọng chức Toàn-quyền xứ Bắc-kỳ vừa mới chinh-phục những việc tiểu phỉ cũng chưa xong, còn phải mất hơn mười năm gian-truân, cùng hy-sinh biết bao nhiêu tính-mạng người. Binh ta khi ấy can đảm hết lòng hy-sinh tính mệnh, các bậc cầm quân anh tài tận tâm kiệt-lực thế, nào thì lục này không tiện thuật lại đây, chỉ xin đồng lòng kính nhớ các bậc đã hy-sinh tính mệnh tại đất này để sáng danh binh-sĩ Đại-pháp để cho kết-quả việc ta chinh-phục xứ này.

Khi các quan văn khởi-công khai-thác các miền đã chinh-phục ấy, thời các phương-pháp đều hy-thiểu, hỏa-xa không có đường bộ cũng không muốn làm việc gì có ích-lợi, dù nhỏ mặc lòng cũng không đủ sự cần dùng mà làm cho thành, chốn lư-lý gặp thời-kỳ nhiều loạn, nhân-dân phiêu-lưu, việc thương-mại ủng-trệ, thậm chí đường sinh-hoạt cùng quẫn, vừa bị thiên-tai, vừa địa-lợi trích-hiệp. Ngân-sách đều hết là 1867 có 370 vạn bạc, thì Pháp-đình phải trợ-cấp cho 30 triệu quan tiền để cho đủ khi-dụng trong mấy năm phải lợi-nguyên trích-hiệp. Cũng vào năm đổi tính việc thương-mại thì số hàng nhập-cảng hai mươi hai triệu quan tiền tây mà hàng xuất-cảng chỉ có 60 vạn quan. Ấy phát nguyên từ đó.

Đến năm nay là năm 1923 thì ngân-sách đã quá số 15 triệu bạc, năm 1887 số chi vào công-tác có 17 vạn bạc, năm nay những để riêng vào việc khai-thác hơn năm triệu bạc, trong số ấy thì những phần riêng nhân-sách bản hạt chịu 100 vạn. Cứ sổ thống-kê sau cùng đây thì hàng nhập-cảng 422.390.119 francs, hàng xuất-cảng 385.907.937 francs.

Các số mục ấy khác nhau xa thế là chứng-minh phần đã kết-quả, tài-nguyên có quảng-khai, lại cứ được tuần-tự tăng tiến, như thế cũng là biểu-bạch đường sinh-hoạt xứ này có thịnh-vượng vững-bền chứ không phải là giả dối hay qua một lúc mà thôi đâu, thực đã đáng cho Mẫu-quốc có lòng tin ngưỡng vào tiền-đồ bản-xứ.

Chưa đầy 20 năm nay đường thông thương chỉ toàn là thủy-đạo, cho nên sự giao-dịch không được vững mà hẹp hòi, mà nay thời hạn kể cũng chưa là nhiều thế mà đã làm được 707 kilomètres đường hỏa-xa 2649 kilomètres đường đồ đá và 5206 kilomètres đường đất không, để lưu-thông trong toàn kỳ. Các địa-sản và khoáng-sản, cách thức lợi-dụng mỗi ngày một tinh-tế ra. Không những là

chỉnh-đốn một việc lưu-thông mà thôi, mà tài-chính sản-nguyên cũng được quảng-khai ra, nhờ có nhiều mối công-tác vĩ-đại quan-trọng đến việc nông-vụ đã làm thành-hiệu. Các ngòi hạt Vĩnh-yên sẽ đem nước vào được 1 vạn 7 nghìn mẫu tây ruộng, còn các ngòi ở Kẹp hiện đã lấy nước vào được 7 nghìn rưỡi mẫu thành điền cấy được.

Không bao lâu nữa thì ngòi về Sông-Cầu đã khởi công đào sẽ đem nước vào được 3 vạn 3 nghìn mẫu. Sau này nhà máy xẻ trù làm ở Gia-lâm sẽ gỡ thể lấy nước vào được 12 vạn mẫu, còn số sa bồi thuộc hải-phận đã đắp đê ngự-hàm lợi-dụng được hiện được hơn 4 bốn vạn mẫu, lại trong hạt tỉnh Hà-đông, Bắc-ninh Sơn-tây hiện đương làm nhiều việc công-tác sau này có thể lợi-dụng được hơn 10 vạn mẫu. Lại các đê thuộc sông Nhị-hà cũng khuyên tu-bổ cho lao cố, thì còn bao lâu nữa sẽ bảo-thủ được miền trung-châu khỏi phải đệ-niên thủy lạo, trừ ra khi có gặp hồng-thủy trường-đạt một cách không thể phòng trước được.

Nhờ có tuần-tự thực-hành một cái chương-trình về các việc công-tác thích-hợp, thì sự cần-lao đến chốn hương-thôn, đức kiên-nhẫn các nhà khẩn điền người Pháp đã từng trải nguy-cơ, nhân đó mà được Chính-phủ tán-trợ khích khuyến cho, được thu hoạch phong đăng phu công khó nhọc.

Đã quảng-khai lợi-nguyên thì tất nhiên phải nghĩ cách cho nhân-dân thân-thể được cường hiệu. Mà vấn-đề ấy thật là khó giải-quyết vì vừa phương-kế chật hẹp vừa nhân-dân bản-xứ không suy, cứ tính tự-nhiên sinh ra nghi kị các phương điều-trị y-khoa thái-tây. Cũng vì có các quan Y-chính đem lòng tán-thành, tài bác-học mà bổ-cứu vào hai điều khiếm khuyết ấy, coi như phần hết-quả thì đủ chứng minh nhân-dân đã có lòng tin phục, và cách điều-trị của các ngài thiệt có giá-trị. Hiện bây giờ có 90 nhà thương chữa bệnh; trong năm 1922 số thăm bệnh được 685,314 và số đến ở các nhà thương chữa bệnh kể ở ít, người ở nhiều tổng cộng là 671.929 ngày. Số tiền chi vào các bệnh-viện thì năm 1887 có ba vạn hai nghìn bạc, đến năm 1918 lên đến 45 vạn, mà sang năm nay tới hơn một triệu bạc. Ấy là kể cũng còn phải đợi mở-mang các công trường ra nữa để có thể luyện-tập thêm thầy thuốc người bản-xứ thì mới trông được đủ các sự hiện đương nhu dụng.

Vả lại trong sự mưu cho dân được tiện lợi phần sinh-nhai cường-kiện phần thân-thể, thì không phải là chính-phủ bảo-hộ chỉ lo toan về một phương-diện vật-chất mà thôi đâu. Thiên chức bảo-hộ là khai-hóa cho dân, nên chính-phủ lại trù-liệu cho quốc-dân thuộc quyền bảo-hộ được có đường tiến-bộ mà khi chính-phủ đã chỉ-hoạch cho dân cái tôn-chỉ công-lý, đoàn-thể, tự-do mà nay các quốc dân có chút tâm tư đều phải khuynh-hướng vào, ấy là chính-phủ đã biểu-bạch sẵn lòng giúp quốc-dân cho đạt đến tôn-chỉ ấy. Vì mục-đích như vậy, cho nên trước hết chính-phủ đã tùy lực mở thêm các công trường. Năm 1918 số trường kiêm-bị có 58 nay được 90; số học-trò trước có 9200 bây giờ đến 16.600. Còn số trường ở các hương thôn, thì hiện được 1039 trường, số học trò tổng cộng được 34.000. Như vậy thì trong năm 1922 số học trò thiếu-niên được hơn 50.000 mà năm 1918 được có 36.000, ấy là không kể các trường

tư cũng nhiều, vì nguyên một thành-phố Hanoi học trò các trường tư tới đến hơn 4000.

Năm 1887 số tiền chi tiêu vào các trường sơ-đẳng chỉ có 34.000 đồng, đến năm 1918 lên đến 540.000 đồng, sang năm nay lại đến hơn 1.400.000 đồng. Tuy nhiên thế cũng chưa phù hợp với lòng kỳ vọng và cựu truyền của quốc-dân Annam vốn hiếu học và tôn-trọng thầy học như cha. Ngoài những việc đóng góp tô thuế, dân còn sẵn lòng tự nguyện góp tiền lại mà nơi nào có thể xây trường mới được thì xây, ấy là điều chuyến miễn chính-phủ làm cho hoàn-toàn sự-nghiệp chính-phủ đối với học-vụ.

Mục-đích của chính-phủ trong học vụ không phải là chỉ cốt cho đủ nhu dụng vào thời kỳ ảnh-hưởng nước Pháp ta soi xuống quốc-dân Annam một ngày một rộng, việc khai khẩn địa hạt một ngày một tiến. Việc học không nên chỉ riêng chú ý vào việc đào luyện lấy các bậc tài để tòng chính, cùng các hạng đủ tư-cách cánh việc kiểm-dốc, việc thư tịch đương nhu dụng trong lúc canh-nông, thương-mại, kỹ-nghệ quảng khai này mà thôi đâu. Chính-phủ lại còn lấy học vụ làm cơ-quan để cho được thao phương diện bác-ái mà lợi-dụng một chính-sách đồng-tâm hiệp-lực cao kiến để luyện-tập cho các bậc đại-biểu quốc dân được tuần tự cùng với Chính-phủ mà càng lấy phần thực-hành, trách-nhiệm trong việc quản-trị quyền-lợi chung.

Vì việc học mở rộng thì mới đào-luyện thành một bậc tri-thức thông-tuệ hiểu suốt được tư-cách văn-minh của ta, lý-tưởng giáo-hóa của ta, mong sao cho bậc ấy được nhiều để tiện kén lấy người có giá-trị về đường kiến-thức, đạo-đức, để quốc-dân cử lên đại-biểu cho trong các Tư-vấn hội-đồng hay là các nghị-viện, mà hai hạng cơ-quan ấy cùng tỏ ra xứng đáng chức vụ, có lòng trung thành và có biệt tài, thì Chính-phủ càng sẵn lòng mau mở rộng đường ngôn-luận tự do cho ; sự mở mang việc học tức là làm cốc để mở mang cho các cơ-quan theo nguyên-lý phóng khoáng lập ra để như là biểu chứng lấy các giai cấp dân-trí đã khai-hóa. Như vậy thì Chính-phủ Bảo-hộ đã tuân như chính-sách Pháp-đình đã chỉ hoạch cho, vốn theo đó mà thực-hành việc chính-trị. Hội-đồng Tư-vấn đầu hết là thiết-lập tại hạt Bắc-kỳ năm 1907. Hiện bây giờ hội-đồng ấy được 107 hội-viên, mà số người có chân đi tuyển cử các hội-viên ấy được 36,000. Trong các vấn-đề giao cho bàn, thì các hội-viên ấy đều được tự-do mà tỏ ý-kiến ra, còn ngoại ra mà có những việc gì khác nên chỉnh-đốn lại thì hội-đồng làm giấy thỉnh-cầu. Nguyên chỉ coi các biên-bản hội-đồng Tư-vấn thì đủ biết hội-đồng ấy đã có công giúp vào việc đào-luyện cho dân sinh ra có công-tâm, dần dần thoát khỏi cái phạm-vi tư lợi mà tuần tự tiến lên bàn luận đến việc công-ích.

Vả chăng năm ngoái Chính - phủ cải lương việc hương-chính cũng là cốt luyện tập cho quốc-dân dự vào việc quản-trị công lợi. Xưa kia các hương-hội lộng quyền, phàm việc hương-chính chuyên quyết lấy tư lợi, không còn ai kiểm sát nữa. Chứ như bây giờ hương - hội là do các họ trong làng cử lên, tùy họ to họ nhỏ mà cử số hội-viên, mà chức-vụ hương-hội đều ở trong một phạm-vi ngân sách, số tiền thu vào và chi ra các khoản công ích đều theo như số nhiều người trong hương-hội bàn định.

Chính-phủ cốt ý để cho việc bàn định các công - lợi trong hàng xã được tự-do, nên chỉ có việc duyệt y ngân-sách và kiểm sát thực hàng ngân sách ấy là quan mới biết đến mà thôi. Như vậy đã trừ được cái tệ chuyên quyền áp-chế của một phái dân không ủy riêng gì cho, cùng trừ được cái tệ thu liễm ức chế, xa phí vô-độ, vô ích. Việc cải lương ấy dân hy-vọng đã lâu, xem như các xã thôn hằng tâm cải lương hương tục thì đủ chứng minh là việc thực quan-trọng.

Các tỉnh thuộc hạt Bắc-kỳ có chừng 7.000 làng thì mới bắt đầu dựng việc cải-lương được một năm mà đã được một năm mà dã được hơn 6000 làng có hương-hội và 1600 làng có ngân-sách, tổng cộng lại được hơn một triệu bạc.

Việc lập hương-hội và xã thôn ngân-sách ấy hiển nhiên là một cách hay để đào tạo cho quốc-dân có đủ tư-cách mà tuần tự dự vào việc công; vả chăng các xã thôn tiến hóa trong một cái phạm-vi riêng của chốn tư-lý, không bở cái cựu truyền cùng các cơ quan do cổ tục lập ra mà đã tuần tự được tiêm nhiễm cái nguyên-lý phong-hội tân-tiến, thì ở chốn hương-thôn sẽ luyện thành một bậc tiêu-biểu cho quốc-dân có đủ tư-cách mà đến các nghị - trường giúp vào chính-sách nhà-nước Bảo - hộ một cách thực mật-thiết, thông-tuệ.

Bây giờ xin nói tóm lại các bước tiến-bộ trong quãng mới 30 năm nay, trong cảnh nội đã dẹp được nhiều loạn, bảo toàn cho nhân dân được an tĩnh, luật lệ đã cải lương, việc án-kiện được công bằng, địa-sản được vững chắc, nhờ nhiều mối công - tác bảo-thủ cho được thêm nhiều, thêm tốt ra, đường thông hành một ngày một thêm ra cho tiện lợi, việc vệ-sinh được bảo-toàn, việc giáo - hóa một ngày một rộng, thiết lập cơ-quan thực phóng khoáng để mở đường khai-hóa cho quốc - dân trong hai phương-diện xã - hội chính - trị, để nhân trí khỏi những sự câu-thúc cũ mà tuần tuần khuynh - hướng vào phong trào văn-minh tân-thời sán-lạn.

Các bước tiến-bộ ấy mà được chóng như thế cũng là bởi thực-hành một cái chính sách do bởi tuân đủ các điều khế cốt mà chính-phủ Bảo-hộ thi-hành được cái thiện chính trong các việc được tự-do, không phải phương trở gì. Nhờ có chính-sách ấy bảo thủ được nhiều thứ quyền lợi có khi từng phản với nhau, quyền-lợi ai nấy được vững vàng, cho nên việc người Pháp sang khai-thác đất này được thành hiệu phát đạt.

Các đồn-điền hiện bây giờ cộng được hơn 130.000 mẫu tây, trong phần nhiều đồn-điền ấy mở mang trồng cấy sản-vật mới, nhất là cà-phê hiện đã thu hoạch được non 300 tấn. Các xưởng khai mỏ một ngày một nhiều ra, theo sự tìm kiếm khoáng-sản tiến đến đâu khai đến đấy, nguyên đất Bắc-kỳ thực là đủ thứ khoáng-sản. Ngoại các nơi khẩn điền, khai mở ra, hiện bây giờ đương lập nên nhiều thứ nhà máy để lợi-dụng các thứ nguyên-liệu rất nhiều ở đất này. Các nguyên liệu ấy không những là đủ nhu dụng trong bản - xứ mà thôi, lại có cơ chiếm được một cái vị-trí một ngày một thấy quan-trọng trong các thị trường thuộc Viễn-đông.

Ấy cũng bởi đồng-bào ta có cái nghị-lực sáng-lập, đức cần-lao kiên-nhẫn mở thêm lợi-nguyên ra, thành việc thương-mại đã được thịnh-

vượng như tôi vừa tự-thuật đây, lại còn có cơ tăng tiến nữa, không bao lâu nữa mà hạt Bắc-kỳ này sẽ nên một cái lò chuyên nung-đúc cho thành việc sáng-tạo có thế-lực, nhân có ánh sáng ở đó chiếu ra thì danh-dự quốc-thể nước Pháp ta sẽ thấu đến phương xa.

Thời-kỳ bây giờ là chính lúc ở bên Đại-Pháp dùng cách công-hiệu mà diễn giải cho quốc-dân được rộng biết các thuộc-địa, là vào lúc thỉnh-cầu các nhà tư-bản xuất vốn để khai khẩn sản-vật các thuộc-địa cho được mau thành hiệu, vậy thì đối với các nhà tư-bản đã tự xuất tài xuất lực ra, thì cũng cần phải đoan chắc với người ta rằng : trong cách tổ-chức việc chính-trị của ta ở xứ này có đủ lẽ chắc chắn để bảo toàn cho quyền-lợi người ta được miên-viễn củng-cố.

Sau hết tôi xin công nhận các việc kết-quả đã tự thuật lại đây là do bởi đức cần lao kiên-nhẫn, lòng tán-thành có khi đến cực điểm, cũng bởi sự can-đảm sẵn lòng hi-sinh tinh mạnh quyền-lợi của các bậc quan văn, các nhà binh, các nhà khẩn điền đã đảm-nhận cái cần-lao, thông-thổ ở đất này, kiên tâm sùng tín vào vận mạnh đệ-nhị cố-hương ta, thường không có trông được tưởng-thưởng gì, chỉ trông thấy một sự an-tâm đã làm trọn được cái nghĩa-vụ đã tự nguyện đảm nhận lấy, sự-nghiệp các bậc ấy là thế, ta nay được các ngài nghị-viên sang đây để quan-sát, thẩm đoán, thì các ngài sẽ minh-thuyết ra cho biết rằng : các bậc ấy đã có làm được trọn cái chức-vụ mà nước Đại-Pháp đã trao cho hay không. ?

Bài diễn-thuyết của quan Toàn-quyền

Nay nhân có các quan phái-viên ở Nghị-viện bên Mẫu-quốc sang đây, Thiềm-chức muốn nhân dịp làm lễ khánh-thành các sông dẫn-thủy nhập-điền ở tỉnh Vĩnh-yên này, trước là muốn tỏ với các quan phái-viên, sau là muốn tỏ với các quan dân bản-xứ rằng Chính-phủ Bảo-hộ đã đem cái cách-trí-học của các nhà bác-vật, cái công lao của các quan cai-trị, cùng là cái lòng quảng-đại và cái trí vụ-thực của người Đại-Pháp để bảo-hộ cho dân nước Việt-Nam này ; nguyên người Việt-Nam là một dân-tộc cần-mẫn, siêng-năng, biết khuynh-hướng về đường tiến-bộ, song chưa biết cấp tiến-thủ về đường kinh-tế sinh-nhai, Nhà-nước Bảo-hộ đã thâm-hiểu dân tình, cho nên bao giờ cũng dùng một cái chính sách khoan-nhân từ-huệ, sau khi lo liệu xong việc trị-an thì liền mở mang ra nhiều công-cuộc làm cho nhân-dân đâu đấy đều được phong-đăng hòa-cốc.

Thế mà ở bên mẫu-quốc còn có nhiều người vẫn chưa biết thực-tình bên này, vẫn đặt điều phao ngôn nói rằng Nhà-nước Bảo-hộ vẫn chưa hết lòng với dân. Phao-ngôn như thế là sai. Bởi vì xứ Đông-Pháp này ở xa mẫu-quốc, cho nên nhiều người vẫn chưa biết rõ chân tình. Nay nhân có các quan phái-viên sang đây mục-kích thấy các công-cuộc mở-mang ra bên này, sau về Nghị-viện sẽ bày tỏ chân-tình với mẫu-quốc, thế là từ đây Đông-Pháp lại nhờ thêm được những lời trân-trọng có thế-lực để bênh-vực cho, thật là một dịp rất may cho cõi Đông-Pháp.

Huống chi Đông-Pháp ta vốn nhờ ơn quan Thượng-thư Sarraut bênh-

vực cho nhiều bề ; tuy Đông-Pháp là một nơi xa cách, mà thường ngài vẫn lưu-tâm một cách đặc-biệt.

Nay các quan Phái-viên đã đi quan-phong từng nơi từng chốn, đã tai nghe thấy mắt trông thấy sự thực, việc gì cũng có đích-chứng. Các quan tới đây, mông ơn các quan xem-xét so sánh từng li từng tí, quan dân xứ này đều hoan-hân nghênh-tiếp, bày rõ tình-hình một cách quang-minh chính-đại. Ấy cũng vì lẽ ấy nên hôm nay mới mời các quan Phái-viên đến chứng-kiến lễ khánh thành này, lã cũng có ý để phô-bày cái quang-cảnh tốt đẹp, nhân-dân chăm-chỉ làm ăn, như trong tỉnh này, tức cũng như làm tiêu-biểu cho cả toàn hạt Đông-Pháp.

Các quan Phái-viên đã từng đi qua trông thấy : Kìa xứ Nam-kỳ, Cao-mên đương mùa lúa chín đỏ ối mênh-mông như một bể vàng. Ở các xứ ấy tất cũng phải nhờ việc trị-thủy cùng là việc làm đường xe-lửa.

Nọ xứ Trung-kỳ là một giải đất liền dựa theo bờ bể, cũng cần phải có đường hỏa-xa đi suốt từ Bắc đến Nam mới vận-tải được các thổ-sản ở Ai-lao mà đem xuất-cảng, cũng lại phải có dẫn-thủy nhập-điền mới chấn-hưng nông-nghệ trong bản-xứ lên được.

Nay tới xứ Bắc-kỳ, các quan đã xem-xét chỗ đô-thị, hôm nay lại đến xem đây ; mai kia các quan tới Haiphong thấy các nhà kỹ-nghệ, máy chạy ầm-ầm, khói lên nghi-ngút, đủ biết rằng Bắc-kỳ thực là một nơi dễ làm kỹ-nghệ, y như lời quan Toàn-quyền Long khi trước thường hay nói rằng Bắc-kỳ là một xứ trời cho riêng có 3 cái rất quý trong thế-giới: một là sẵn than-đá để làm kỹ-nghệ; hai là sẵn sông sẵn bể làm đường vận-tải tự-nhiên ; ba là sẵn nhân-công khôn khéo siêng-năng.

Nhưng mà vì ở các miền Trung-châu dân đông, muốn được đủ thứ ăn tất phải khuếch-trương nông-nghiệp, mà cần nhất là phải trị-thủy. Bởi thế cho nên trong Nam ngoài Bắc, cả từ Trung-kỳ cho đến Cao-mên, đâu đấy hết thảy đều phải tìm cách dẫn-thủy nhập-điền.

Huống chi việc ấy cũng là một việc đã dự định trong chính-sách khai-hóa thuộc-địa của quan Thượng-thư Sarraut đem trình Nghị-viện. Nhân đây xin nói đại lược về cái chương-trình các công-việc đã thực-hành khai-hóa được một phần như sau này :

Là việc trừ-khử cái tệ nước lụt ; việc tháo nước cho khô những chỗ đất trũng ; việc dẫn nước vào những chỗ đất cao.

Ở Bắc-kỳ thì việc tu bổ các đê giữ nước làm từ 12 năm nay, bây giờ đã làm xong, không còn sợ chi những cái tệ vỡ đê, nước lũ, tai hại như khi trước nữa.

Ở Nam-kỳ thì đào sông xẻ ngòi vừa để tháo nước ra vừa để làm đường giao thông, công việc làm luôn trong 40 năm nay, bề dài các sông mới đào ấy ước được kể có hàng nghìn hàng trăm ky-lô-mét, trước kia những chỗ đồng lầy bây giờ đã làm thành điền : kinh-phí hết kể đến 100 triệu quan tiền tây. Kết quả thành ra mỗi năm tăng điền được 3 vạn mẫu tây, và thóc gạo xuất-cảng mỗi năm tăng được 2 vạn tấn. Nhưng còn phải đến mười lăm, hai mươi năm nữa, thì xứ Nam-kỳ mới thực đại phát-đạt.

Cái việc tháo nước ra để làm cho chỗ trũng thành điền cấy được, kể ở

Trung-kỳ thì chỉ tầm thường, nhưng ở Bắc-kỳ thì đã thành-hiệu, số điền đã tăng thêm tới 5 vạn mẫu tây. Còn những chỗ đất trũng bây giờ đương tháo nước ra, cũng tới bấy nhiêu nữa.

Nhưng mà ở Trung-kỳ, cũng như ở Bắc-kỳ, dân thì đông, ruộng cấy một vụ, không đủ thóc cho dân ăn, tất phải làm cho cấy được hai vụ, như ở các miền trung-châu thì dân mới được phong-phú đều. Thế mà muốn làm được hai vụ, tất phải sẵn nước làm ruộng.

Kể ngay từ năm 1900 trở đi Chính-phủ đã phái nhiều quan công-chính ra ngoại quốc, sang Ấn-độ để khảo-sát việc ấy đem thực-hành ở Đông-Pháp. Xét thấy ở Trung-kỳ ước 34 vạn, Bắc-kỳ 29 vạn, Cao-mên 4 vạn mẫu tây, cần phải có tháo nước vào mới thành điền được. Các thửa đất hoang trong ba xứ ấy cộng thêm với các thửa đất ở Nam-kỳ đương vỡ làm ruộng, thành ra có 2 triệu 60 vạn mẫu tây cần phải khai-khẩn làm cho thành điền.

Các công việc đương làm ra sau này :

Công việc dẫn-thủy nhập-điền ở Thanh-hóa khởi công từ năm 1918, độ một năm nữa thì xong ; công việc ở Sông-cầu khởi công từ năm 1922, độ ba năm nữa mới xong; công việc ở Thừa-thiên nay đương trù-liệu sắp khởi công ; sau đến công việc ở Vĩnh-yên thì nay đã khánh thành đây.

Các công việc vừa kể đó là thuộc về phần thứ nhất trong chương-trình, ngoài ra lại còn phải làm một phần nữa như sau này :

Bắc-kỳ 23 vạn mẫu tây.

Trung-kỳ 28 vạn 7 nghìn mẫu tây;

Cao-mên bốn vạn mẫu tây.

Là những chỗ đất cần phải dẫn nước vào.

Lại Bắc-kỳ 5 vạn mẫu tây.

Nam-kỳ 60 vạn mẫu tây.

Là những chỗ đất cần phải tháo nước ra.

Các công việc khai khẩn về phần thứ hai này ở Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Cao-mên phải trong mười năm, Nam-kỳ phải 20 năm nữa mới làm xong, mà tính số tiền chi-tiêu thì :

Về phần Bắc-kỳ, ước hết 14 triệu bạc
— Trung-kỳ, — 20 —
— Cao-mên, — 4 —
— Nam-kỳ, — 24 —

Tổng cộng thành ngân phải tiêu đến 62 triệu đồng bạc.

Chi tiêu về việc ấy mất đến một món tiền như thế, hễ ra tốn kém thực song vì sinh lợi nhiều lắm, cho nên phải quyết định ngay. Này hãy tin như trong số 2 triệu 60 vạn mẫu tây thì trong 10 năm sinh lợi thêm được 800 triệu bạc. Sinh lợi như thế là vì chỗ đất hoang thì thành điền, chỗ đất một vụ hóa hai, chỗ đất xấu hóa tốt ; mà suy tính như thế, không phải là mơ tưởng đâu. Đó là tính theo cái kết quả trung bình ở chỗ đã hoàn-thành ở Kép và ở Vĩnh-yên này là chỗ ta khánh-thành hôm nay.

Các công việc ấy làm nên được thế, thực là nhờ ở cái tài năng người Đại-pháp. Mà rồi ra làm được đến như thế nào nữa, các quan đã từng nghe nói nhiều phen. Nay Thiềm-chức chỉ nói qua như thế, còn phần kết-quả phát đạt thế nào, tương-lai sẽ biết. Các việc muốn khai-khẩn làm cho xứ này thành ra đại phong-phú là hi-vọng lớn-lao của quan Thượng-thư Thuộc-địa, mà hiện nay Nghị-viện bên mẫu-quốc đã từng lưu-tâm đến.

Nhờ ơn các bậc tiền bối đã có công đến khai-hóa xứ này ; khi

trước những chỗ thành-thị, nhà lá ao tù, thì nay thành ra những nơi đô-thị to lớn nguy nga; khi trước những chỗ lâm-tuyền nước độc đầm lầy, thì nay thành ra những nơi điền-thổ phì-nhiêu. Trông thấy hai cái cảnh-tượng xưa nay khác nhau như thế, đáng lấy làm vẻ vang cho công cuộc người Đại-pháp đến khai-hóa xứ này. Thực người Đại-pháp đi đến đâu thì cũng làm gương đến đấy : nào lo việc trị-an, nào mở đường học-hành, nào lập ra y-viện chữa bệnh cho nhân dân, nào khuếch-trương thực-nghiệp làm giàu cho bản-xứ. Rõ thực như một người anh cả từ phương Tây đến dắt dìu cho lũ đàn em phương Đông chóng bước lên con đường tiến-bộ ; kìa đường hỏa-xa suốt từ Bắc chí Nam để tiện lối giao-thông, nọ sông đào làm ra để lợi việc làm ruộng.

Các con sông đào lấy nước làm ruộng đương lúc khởi đầu, mới có bấy nhiêu, rồi ra sẽ theo chương-trình làm thêm mãi lên cho rõ hoàn-toàn. Cái ích lợi của các sông ấy như thế nào, xét ngay cái việc thí-nghiệm trong 12 năm ở Kép thì biết. Như ở Vĩnh-yên nhờ có các sông đào ấy mà lợi-dụng cho hết sức ra, thì mỗi năm tỉnh ấy vụ chiêm tăng được 2 vạn 8 trăm tấn thóc, vụ mùa tăng thêm được 1 vạn 5 nghìn 3 trăm tấn; theo thời-giá thành ra mỗi năm được là 1 triệu 60 vạn bạc. Trừ tiền công cấy cấy đi rồi, còn được 75 vạn 5 nghìn bạc. Thế là đồng niên bỏ vốn ra có 1 triệu 20 vạn bạc mà được lãi là 75 vạn 5 nghìn bạc.

Các quan Phái-viên trông thấy những công việc làm ra tại bên này như thế, thì biết rằng xứ thuộc-địa này thực là cố sức mở mang kinh-tế, đem tiền công-nhu tiêu về những việc công-ích như thế, thực là đích-đáng. Lại năm ngoái quan Toàn-quyền Long thí-nghiệm việc công-thải 6 triệu bạc để làm việc công, thấy rất hiệu-nghiệm. Như thế thời có lẽ chính-phủ dùng ngay tư-bản bên này mà mở mang cho xứ này cũng được.

Xin các quan Phái-viên biết cho hiện-tình Đông-Pháp ngày nay lao-động là thế, tất sau này có cơ trở nên giàu có, các quan trông thấy thế nào, xin cứ sự-thực về tỏ bày cùng với Pháp-đình gia-tâm tin cậy Đông-Pháp là việc rất hay.

Nhân dịp khánh-thành này, Thiềm-chức xin cám ơn các quan thủ-hiến bản-xứ và các quan công-chính đã đứng lên làm thành cái công cuộc to tát này, lại xin cám ơn quan-lại Annam cùng là nhân dân bản hạt đã đem tâm giúp vào công cuộc này.

Sau Thiềm-chức xin cám ơn các quan Phái-viên Nghị-viện là các bậc đại-biểu nước Pháp đã có lòng hạ-cố đến dự lễ khánh-thành này, xin các quan khi về Mẫu-quốc bày tỏ với Pháp-đình và công-cáo với Đại-pháp quốc-dân rằng Đông-Pháp là một nơi đã có thế sẵn nhân-dân đã biết tự mãnh-miễn, lại mong có Mẫu-quốc ra tay tế-độ cho, thì sau này tất trở nên một xứ đại-phát-đạt, đại-phú-cường.

Sau khi làm lễ khánh-thành ấy, quan Toàn-quyền có gắn bội-tinh cho các quan-chức, các thân-hào và điền-chủ sau này :

Đệ-ngũ-đẳng Long-bội-tinh

M. Auphelle, Auguste, Alfred, Honoré, chánh Kỹ-sư coi việc dẫn-thủy ở Vĩnh-yên.

Đệ-ngũ-đẳng Cao-mên bội-tinh

M. Rousset, Georges, Auguste, Eugène, Kỹ-sư khảo-sát về các công-việc dẫn-thủy ở Vĩnh-yên.

Kim-khánh hạng nhất

M. Normandin, (Albert, Arthur,) Kỹ-sư, chánh Lục-lộ Bắc-kỳ.

M. Desailly, (Gaston, Emile, Gustave) Kỹ-sư ngoại-hạng, khảo-sát về việc dẫn-thủy ở Vĩnh-yên.

M. Cordonnier (Paul-Henri), Kỹ-sư hạng nhất, coi việc dẫn-thủy ở Vĩnh-yên.

Danh-dự bội-tinh vàng hạng nhì

MM. Nguyễn-hữu-Cự Tư-vấn nghị-viên, Nguyễn-hữu-Phong cựu phó Quản-cơ.

Danh-dự bội-tinh bạc hạng nhì

MM. Hoàng-văn-Hợp Chánh-tổng Đình-trụng (Vĩnh-yên); Trần-văn-Gia Chánh-tổng Hoàng-chuê (Vĩnh-yên); Phạm-văn-Khuynh, điền-chủ làng Vĩnh mộ (Vĩnh-yên); Nghiêm-văn Chương, điền-chủ tại làng Vĩnh-mộ (Vĩnh-yên). Ông Nghiêm-văn-Chương vừa 105 tuổi; Trần-ngọc-Thanh Surveillant sở Lục-lộ; Bùi-trung-Lập Chánh-tổng Đông-lộ (Vĩnh-yên).

∴

Các quan Thượng-thư tại Nam-triều

Chiếu theo chỉ-dụ ngày 2 Mars, Hội-đồng các quan Thượng-thư tại Nam-triều đổi lại như sau này:

Cụ Tôn-thất-Hân, Thủ-tướng kiêm Hình-bộ Thượng-thư về hưu, chỉ nay thăng Văn-minh-điện Đại-học-sĩ.

Cụ Nguyễn-hữu-Bài thăng Thủ-tướng và vẫn giữ bộ Lại.

Cụ Hồ-đắc-Trung vẫn giữ bộ Lễ.

Cụ Võ-Liêm Tổng-đốc Bình-định, lĩnh Công-bộ Thượng-thư.

Cụ Trần-đình-Bách, Tổng-đốc Nghệ-an lĩnh Hình-bộ Thượng-thư.

Cụ Phạm-văn-Thụ, Tổng-đốc Nam-định, lĩnh Hộ-bộ Thượng-thư.

Cụ Thân-trọng-Huề vẫn giữ bộ Binh và bộ Học.

∴

Tin-buồn

Bản-chí được tin buồn rằng Madame veuve Nguyễn-ngọc-Chơn née Lê-thị-Bòng tạ-thế tại Định-yên (Long-xuyên). Bà hưởng-thọ 75 tuổi.

Ngày 6 Mars 1923 hồi 10 giờ sáng cất đám.

Trong dịp đau đớn này Bản-chí xin có lời trân-trọng chia buồn cùng bảo-quyến bà Nguyễn-ngọc-Chơn, phần nhiều là bạn đồng-chí của Bản-chí.

CÔNG VIỆC HỘI

CÔNG-THƯƠNG ĐỒNG-NGHIỆP

Hội Bắc-Kỳ Công-Thương đồng-nghiệp là một đoàn-thể lớn nhất trong cõi Đông-Pháp, số Hội-viên tới hai ngàn; Hội-Chánh tại Hanoï; bảy chi-hội lớn có tòa Trị-sự để làm việc là: Hải-phòng, Nam-định, Hongay, Việt-trì, Uông-bí, Thanh-hóa và Tourane; năm chi-hội nhỏ có Đại-biểu uỷ-viên để thay mặt hội là: Lao-kay, Hải-dương, Nghệ-an, Saïgon và Lộc-ninh.

Ngài nào muốn vào hội, xin xem các khoản cốt-yếu trích trong tập điều-lệ đăng sau này thì đủ rõ.

ĐIỀU-LỆ CỐT-YẾU

Khoản thứ 2. — *Mục-đích hội như sau này:*

a) — *Để gây cái tình bằng-hữu, cái nghĩa tương-liên của bạn đồng-nghiệp;*

b) — *Để thông-tin cho bạn đồng-nghiệp biết những sự ích-lợi có can-thiệp đến công-việc mình làm;*

c) — *Để giúp sự ích cho Hội-viên và tìm cách làm cho cảnh-ngộ các Hội-viên được thêm khoái-hoạt;*

d) — *Để đỡ-đần Hội-viên hoặc gia-quyến Hội-viên trong khi biến-cố;*

e) — *Để trông nom tang-lễ cho các Hội-viên khi xảy tới.*

Khoản thứ 4. — *Những đơn xin vào hội phải đưa đến Hội-trưởng. Hội-trưởng chuyển cho tòa Trị-sự xét. Người xin vào hội ít ra phải 22 tuổi và có hai người Hội-viên nhận đưa vào. Phải nói rõ trong đơn xin vào hội rằng đã xem điều-lệ hội và tình-nguyện xin theo các khoản trong điều-lệ ấy.*

Khoản thứ 8. — *Tiền vốn của hội là những món này:*

1°/ *Tiền nhập-hội 2p.00, các Chủ-trì Hội-viên phải đóng sau khi Chính-phủ duyệt-y điều-lệ hội;*

2°/ *Tiền góp từng tháng là 0p.50 (trừ Danh-dự Hội-viên, Tán-trợ Hội-viên và Vĩnh-viễn Hội-viên không phải đóng);*

3°/ *Tiền Hội-viên quyên vào hội;*

4°/ *Tiền đóng của các Vĩnh-viễn Hội-viên;*

5°/ *Tiền của người ngoài cúng.*

Khoản thứ 27. — *Hội-viên đều phải đóng tiền tháng vào hội như đã định ở khoản thứ 8 § 2.*

Vào hội giữa tháng hay cuối tháng mặc lòng, cũng phải đóng cả tháng. Khi Hội-viên bị bệnh hay nghỉ dưỡng-bệnh, cũng phải đóng tiền tháng, trừ những khi viên Hội-trưởng cho miễn thì được thôi.

Hội-viên có thể tùy ý mà đóng tiền trước mấy tháng, mấy năm cũng được.

Ai mới xin vào hội thì phải nộp tiền nhập-hội là 2p.00 (định ở khoản thứ 8, § 1) và tiền tháng đầu vào hội.

Khoản thứ 29. — *Khi con-cái những Hội-viên nào gặp cảnh-ngộ nguy-nan, thì tòa Trị-sự sẽ bàn-định để cho tiền trợ-cấp hàng năm là bao nhiêu để làm tiền học cho con trẻ ít tuổi, hoặc để giúp mà tìm việc cho trẻ đã đến tuổi khôn lớn.*

Tìm việc làm như thế, do ở tòa Trị-sự, lấy tập biên-bản để bá-cáo cho các Hội-viên biết những chỗ làm nào hội có người định xin cho. Những Hội-viên cũng phải cho biết rằng chỗ nào khuyết người làm, hay là sẽ tìm được chỗ làm cho người cần việc.

Khoản thứ 33. — *Mỗi khi một Hội-viên mất, thì hội phúng món tiền tang-lễ từ 25 đến 50p.00.*

Khoản thứ 34. — *Mỗi khi chính-thất một Hội-viên mất, thì phúng từ 20p.00 đến 30p.00.*

Nếu tang-gia từ-chối tiền phúng ấy thì hội sẽ định đưa đồ viếng đáng trong 10p.00.

Khoản thứ 35. — *Mỗi khi cha mẹ hay cha mẹ vợ, hoặc vợ cả một Hội-viên nào tạ-thế, thì hội cỏ lệ thường đưa lễ phúng đáng 3, 4p.00.*

Khoản thứ 36. — *Nếu vợ góa con côi các Hội-viên mà gặp cảnh cùng-túng, thì tòa Trị-sự sẽ định cấp tiền giúp hàng năm.*

Cấp tiền ấy chỉ trong 3 năm thôi.

Nếu vợ góa con côi các Hội-viên có ý muốn về quê hương thì tòa Trị-sự phải thu-xếp cho người ta về.

Khoản thứ 40. — *Cứ mỗi năm, tháng giêng tây thì tòa Trị-sự đưa giấy mời Đại-hội-đồng để bầu lại tòa Trị-sự, hoặc xét công-việc tòa Trị-sự và những lời yêu-cầu đã nhận được.*

Khi có việc bất-kỳ xảy ra, thì tòa Trị-sự có quyền họp Đại-hội-đồng; hoặc 15 viên hội ký giấy xin viên Hội-trưởng họp Đại-hội-đồng cũng được.

Viên Thư-ký theo ý viên Hội-trưởng mà định những việc gì hội-đồng phải xét đến và định ngày giờ nào họp hội-đồng, mà họp ở nơi nào.

Đại-hội-đồng họp như thế, nếu chia tư có mặt được một phần Hội-viên; thì những lời bàn của hội-đồng mới có giá-trị.

Hội-đồng bàn-định những gì, có lập biên-bản; định việc gì phải cả công-chúng cùng thuận mới được.

Khoản thứ 50. — *Toàn hạt Bắc-kỳ, tỉnh nào có 12 người Hội-viên thì cũng có thể đặt một chi-hội được.*

Những chi-hội ấy phải Hội-đồng Quản-trị Hanoi cho phép lập nên và công-việc phải đệ trình cho Hội-đồng Quản-trị Hanoi xét.

PHIẾU HỘI-VIÊN

Ngài nào mới vào hội, xin gửi ngay hai cái ảnh 4x6 và khai tên, tuổi, việc làm, quê quán, chỗ ở, gửi về Hội-Chánh để làm Phiếu Hội-viên.

ĐỔI CHỖ Ở

Ngài nào đổi chỗ ở hay đương làm sở này sang sở khác, xin viết thơ về Hội-Chánh cho tòa Thư-ký tiện việc cải-chính trong bộ sổ-cái.

NHÀ HỘI-QUÁN HỘI-CHANH

Số 58, Phố Hàng Bông — Hanoi

Các viên-chức giao-thiệp với toàn-thể hội.

Hội-trưởng	M. NGUYỄN-HUY-HỢI
Thủ-quĩ	M. LÊ-ĐÌNH-KHOA
Thư-ký	M. NGUYỄN-THỐNG

GIẤY XIN VÀO HỘI

BẮC-KỲ CÔNG-THƯƠNG ĐỒNG-NGHIỆP

Tên tôi là ..... làm việc tại sở .....

..... ngụ ở ..... năm nay ..... tuổi, quán làng

..... tổng ..... phủ (hoặc huyện) .....

tỉnh ..... đã xem điều-lệ Hội Bắc-Kỳ Công-Thương đồng-nghiệp, *(Association Amicale des Employés de Commerce et d'Industrie du Tonkin)*, xin vào một chân Chủ-trì Hội-viên *(Membre actif)* của hội, sau khi đã được vào hội, xin tuân theo mọi điều-lệ hội

Ngày ..... tháng ..... năm 192 .....

Ký tên

CÁC TIN TRONG HỘI

Bản-hội mở ra mục này để đăng-tải các tin buồn, tin mừng, tin thuyên-chuyển vân vân... của các Hội-viên trong Hội. Vậy ngài nào có tin-tức gì xin gửi thư riêng về cho ông Hội-trưởng ngoài bì đề là « Các tin trong hội » để tiện việc bóc thư.

Tòa Thư-ký Hội-Chánh.

Biên-bản trong Hội. — *Tòa Thư-ký Hội-chánh có lời thông-đạt cùng các Tòa Trị-sự trong toàn-thể hội rằng về các biên-bản các kỳ Đại-hội-đồng, Hội-đồng thường-nguyệt hay Hội-đồng bất-thường xin theo mẫu như các biên-bản của Hội-Chánh làm mà gửi về để khi đăng báo cho tiện.*

Xin nhớ kỹ cho :

1· Các danh-sách người trong biên-bản phải viết đủ cả họ và có chữ hoa cả ;

2· Phải viết một mặt thôi ;

3· Cuối biên-bản phải viết rõ-ràng cả danh-sách của viên Hội-trưởng chủ-tọa và viên Thư-ký của kỳ hội-đồng đó ;

4· Khi xong hội-đồng phải gửi ngay về Hội-Chánh để kịp đăng-tải cho các Hội-viên được biết các công-việc trong hội ; nhiều nơi để đọng lại lâu quá không gửi về thành ra việc đăng biên-bản không được đều.

Ứng-cử vào tòa Trị-sự Hội-Chánh. — *Tòa Trị-sự Hội-Chánh có lời thông-đạt cho các Hội-viên trong hội (kể cả viên-chức trong tòa Trị-sự cũ) biết rằng đến tháng Avril 1923 này Hội-Chánh sẽ họp kỳ Đại-hội-đồng thường-niên để bầu lại cả tòa Trị-sự. Vậy ngài nào có lòng nhiệt-thành muốn ra gánh-vác công việc hội, xin gửi đơn ứng-cử bằng thư gửi kỹ* (lettre recommandée) *đến ông Hội-trưởng Nguyễn-Huy-Hợi, Chef du service de Crédits aux Grands Magasins Réunis Hanoi, để rõ-ràng tên, tuổi, chỗ ở, việc làm, hạn đến ngày 31 Mars 1923 là cùng.*

Việc Thủ-quĩ. — *Nhiều ngài Hội-viên ở xa, người tùy-phái bản-hội không đến thu-lĩnh tiền nguyệt-cấp được. Vậy xin các ngài làm ơn gửi về cho, để hội kịp làm sổ quĩ trình Đại-hội-đồng vậy.*

Phiếu Hội-viên. — *Có nhiều ngài gửi ảnh về không đề đủ chỗ ở hay chức-việc mình nên ban Tiểu-hội-đồng « Phiếu hội-viên » không biết đâu mà gửi giả phiếu .*

Nhiều ngài lại gửi ảnh lớn quá thành ra khi gián vào phiếu không được nhã lắm.

Vậy xin cứ gửi ảnh và đề đủ như ở mẫu phiếu đã đăng trong kỳ Hữu-Thanh 33-34 trước.

Tin buồn

Hội được tin hai ông Hội-viên của chi hội Haiphong là ông Nguyễn-Văn-Hạp, tòng-sự tại Sté Cimenterie và ông Nguyễn-Văn-Thuyết, tòng-sự tại Sté des Ateliers Maritimes, tạ-thế trong tháng Décembre 1922. Hội lấy làm thương-tiếc hai ông Hội-viên rất nhiệt-thành với hội, và xin chia buồn cùng hai nhà tang-chủ.

Hội được tin cụ nhạc-phụ ông Cao-Hữu-Lập, Hội-viên chi hội Việt-trì tạ-thế trong tháng Janvier 1923 tại làng An-Lão. Vậy hội có lời chia buồn cùng ông Lập và qui-ngoại-quyến.

Phái-bộ Nghị-viện Đại-Pháp với hội Công-Thương đồng-nghiệp

Ngày 21 Février 1923 hồi 10 giờ rưỡi sáng, Phái-bộ Nghị-viện Đại-Pháp MM. có Maître, Perreau-Pradier, Valude tiếp các đại-biểu các hội ở phủ Toàn-quyền, hội Bắc-kỳ Công-Thương đồng-nghiệp ta cũng được cái hân-hạnh dự trong số ấy.

Đại-biểu của hội ta có những ông sau này : MM. Nguyễn-Huy-Hợi, Hội-trưởng ; Bạch-Thái-Sơ, Lê Ngọc-Giản, Nguyễn-Thượng-Huyền, Bùi-Thiện-Nhân, Nguyễn-Duy-Nho, Phan-văn Điển ; Trần-Đức-Mưu (Thư-ký chi hội Viétrì).

Các ông Nghị-viên Pháp tiếp đãi rất ân-cần. Ông Hội-trưởng Nguyễn-Huy-Hợi có giải bày tình-hình và thế-lực hội ta cùng các ông nghe và yêu-cầu hai điều : 1· Xin thi-hành luật lao-động tại thuộc-địa ; 2· Xin cho các hạng người tòng-sự Công Thương cũng được có quyền bầu-cử như hạng người tòng-sự nhà-nước.

Các ông Nghị-viên nói những điều đó chưa thể trả lời ngay được, vì đó là những điều yêu-cầu phải trình cả Nghị-viện xét trước đã, vậy phải làm một cái giấy kể rõ những khoản yêu-cầu ấy gửi lên cho các ông, rồi đến khi về Pháp, các ông sẽ đưa trình Nghị-viện và bênh-vực cho những khoản yêu-cầu ấy sẽ được như nguyện.

Hội-đồng Trị-sự hiện đã đệ giấy ấy trình các ông Phái-bộ Nghị-viện Pháp rồi.

CUNG CHÚC TÂN NIÊN

LÊ-NGOC-GIAN
NGUYÊN-THONG
NGUYÊN-DUY-NHO

Membres du Conseil d'Administration
de l'A.M.E.C.I. centrale

Hội Chánh Hà-nội

Biên-bản kỳ Tiểu-hội-đồng thường-nguyệt ngày 2 février 1923.

Hiện-diện có những ông: Nguyễn-Huy-Hợi, Lê-Ngọc-Giản, Nguyễn-Duy-Nho, Lê-Sĩ-Mão, Nguyễn-Thống Bùi-Thiện-Nhân, Phan-Văn-Điển, Nguyễn-Thượng-Huyền.

Vắng mặt có giấy kiếu: MM. Trần-Đình-Quang, Nguyễn-Bá-Thiệu, Lê-Đình-Khoa, Nguyễn-Tiến-Ân, Lưu-Đức-Khang, Nguyễn-Long, Nguyễn-Đình-Liên, Bạch-Thái-Sơ.

Vắng mặt không có giấy kiếu: MM. Tạ-Công-Viết, Đào-Trinh-Nhất.

Đúng tám giờ ông Hội-trưởng Nguyễn-Huy-Hợi khai hội-đồng bàn những việc theo chương-trình như sau nay.

1° Trình các thư của hội. — *Ông Hội-trưởng trình các bức thư trong hội như sau này:*

Thư của chi hội Tourane ngày 10 Janvier 1923 hỏi Hội-Chánh về công-việc chi hội khi mới thành-lập nên làm thế nào. Hội-Chánh đã viết thư trả lời.

Thư của chi hội Tourane ngày 22 Janvier 1923 hỏi Hội-Chánh về các khoản tiền của chi hội đã đóng góp về Hội-Chánh khi chi-hội Tourane chưa thành-lập thì nay có tiện trả về chi hội Tourane không? Hội-đồng nói rằng những khoản tiền đó cứ nên để ở quĩ Hội-Chánh, vì rằng dầu ở đâu cũng là của hội cả, ví như có một ông Hội-viên ở chi hội nào tới Hanoi chưa kịp đóng tiền nguyệt-cấp tháng nào mà đã cần đến hội tư-cấp cho ngay thì Hội-Chánh cũng phải tư-cấp như khi vẫn đóng-góp vào Hanoi vậy. Hội-đồng giao cho ông Thư-ký Nguyễn-Thống viết thư trả lời.

Thư của chi hội Tourane ngày 14 Janvier 1923 và chi hội Haiphong ngày 18J anvier 1923 trả lời thơ Hội-Chánh hỏi về việc xin Chính-phủ quyền bảo-cử cho các Hội-viên hội Công-Thương đồng-nghiệp và các bạn tòng-sự các sở công-thương khác, hai chi-hội đều nói một ý với Hội-Chánh muốn dựa vào sự làm việc lâu năm và đúng hạn tuổi để xin. Hội-đồng nói rồi sẽ định sau để làm đơn xin.

Thư của ông Bạch-Thái-Bưởi, Tán-trợ Hội-viên bản-hội ngày 24 Janvier 1923 cám ơn hội đã viết thư mừng ông được thưởng-thụ Bắc-đẩu bội-tinh và đã viết bài mừng ông trên báo Hữu-Thanh.

Thư của chi-hội Việt-trì ngày 26 Janvier 1923 giới-thiệu cùng Hội-Chánh một ông Hội-viên muốn tìm việc. Hội-đồng định sẽ tìm việc cho ông đó.

2° Định việc Đại-hội-đồng các chi hội. — *Hội-đồng định viết thư cho các chi-hội hỏi xem trong kỳ Đại-hội-đồng năm nay, nơi nào muốn bầu lại Tòa Tri-sự xin viết thư báo cho Hội-Chánh biết ít ra là nửa tháng trước ngày Đại-hội-đồng.*

3° Định việc bá-cáo cho các viên muốn ứng-cử vào Tòa Trị-sự Hội-Chánh. — *Ông Nguyễn-Thống trình hội-đồng bản bá-cáo để đăng báo. Hội đồng ưng-thuận.*

4° Xét sổ quĩ. — *Ông Phó Thủ-quĩ Lê-Ngọc-Giản trình sổ quĩ tháng Janvier 1923. Hội-đồng ưng-thuận.*

5° Việc cổ-động. — *Hội-đồng định làm giấy dạt gửi cho các bạn tòng-sự các sở công-thương để mời các bạn vào hội một ngày một đông cho thế-lực hội ngày một mạnh.*

Đúng 9 giờ rưỡi không còn việc gì bàn nữa, hội-đồng giải-tán.

Le Secrétaire — Nguyễn-Thống
Le Président, — Nguyễn-Huy-Hợi

Chi Hội Haiphong

Biên bản tiểu-hội-đồng thường nguyệt ngày 13 Décembre 1922

Ngày thứ tư 13 Décembre 1922 đúng 8 giờ chiều tòa Trị-sự chi-hội Công-Thương đồng-nghiệp Haiphong họp tiểu hội-đồng thường-nguyệt tại nhà hội Trí-trí, hiện diện có:

Ông Phạm-Cao-Kương (làm chủ tọa) Nguyễn-Xuân-Đài, Vũ-Đức-Hồi, Nguyễn-Đức-Hân, Vũ-Thiện-Nghị, Phạm-Kim-Bảng, Đoàn-Mạnh-Giu Nguyễn-Thái-Định, Hoàng-Tiến-Minh Quách-Đình-Thọ, Đặng-văn-Ngần Phạm-văn-Trung, Paul-Văn, Đỗ-Lã-Vượng Tạ-Quang-Cát, Đỗ-Khải-Thường.

1· Trình những ông xin vào hội. — *Ông Hội-trưởng trình các đơn xin vào hội của những ông:*

Ông Đỗ-Đức-Chi, Secrétaire de la Sté des Ateliers Maritimes Haiphong.

Ông Trần-Nguyên-Phúc, Employé à l'Usine des Phosphates Haiphong.

Ông Đặng-Văn-Trung, Secrétaire dactilographe à la Sté des Phosphates Haiphong.

Ông Trần-Văn-Bích, Interprète à la Sté des Phosphates Haiphong.

Ông Đặng-Văn-Y, Employé à la Sté des Phosphates Haiphong.

Ông Nguyễn-Mạnh-Kiêm, Employé à la Sté des Phosphates Haiphong.

Ông Trần-Thiện-Nhân, Employé Mon F. Vidry, Avenue de Belgique Haiphong.

Ông Trần-Thiện-Uẩn, Employé Mon F. Vidry, Avenue de Belgique-Haiphong.
Hội-đồng đều ưng-thuận.

2· Xét sổ chi-thu. — *Ông thủ-quĩ trình hội-đồng sổ chi-thu về tháng Novembre 1922 mà ông Kiểm-soát ủy-viên đã kiểm-duyệt các khoản thu-nhập và chi-tiêu như sau này:*

Số tiền còn lại quĩ đến ngày 31 Octobre 1922 . . .	*80 p. 00*
Số tiền gửi tại nhà Đông-Pháp Ngân-hàng năm 1922 . .	*262, 76*
Số tiền gửi tại nhà Thực-Nghiệp Ngân-hàng năm . 1922	*202, 44*
4 phiếu Quốc-trái Đông-Pháp	*200, 00*
Tiền nhập hội của hai ông Hội-viên mới vào hội.	*4, 00*
Tiền nguyệt-cấp.	*57, 50*
Tiền quyên làm nhà Hội-quán	*25, 00*
Cộng	*831, 72*

Chi-tiêu : Tiền trợ-cấp ông Hoàng-đức-Châm có bà nội-tướng tạ-thế . . .	20p.00
Tiền lễ viếng bà nội-tướng tạ-thế	4, 00
Tiền công người thừa-sai	9, 00
Tiền xe cho người thừa-sai và giấy.	0, 94
	34 p. 64
Số tiền ký tại nhà Đông-Pháp Ngân-hàng đến 30 Septembre 1922.	342, 76
Số tiền ký tại nhà Thực-nghiệp Ngân-hàng đến 30 Septembre 1922.	202, 44
4 phiếu Đông - Pháp quốc-trái :	200, 00
Còn tại quỹ đến ngày 30 Novembre 1922	51, 88
Cộng.	831, p, 72

Trong số tiền này không kể số tiền mua đất đã tính từ kỳ trước.

3· **Tán - trợ hội - viên.** — *Ông Hội-trưởng trình hội-đồng rằng ông Trần - Thiện - Lập làm việc ở nhà Vidry Dock là một người hào-hiệp hay sẵn lòng tán-thành những việc công-ích, cho nên ông Hội-trưởng đã viết thư mời ông nhận chức Tán-trợ Hội-viên của hội; ông Trần-Thiện-Lập thấy chủ-nghĩa của hội đáng khen đáng kính, ông có thư trả lời cho hội biết, ông lấy làm vui lòng nhận chức Tán-trợ Hội-viên của hội và xin giúp hội một món tiền là 60 p. 00. Cả hội-đồng đều lấy làm thâm-phục tấm lòng quý-hóa của ông và xin nhờ ông Hội-trưởng thay mặt cả hội mà cảm-tạ ông.*

4· **Việc lấp đất làm nhà hội-quán.** — *Hội-đồng bàn rằng chỗ đất hội mua để làm nhà hội-quán thì phía trong còn một phần chưa lấp và các chỗ khuyết-liệt phải nên sửa sang cho bằng thẳng, vậy hội-đồng định trích một số tiền để thuê lấp bằng cát đen và giao cho một Tiểu hội-đồng là ông Vũ-đức-Hồi, Phạm-kim-Bảng, Quách-đình-Thọ và Hoàng-tiến-Minh định-liệu rồi trình hội-đồng để cho mọi người đến thầu, ai bỏ hạ giá thì cho, như thế mới được công bằng. Hội-đồng đều ưng-thuận.*

5· **Cuộc diễn-kịch.** — *Ông Vũ-Đức-Hồi trưởng-ban tổ-chức cuộc diễn-kịch lấy tiền giúp việc làm nhà Hội-quán trình hội-đồng rằng các việc xếp đặt đã gần xong duy có việc bán vé kỳ trước đã giao các viên-chức đi bán, nay xem ra bán cũng đã được nhiều lắm, các số tiền đã bán được thì đã giao tại ông Thủ-quỹ và các vé còn lại xin các anh em lại chuyển giao để đi bán, đợi đến hôm gần mở cuộc hát sẽ soạn lại một lần nữa thì tiện hơn. Hội-đồng đều lấy làm phải.*

6· **Bản dự-toán làm nhà Hội-quán.** — *Ông Nguyễn-Xuân-Đài trưởng-ban làm bản dự-toán trình hội-đồng rằng kỳ trước ông chưa soạn kịp xin hoãn đến kỳ này, nhưng hiện nay kiểu nhà đã nhờ ông Đỗ-Khải-Thường đã phác họa xong, các chỗ xếp đặt xem thực là trang-nhã và tiện duy có bề mặt thì nếu hội định được một kiểu rất hoàn-toàn trang-nhã hơn thì hội nên đặt giải để công-chúng ai có kiểu gì đẹp hơn thì hội sẽ chấm lấy, như thế thì còn có nhẽ hơn. Ông Nguyễn-Đức-Hân nói rằng muốn được kiểu-mẫu đẹp thì phải nên thi mới được hoàn hảo, nhưng hội-đồng cũng phải nên cho các nhà họa kiểu thi biết ý-kiến và thể-cách của hội định và nhất là bản dự-toán định làm là bao nhiêu tiền, chứ bản dự-toán không dự-định thì e rằng các nhà vẽ kiểu không có giới-hạn mà vẽ, vì kiểu được đẹp cũng phải do ở số tiền làm nhà mới được, chứ không cho biết trước thì ví như được một kiểu rất đẹp nhưng theo kiểu ấy thì phải làm tới nhiều tiền, đến lúc ấy hội-đồng định thế nào ? Hội-đồng đều lấy làm phải, và số tiền làm nhà, tuy bản dự-toán chưa làm, nhưng trước chừng độ 5, 6 nghìn giở lại, còn giải thưởng kiểu nhà : giải nhất định là 50 p. 00 giải nhì 30 p. 00. Ông Phạm-Kim-Bảng bàn rằng nếu thi kiểu nhà thì hội nên đăng vào các báo để mọi người biết còn cách-thức thì ta gửi nhờ các chi hội, ai ở các tỉnh xa thì cứ đến chi hội tỉnh ấy mà hỏi, còn ở bản tỉnh thì xin hỏi tại nhà ông thư-ký số 81 phố Cầu-đất là nơi trung-độ. Ông Phạm-Văn-Trung nói rằng kiểu mẫu nhà hội sau này dẫu được hoàn-mỹ nhưng còn lo một điều nữa là việc xin phép, vì là hội-đồng vệ-sinh nhà-nước ngặt lắm mà chiều ngang đất của hội thì hẹp có 10 thước thôi. Ông Nguyễn-xuân-Đài nói rằng việc ấy hội-đồng không ngại, ông xin đoan đến lúc bấy giờ ông sẽ cùng với các ông ở Tiểu-hội-đồng trông nom việc làm nhà hội, điều-đình thế nào cũng xin được phép cho hội.*

7· **Thư cảm ơn.** — *Ông Lê-Văn-Minh làm ở nhà Standard có cụ thân-sinh tạ-thế, hội đã đến viếng và đưa đám cụ, nay ông Lê-văn-Minh lại có thư cảm-tạ hội.*

8· **Người thừa-sai của hội xin tăng lương.** — *Người làm việc của hội đã làm với hội được một năm nay có thư xin tăng lương, vậy hội-đồng chuẩn y tăng lương lên mỗi tháng là 10 p. 00 kể từ tháng Décembre 1922 này và khuyến khích nên chăm chỉ việc hội.*

Đúng 11 giờ thì hội-đồng giải tán.

Hội-trưởng

PHẠM-CAO-KƯƠNGUE

Thư-ký

NGUYỄN-ĐỨC-HÂN

Chi Hội Việtri

Biên-bản Tiểu Hội-đồng thường-nguyệt ngày 24-12-1922 hồi 15 giờ tại Hội-quán.

Hiện-diện có những ông : Nguyễn-thế-Long, Đỗ-đình-Danh dit Lam, Trần-đức-Mưu, Trần-đức-Thịnh, Đào-văn-Bỷ, Tạ-van-Sinh, Bùi-đức-Tú, Đặng-Hiền và Nguyễn-ngọc-Sán.

Vắng mặt có lời kiếu : MM. My, Quì và Thuần,

Đúng 15 giờ khai Hội-đồng.

1° **Hội viên mới.** — *Ông Hội-trưởng nói : Ông Ngô-văn-Tú xin vào Hội từ 24-11-22 do ông Ủy-viên Hưng-hóa Nguyễn-đình-Lợi giới-thiệu đến nay không có điều gì dị-nghị Hội-đồng điều hoan-nghênh vào Hội.*

2° **Giấy xin vào Hội.** — *Ông Hội-trưởng trình 3 cái giấy xin vào Hội của ông Cao-hữu-Lập Chánh hương-hội, ông Cao-văn-Dô, bá-hộ và ông Nguyễn-hữu-Gia, Trưởng xóm làng An-Lão, hội-đồng giao cho ban Trị-sự xét, nếu trong một tháng không có điều gì dị-nghị sẽ có giấy nhận vào Hội.*

3° **Thuyên chuyển.** — *Được tin ông Nguyễn-văn-Bình ở Phủ-Đoan đổi về*

Hanoi. Ông ở Phủ-Đoan khởi hành hôm 7-12-22 anh em hội-viên ở Phủ-Đoan đều đi tiễn chân ra tại bến tầu — Khi ông tới Viétri đã khuya, ông Mưu đón ông vào nghỉ tại Hội-quán. Hôm sau ông Long, Chi, Qui, Mưu, Lâm, Thuần và Sinh ra tiễn ông tại ga — Được mấy hôm sau ông có gởi thư cảm ơn Hội đã đưa đón ông thân tình như vậy.

4° Kiểu Hữu-phả. — *Ông Hội-trưởng về Hanoi có đem cái kiểu Hữu-phả về để các Hội-viên xem các hội-viên điều bằng lòng cả.*

5° Việc sổ số. — *Ông Hội-trưởng nói: Theo như báo Hữu-Thanh số 30 về cuộc sổ số hàng năm, có 4 hội tây và hội Công-Thương Đồng-Nghiệp ta được dự vào cuộc sổ số ấy. Trừ tiền Phiếu và tiền phí-tổn còn bao nhiêu chia ra làm năm thì Hội ta được một phần ước chừng độ năm sáu nghìn một năm. Như thế cũng là hân-hạnh cho Hội ta lắm.*

Hội-đồng xin cảm ơn ông Hợi và ông Giản đã thay mặt Hội đi trù liệu về cuộc sổ số ấy.

6° Tiền nguyệt-cấp. — *Ông Phó-thủ-quĩ Đỗ-đình-Lâm nói: Tiền nguyệt-cấp và tiền bàn ghế duy còn mấy ông chưa đóng xin các ông từ giờ đến 31-12-22 nhớ đóng cho để tiện việc cộng sổ cuối năm và đăng báo.*

7° Dự Lễ Khánh thành trường An-Lão. — *Ông Hội-trưởng nói: Hôm 14-12-22 ông có nhận được giấy của ông Chánh-hương-hội làng An-Lão mời Hội đi dự lễ khánh-thành trường Levêque. Ông Long và ông My đã thay mặt Hội đi dự lễ và ông có thuật các sự hai ông đã quan-sát.*

8° Hội-quán. — *Hội-đồng nhờ ông Hội-trưởng nhắc lại ông Bá-Lưu về việc lắp kính và sơn cửa nhà Hội-quán, ông Hội-trưởng lĩnh ý.*

9° Việc thuê Trạng-sư. — *Ông Long nói: Hội ta ngày thêm bành-trướng số hội-viên càng ngày càng đông, thế lực Hội một ngày một to mà mục-đích Hội ta lấy chữ tương-cấp, tương-trợ, tương-thân tương-ái làm chủ-nghĩa mà xem ra về sự tương-cấp, tương-trợ còn khuyết điểm một phần rất là hệ trọng. Như anh em trong Hội hoặc có ông nào phải sự oan ức, hoặc tự nhiên sảy đến cho mình, hoặc mình làm vô-ý, thì Hội đành chịu thúc thủ mà chông thôi, không có thể giúp nhau được việc gì, vì trong Điều-lệ không có nói đến — Nếu ta muốn trọn được chữ tương cấp, tương trợ, thì ta nên bàn với Hội-chánh để hỏi ý-kiến các chi hội để Hội thuê Trạng-sư đồng niên; trước là trông nom cho Hội, sau nữa dù trong Hội có ông Hội-viên nào bị việc oan ức gì, hoặc mình làm sơ suất ra thì đã sẵn Trạng-sư đó cho đỡ tốn. Nếu mà Hội xét ra thực oan ức thì Hội sẽ giúp đỡ một phần, mà việc sơ suất tại mình làm ra thì Hội chỉ giúp công mà thôi. Còn tiền phí-tổn mình phải chịu. Như thế thì mới lọn nghĩa chữ tương cấp, tương trợ được. Ví dụ Hội-chánh Hanoi thuê tầy 2 ông để trông nom Hội-chánh và các chi Hội: Haiphong 1 ông và Nam-định 1 ông, đợi, khi chánh-phủ cho phép đổi ra Đông-pháp Công-Thương Đồng-nghiệp ở Trung, Nam-kỳ ta sẽ thuê mỗi nơi một ông — Nếu đóng 0 p. 50 không đủ thì xin đóng thêm cho ta có thể thuê được Trạng-sư để giúp-đỡ anh em trong Hội trong khi làm nguy thì thực mới là tình hữu-ái.*

Như sự thăm nom nhau khi đau yếu, thăm viếng tứ thân phụ mẫu là sự cố-nhiên rồi, còn sự tư-cấp nhau trong khi đau yếu thì trăm ông mới có một ông, chứ cũng không có hai; bất đắc dĩ lắm mới chịu sự tư cấp. Ấy chứ cũng vị tất đã muốn. Thế có phải tình anh em lúc yếu đau đã không muốn chịu sự tư cấp mà lúc anh em bị kẻ khác áp-chế mà Hội chịu thúc-thủ thì sao gọi là tương trợ được. Ông Tú nói: Thuê Trạng sư thì chi hội phải giả cả tiền hay toàn-thể Hội Công-thương. Ông Mưu nói: có lẽ nào mà một chi-hội giả được, phải toàn-thể Hội mới được, việc này ta bàn với Hội chánh để hỏi ý-kiến các Chi-hội nếu thỏa thuận cả mà nếu tiền công không có, ta phải tính số Hội-viên ra mà trù liệu, vả chăng Hội ta nay đã tới 2000 hội-viên xem ra cũng không khó — Ông Lâm, ông Thịnh, ông Bỳ và ông Sinh nói rằng: ý-kiến bốn ông cũng sở ước như vậy, nếu được như thế mới trọn 2 chữ tương-trợ và xin ông Hội-trưởng kíp điều-đình với Hội-chánh để hỏi ý-kiến các chi hội — ông Hội-trưởng xin lĩnh ý.

Đến 16 giờ rưỡi hội-đồng giải tán.

Thư-ký — Hội-trưởng

TRẦN-ĐỨC-MƯU — NGUYỄN-THẾ-LONG.

Cuộc thi vẽ kiểu nhà Hội-quán

Hội Bắc-kỳ Công-Thương đồng-nghiệp (chi-hội Haiphong) định treo giải vẽ kiểu nhà Hội-quán.

Ngài nào vẽ ra ý rõ là nhà Hội-quán của hội Công-Thương, bản-hội lại xin hiếu thêm phần thưởng đặc-biệt nữa.

Giải nhất. . . . . 50 p. 00
Giải nhì. . . . . 20 p. 00

Các nhà danh-họa ai có lòng hảo-tâm muốn vẽ dùm hội xin mời đến:

Haiphong: ông Thư-ký Nguyễn-đức-Hân số 81 phố Cầu-đất;

Hanoi: ông Hội-trưởng Hội-Chánh Nguyễn-huy-Hợi số 53 phố hàng Thiếc:

Nam-định: ông phó Hội-trưởng Trần-hữu-Phương, Thư-ký nhà máy Rượu;

Hongay: ông Hội-trưởng Nguyễn-công-Trực, Thư-ký sở Than;

Viétri: ông Hội-trưởng Nguyễn-thế-Long, Thư-ký Cie Yunnam;

Uông-bí: ông Hội-trưởng Vũ-bá-Lượng, Sở mỏ Than;

Thanh-hóa: ông Hội-trưởng Trần-thiện-Kế. Sở Rượu;

Laokay: ông Ủy-viên Nguyễn-văn-khôi chef gare Lahati;

Hải-dương: ông Ủy-viên Tạ-đình-Thận, Nhà máy Rượu;

Nghệ-an: ông Ủy-viên Đào-đình-Phê-Phong, hiệu Đào-phong-đường;

Tourane: ông Ủy-viên Ưng-Hạ, Sở Fiard et Cie;

Saigon: ông Ủy-viên Nguyễn-văn-Thượng, Chủ-nhiệm Nam-kỳ kinh-tế báo;

Lộc-ninh: ông Ủy-viên Trần-khắc-Cần Đồn-điền Cao-su;

Để xem kiểu đất, và ý-kiến của hội đã tạm phác. Hạn trong hai tháng cho đến ngày 15 Mars 1923 là cùng, ai vẽ xong xin gửi thẳng về chi hội Haiphong, ngày chấm kiểu sẽ định sau, vẫn sẽ đăng báo.

ÍCH-HỮU-THƯ-XÃ

Tờ đạt mời đại-hội đồng thường niên

Thưa ngài,

Xin kính mời ngài đúng hai giờ chiều hôm 18 Mars 1923, tức là mồng hai tháng hai Annam quá bộ lại họp đại hội-đồng thường-niên tại nhà hội-quán, số nhà 58 phố hàng Bông Hanoi.

CHƯƠNG TRÌNH

1° Nghe tờ trình của viên Chủ-Nhiệm.

2° Nghe tờ trình của ban Kiểm-Xoát.

3° Quyết định các công việc nhà in, và việc thu tiền cổ-phần.

Kỳ đại hội-đồng này có mấy điều rất trọng hệ phải bàn đến, vậy nếu ngài nào, hoặc ở xa, hoặc bận việc, xin gửi giấy giao-quyền về cho trước ngày đại hội-đồng, và ngài nào có giấy giao-quyền cũng xin đưa lại trước cho, để tiện công việc. — Cũng có một vài ngài gửi thư hỏi đóng tiền cổ-phần đã được bao nhiêu, vậy nên giấy ký có mặt tại đại hội-đồng (feuille de présence) có kê đủ số tiền đã đóng hiện có trong sổ quỹ Hội.

Từ thứ hai 13 Mars 1923. — Tờ bilan (chục tính lỗ lãi) sẽ để riêng một bản tại nhà Hội. — Ngài nào muốn xem, xin cứ giờ làm việc, lại mà xem.

Nay kính :

Chủ - Nhiệm : NGHIÊM - VỊNH

Kiểm - Xoát trưởng - ban

LÊ-ĐÌNH-KHOA

Établissements TIẾN-ĐỨC

84-86, Avenue Paul Doumer, 84-86

HAIPHONG

AMEUBLEMENT GÉNÉRAL

SPÉCIALITÉ

MEUBLES ARTISTIQUES DÉMONTABLES

THĂNG-LONG

15, Rue du Chanvre, 15

HANOI **(Tonkin)**

Bản-hiệu chuyên nghề làm khăn-xếp, xin các ngài chiếu-cố cho. bản-hiệu sẽ xin chiều được lòng các ngài.

THĂNG-LONG *cẩn-bạch.*

GRANDS MAGASINS RÉUNIS

ĐÔNG-PHÁP ĐẠI-THƯƠNG-CỤC

NHÀ GỖ-ĐA HÀ-NỘI

HÃNG BUÔN RỘNG NHẤT Ở ĐÔNG-PHÁP

Nhiều thứ hàng nhất

NÀY THỬ XEM KHU HÀNG MỚI SANG :

NÀO HÀNG PHA-LÊ, ĐỒ DÙNG TRONG NHÀ, ĐỒ BẰY

TRONG NHÀ, ĐỒ ĐIỆN, HÀNG GIẦY

HÀNG THỢ MAY

MỘT NGƯỜI CAI CẮT ÁO VÀ MỘT NGƯỜI CAI THỢ GIẦY NGƯỜI PHÁP CHUYÊN LÀM CHO HIỆU

CÓ MỘT KHU RIÊNG BÁN CÁC VẬT-THỰC

Nên đến lấy quyển mẫu hàng về mà xem.

HẰNG-PHONG DIT NGUYỄN-THÀNH-CỰ

Bijouterie et commerçant

CAOLANH

Bán đồ nữ-trang đủ theo kiểu kiểm thời, mà nhất là bông-tai bèo bằng vàng và đồng xứng đã tinh-xảo mà giá rẻ, vì làm sở-trường bặt thiệp nên tinh công nhẹ.

ÔNG E. CHASSAGNE

Là một nhà Bào-chế hạng nhất ở Đại-học-đường Pha-lê

Số 59 Phố Paul-Bert,

HANOI

Bán những chất hóa-học của hiệu **POULENC** và **ADRIAN** chế ra.
Bán đồ dùng trong một phòng thí-nghiệm về việc thuốc hay việc kỹ-nghệ.
Đi xửa-soạn xếp đặt các phòng thí-nghiệm công tư.
Bán nhiều cho các nhà đi khai-khẩn, tinh giá đặc-biệt.

南 NAM-THÁI 泰

公益相濟商局

SOCIÉTÉ COMMERCIALE TONKINOISE

SUCRERIE — PATISSERIE — CONFITURERIE

Hộn đường, Nấu mứt, Làm bánh

DIPLÔME DE MÉRITE A LA FOIRE DE HANOI 1920

TONKIN — 77, Rue Maréchal Foch, 77 — NAM-DINH

(Số nhà 77, Phố hàng Trống)

Các bạn đồng-nghiệp ở Nam-kỳ gửi các thứ đường ra bán nhiều lắm

Bán buôn và bán lẻ

NAM-HỒNG-PHÁT

KHÁCH-LAU

N° 104 et 106, Boulevard Bonnard, (ngang gare xe lửa nhỏ)

Saigon, Cholon Govap, gần chợ mới

Có bán rượu tây, cho mướn phòng ngủ, và mở tiệm hớt tóc, có may y-phục Annam và Langsa, cũng có bán hàng lụa, vải, vân vân...

NAM-HỒNG-PHÁT

廣東二天堂大葯房

NHỊ-THIÊN-ĐƯỜNG

PHỤ-KHOA KIM-PHỤNG-HUỜN

Tiệm lớn tại Quảng-Đông tỉnh-thành. Một tiệm tại Nam-kỳ ở tại đường Canton số 38, Cholon

Extrait du Certificat délivré par l'Institut Pasteur de Saigon le 15 Octobre 1921 :

Ces préparations peuvent être considérées, toutes, comme des préparations ou substances de la Pharmacopée chinoise. Elles paraissent ne présenter aucun danger, à condition de se conformer, pour leur emploi interne ou externe, aux indications des notices ou des étiquettes. Enfin, elles sont en très bon état de conservation.

Sao lục từ vi-bằng Institut Pasteur, Saigon ngày 15 Octobre 1921 chứng rằng :

Các thứ thuốc của tiệm tôi nói trên đây đều làm bằng mấy vị thuốc bên Trung-huế. Thuốc của tiệm tôi không có món chi làm hại hết, miễn là trong khi dùng hoặc uống hoặc thọa, thì phải cứ coi theo các lời dặn hay là coi theo nhãn. Nói tắt một điều là thuốc của tiệm tôi để lâu chẳng hư.

Phàm đàn-bà khác hơn đờn-ông thì chỉ có hai điều: 1o đường kinh, 2o sanh dẻ mà thôi. Nếu hễ muốn sanh con thì trước hết phải lo cho đường kinh đều đặng. Nếu đường kinh chẳng đều thì khó mà có thai cho đặng, ấy là phần nhiều, gốc bởi ngoại-cảm, lục-dâm, hoặc tại ho, rầu, buồn-bực, ưu-huất trong lòng, làm cho khí huyết hao mòn, sanh nhiều chứng bịnh, đều cũng do nơi đường kinh không đều mà ra.

Tiệm tôi đây, từ ngày đặng phương thuốc mầu-nhiệm của ông Tổ truyền lại đến nay, hằng gìn lòng giúp cho đời, lựa những thuốc tốt, gia công chế ra mà làm hườn, để trị cho các chứng bịnh đờn-bà đều dùng đặng hết.

Còn như bình thời mà thường uống thuốc nầy, thì khí huyết dầy đủ, chẳng hề sanh bịnh, mà rồi sanh con dẻ chẩu cũng nhiều, chi như đờn-bà có thai mà uống thuốc nầy, thì lại đặng an thai bảo sản, chừng sanh con ra lại đặng mạnh mẽ nữa, ấy là một phương thuốc rất hay, để trị các chứng bịnh đờn-bà hiệu-nghiệm như thần đó.

Chủ-trị các chứng kể ra sau này:

1. Đường kinh hoặc trồi, hoặc sục, hoặc ít, hoặc nhiều ; 2. Bạch-đái, Bạch-dâm, ra hoài không dứt ; 3. Đường-kinh hoặc vàng dợt, hoặc đen bầm ; 4. Khi huyết đều hư, đường-kinh không có ; 5. Hoặc đường-kinh ra nhiều quá, như muốn làm băng ; 6. Đường-kinh đi nghịch, sang ra thổ huyết, trong bụng thì đau ; 7. Thân thể chẳng yên, xây-xẩm mặt mày, ăn uống không tiêu ; 8. Đau lưng, mỏi cẳng, vàng mét, ốm gầy ; 9. Thai động chẳng yên, trong bụng đau hoài ; Đẻ rồi ứ huyết mà đau, hoặc là-nhao không ra.

Cách dùng : Mỗi ngày phải uống 1 hườn, uống với nước trà Tàu. Còn đờn-bà dẻ thì phải dùng nước đái con nít mà uống với thuốc.

Cử ăn : Những đồ sống-sít, lạnh-lẽ, cùng là đồ rang-nướng, nóng-nảy, độc-địa chẳng nên dùng.

Mỗi hộp 2 hườn giá là . . . . . 1 p. 00

Xin các vị có mua thì phải nhìn cho kỹ cái hiệu NHỊ-THIÊN-ĐƯỜNG có hình ÔNG PHẬT, kẻo lầm đồ giả.

Như chư-vị ở đàng xa xuôi mà muốn dùng thuốc chi, xin viết thơ gởi cho tiệm tôi rõ, thì tôi sẽ gởi thuốc lập tức, mà gởi contre-remboursement, nghĩa là đem tiền lại nhà thơ mà lãnh thuốc. Còn để bao thơ như vầy :

NHỊ-THIÊN-ĐƯỜNG

Pharmacie Asiatique

Rue de Canton, n° 38 **CHOLON**

THUỐC CHỮA BỆNH RẤT HAY!!!

Chắc các ngài xem báo Nam-kỳ từng biết tiếng bản-đường có các thứ thuốc trị các bệnh rất hay :

ÍCH-NGƯƠN-ĐƯỜNG LÃO-DƯỢC-PHÒNG

Chủ-nhân : **A-ANH**

ở đường Chợ-cũ số 55, Place Gambetta. — Saigon (Nam-kỳ)

Bản đường từ khai-sáng đến nay đã ngoài 50 năm rồi, chuyên việc bào-chế các thứ thuốc Cao-Đơn Hoàn tán Dược-Dầu, Dược-Thủy *đều chọn dùng thuốc thượng-phẩm và có dùng cái nhãn* « Mẫu-Đơn-Phượng » *làm ký hiệu, và có cầu chứng nơi tòa Saigon ; cũng có bán đủ* thuốc thang *hoặc muốn làm* thuốc tễ *vân vân đều được cả, lại có chứa đủ các thứ thuốc* thần-hiệu *của các* danh-y *bên* Trung-quốc. *Thuốc của Bản-đường có gởi bán cùng Lục-châu. Những thuốc bán tại Bản-đường đều là thuốc ở bên* Trung-quốc *mỗi kỳ tàu gửi qua, buôn bán dữ mực công bằng khắp nơi trong Lục-châu đều biết. Như quí-vị nào ở xa* châu-thành *mà muốn hỏi thăm điều chi về việc thuốc men hoặc muốn mua thuốc của Bản-đường xin chịu khó mà viết thơ gởi đến Bản-đường. Bản-đường sẵn lòng hồi-đáp lập-tức, nếu tiếp thư mua thuốc thì Bản-đường sẽ gởi* Contre-remboursement.



Phụ khoa khôn phụng hoàn (5)

(Thuốc điều kinh chưởng tử rất hay)

Phàm người dàn bà đường kinh-nguyệt có chứng thì được mạnh giỏi hằng ngày, đến gặp cơn xanh đẻ mà được mạnh giỏi cũng bởi nhờ nơi thân thể dung hòa khí-huyết sung túc mà ra. Song ai cũng mong mỏi điều mạnh giỏi việc kinh-nguyệt cho đúng kỳ và cơn sanh đẻ đặng bình an mọi sự, mà chẳng hay tìm phương giữ mình, tìm thuốc hay dùng ngăn-ngừa trước cho khỏi đều hậu hoạn về sau, vì như cây cỏ mà đặng tốt-tươi nhờ bởi khí âm dương hòa hưởn, còn người mà đặng mạnh-mẽ là nhờ khí-huyết đều hòa, nên mọi người lo phòng trước lúc chưa bệnh, hay hơn là đề gặp bệnh mới lo tìm thuốc hay : Xét cho kỷ người sinh thường hay có bệnh không chừng. Đây tóm một đều đại-khái của đờn bà khi kinh-nguyệt và cơn sinh-đẻ là đều rất quan-hệ mà nói, còn kỳ-dư biết bao nhiêu chứng bệnh hay xảy đến thình-lình kể sao cho xiết. Nên Bổn-đường có chế phương thuốc Khôn-Phụng này thiệt là một phương thuốc thượng-hạng thuốc đã hay lại hiệp sức diệu được và bào-chế kỷ cang, bao sắp làm hoàn-tánh được mỗi mỗi đều trùng theo cách điều kinh chưởng-tử rất nên thần hiệu, thiên-hạ khắp dùng đã lâu, rỏ là một phương thánh-dược trên đời nếu người đương mạnh mà thường dùng thuốc này thì chắc mạnh giỏi luôn luôn không hay đau vặt, còn đờn bà có chồng thì mau sanh con, chí như đã có thai lại thêm bồi-bổ cho an-thai và giúp sức mạnh-mẻ đến cơn sanh đẻ, chẳng vậy mà thôi, dầu con gái mới lớn lên dùng thuốc này cũng hữu-hạnh lắm là thêm điều-hòa đường kinh, bồi bổ khí-huyết da thịt mịnh màng, thanh tươi nhan-sắc, thân-thể phương-phi, diệt trừ bá bệnh. Thiệt là một phương thuốc vệ sanh của đờn-bà.

Trị những chứng

1 Đàn-bà khi huyết kém suy, đường kinh không tốt chậm con.
2 Đường kinh hư, hoặc khi nhiều khi ít trời sụt không chừng.
3 Bởi đường kinh không tốt biến ra chứng đau bụng.
4 Đường kinh bế, nghịch, hàn ói máu
5 Đường kinh xấu huyết dợt dạt hoặc đỏ bầm.
6 Huyết bạch, huyết băng, thân thể ốm o, tinh thần giã dược.
7 Hoặc lo-lắng nhiều, mệt nhọc chân thân bãi hoãi.
8 Nghẹn, tức, đau lưng mỏi gối ăn không tiêu, nhức đầu, bụng dạ bàn hoàn, mặt mày xầy xầm.
9 Thai bệnh, máy động chẳng êm thân-thể mỏi tê, tức i phát thũng.
10 Lúc sinh đẻ huyết dư còn lại, hoặc giau (thai ,y) ra kì ông hết mà sinh bệnh.

Các chứng nói trên đây dùng đến thuốc KhônPhụng này tức thì lành đã.

Mỗi một viên giá . . . . 0 p. 40
Nguyên một hộp bốn viên giá. 1 50

Hôm trước tôi mua 5 hộp thuốc «phụ-khoa khôn phụng-hoàn» cho vợ tôi dùng thiệt là mầu-nhiệm, vợ tôi năm nay đã 43 tuổi sinh đặng mười mấy đứa con, bởi thai nghén nhiều chứng bệnh huyết khí suy kém, xây xam mặt mày, thân-thể bần-thần, nóng lạnh nhức đầu, mỏi gối đau lưng, ăn uống không ngon, đêm ngủ không an. Nay nhờ thuốc mầu-nhiệm của ông, vợ tôi dùng hết 5 hộp thì tiêu hết bệnh như tôi đã nói trên đây mà lại khỏe hơn hồi trước thập bội, mạnh-mẽ hơn xưa, thiệt là thuốc của ông rất nên thần-hiệu ; nên tôi chẳng nài quê kịch mà tạm đôi lời tỏ lòng cám ơn với ông và rất khen ngợi ông khéo lựa thuốc hay mà luyện chế thuốc « phụ-khôn phụng-hoàn » chẳng có thuốc nào bì kịp. Luôn dịp xin ông chịu khó gởi cho tôi mua 15 hộp phụ-khoa khôn phụng-hoàn và 10 hộp kim-y-song- bổ-hoàn gởi contre-remboursement, rất cám ơn.

PHẠM-VĂN-DƯƠNG
Propriétaire à Phước-Thành Bacliêu

Tinh chế huê liễu hoàn *(Số 4)*

(Thuốc tiêu các giống độc)

Hằng tưởng hễ qúa vui thì sinh buồn, nên người hay ham vui xầy bệnh chứng sang độc là một chứng rất hiểm-nghèo, thì hoặc nhơn nhiệt độc mà sinh, nhiều khi dùng không đúng thuốc, đau đi đau lại mãi mãi, vui một chốc mà chịu nhọc cả đời, khó cho tuyệt chứng sang-độc ấy, muốn cho tuyệt độc phải trừ căn, vì như đốn cây phải đức gốc nên bổn-đường chế phương thuốc tiêu độc này, chẳng luận lâu mau, hoặc mới phát, cả mình mọc mụn hoặc nơi dương-vật mọc mụn, đái gắt xương gối mỏi-mê, châu-thân bãi hoải, lột da chon, các chứng về sang độc, đến thuốc này tức thì hết lại trừ tuyệt nọc độc, khỏi đau đi đau lại nữa, và sức lực trở nên mạnh-mẽ như thường, thực là thần-hiệu hơn các thứ thuốc khác, lại dùng thuốc này sau khỏi lo bề tuyệt-tự, (thuốc này kỵ thai).

Giá bán mỗi lọ 0p.80

Monsieur Ngô-quang-Sanh
Clerc d'Hussier a Sadec
à Monsieur A-ANH
Ích-Ngươn-Đường Saigon

Lời cho ông rỏ : Tôi lấy làm khen thứ thuốc «Tinh-Chế Huê-Liễu-Hoàn của tiệm ông bào-chế, thiệt là thuốc rất hay. Tôi đã uống thuốc Tây thuốc Nam nhiều thứ mà không thấy hiệu nghiệm chút nào, chừng uống thuốc của ông vô thì bệnh thuyên-giảm rất lẹ. Tôi cầu chúc cho mọi người nếu nhầm bệnh như vậy mà gặp thứ thuốc nầy đặng thiệt là rất có phúc. Nay tôi gửi theo đây một cái mandat 3 p. 20 và xin ông gởi lại lập-tức cho tôi bốn ve thứ thuốc đó đặng tôi uống tiếp theo. Tôi cầu chúc cho quí-đường đặng bền vững lâu dài, thạnh-vượng luôn luôn.

NGÔ-QUANG-SANH

N. B. — Tôi xin hỏi ông, như bệnh đã mạnh rồi muốn uống thuốc bổ lại, có thứ thuốc bổ chi hay, ông chỉ giùm cho tôi mua uống. Thứ thuốc bổ nào về bệnh đó cho thiệt hay, đắt bao nhiêu cũng không sao, miễn là thuốc thiệt hay thì thôi, ông nói cho tôi biết hoặc thuốc nước, thuốc hoàn hay là thuốc rượu cũng đặng.

NG. Q. S.

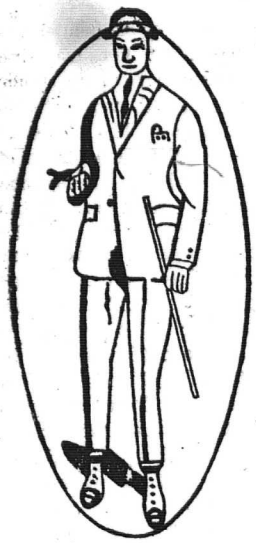

NAM-THINH — TAILLEUR

SOIERIES

6, Rue des Cantonnais — Hanoi (Tonkin)

Bán buôn và bán lẻ, hàng tơ lụa Bắc-kỳ

Bản-hiệu chuyên nghề bán cất các thứ tơ lụa Bắc-kỳ sau này :

Lĩnh bưởi trơn và hòa, lương trơn và hoa, băng thâm và các sắc, lụa cô đô thâm và chẳng, lụa quần anh thâm và các sắc, the la cả thâm và các sắc, sô hột thâm và các sắc, sồi thâm thật tốt, vân thâm và các sắc, sa trơn và hoa, lượt khăn 12 và 14 vuông (còn nhiều thứ nữa không kể hết).

Các thứ hàng Tây may y phục Langsa : alpaga couleur, drap fantaisie, gabardine couleur, tissus imperméable, tussor de soie très blanc, drap satin noir tennis, flanelle blanche, etc.

Cửa hàng nào buôn nhiều về bán, hãy viết thư về thương-nghị, sẽ được **trừ hoa hồng từ 3 đến 10 pour cent.**

Hàng gửi đi Contre-remboursement.

NAM-THỊNH, Hanoi
Kính cáo

祥和裕

YU-WO-TSÉONG

Soieries Chinoises et Annamites en tous genres

VENTE EN GROS

48, — Rue des Cantonnais, Hanoi

Téléphone n° 266

Kính trình các quí-khách biết rằng : Bản-hiệu bán buôn các thứ gấm, vóc, nhiễu, kỷ-cầu, v. v... Hàng Saigon : như cẩm-châu, trừu, lương, xuyến, lĩnh, v. v... Hàng Bắc-kỳ như : Lương, xuyến, lĩnh, lượt, băng, quế, v. v... Hàng Tầu bản-hiệu có xưởng tự làm ra được, hàng Bắc và hàng Saigon thì bản-hiệu buôn nhiều, cho nên được một giá rẻ hơn các hiệu khác. Hàng bản-hiệu bán buôn, chứ không bán lẻ, và không gửi mẫu đi các tỉnh, vì rằng cây nào cũng còn nguyên, không thể cắt được mẫu, như các quí khách ở tỉnh xa mà có lòng quang-cố đến bản-hiệu thì bản-hiệu xin gửi một cái đơn khai giá các thứ hàng là đủ. Bản-hiệu cũng muốn giao-thiệp buôn bán với các quí-khách cho lâu giài, cho nên nếu quí-khách có gửi mua thứ gì thì bản-hiệu xin hết sức chọn những cây thực tốt mà tính giá phải chăng, để khỏi phụ lòng quí-khách đã tin cậy.

Vậy xin các quí-khách có cần dùng đến thứ hàng gì để bán thì xin chiếu-cố mua giúp cho bản-hiệu. Nay kính cáo.

YÚ-WO-TSÉONG.

GIÁ ĐĂNG CÁO-BẠCH RAO HÀNG VÀO HỮU-THANH TẠP-CHÍ

*Đăng cáo-bạch rao hàng vào « **Hữu-thanh tạp-chí** » thời cứ mỗi trang giấy chia ra làm sáu ô, nhỏ nhất là một phần sáu trang. Vậy ngài nào đăng một phần chia sáu cũng được, hay một phần chia tư, một phần chia ba, một nửa hay cả trang Bản-chí sẽ sin tùy giá châm-chước. Song Bản-chí xin nói để các ngài có cửa hàng hay muốn rao báo việc gì thời rõ cho rằng : Bản-chí là một cái cơ-quang chung của hai hội lớn nhất Đông-Pháp này, vả người đọc Bản-chí rất nhiều, nếu đăng vào Bản-chí thật là có ích-lợi cho việc cổ-động của các ngài lắm.*

Ngài nào muốn đăng cáo-bạch hay rao báo việc gì xin mời các ngài đến Bản-xã hay là gửi thư đến, Bản-xã sẽ xin tính giá phải chăng.

GỬI MANDAT GIẢ TIỀN VÀ GÓP CỔ-PHẦN

Xin các ngài gửi mandat tiền Tạp-chí hay Cáo-bạch cùng là đóng Cổ-phần cho **Ích-hữu-thư-xã** xin đề phong-bì rõ-ràng cho :

M. NGHIÊM-VỊNH

Directeur de la Société « **Ích-hữu thư-xã** » 58 Rue du Coton, Hanoi.

MUA TẠP-CHÍ, ĐĂNG CÁO-BẠCH VÀ GỬI BÀI LAI-CẢO

Các ngài trong Hội **ích-hữu thư-xã** và Hội **Bắc-kỳ Công-thương đồng-nghiệp** mua **Hữu-Thanh** hay đăng cáo-bạch vào **Hữu-Thanh** đều được trừ 10 % cả.

Ai mua Tạp-chí, đăng Cáo-bạch vào Tạp-chí, **gửi bài lai-cảo hay hỏi** việc gì xin viết thơ cho :

M. NGHIÊM-VỊNH

Directeur de la Société « **Ích-hữu thư-xã** », 58 Rue du Coton, Hanoi (Tonkin)

Imp. Ích-Hữu-Thư-Xã — Le Directeur Gérant : **NGHIÊM-VỊNH**

友聲雜誌

第卅六號

REVUE HUU-THANH
HANOI-TONKIN

益友書社發行